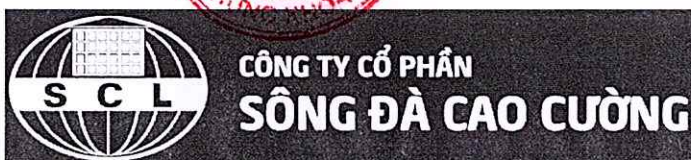


ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17/04/2007, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 01/03/2019)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số .1.7.1.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ..21. tháng ..06.. năm 2022...)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường



Địa chỉ: Km 28+100m, Quốc lộ 18, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0220 358 0414

Website: <http://www.songdacaocuong.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Hữu Lực

Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức hành chính

Số điện thoại: 0220 358 0414

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17/04/2007, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 01/03/2019)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 1.500.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 15.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, Đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Số điện thoại: 024 3868 9566/024 3868 9588

Fax: 024 3868 6248

Website: <http://www.kiemtoanava.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 6 tòa nhà TTXVN, Số 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 3728 0921

Fax: (84-24) 3728 0920

Website: <https://www.tvsi.com.vn/>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	1
1. Tổ chức phát hành.....	1
2. Tổ chức tư vấn	1
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	1
1. Rủi ro về kinh tế.....	1
2. Rủi ro về luật pháp	5
3. Rủi ro đặc thù.....	6
4. Rủi ro về đợt chào bán	6
5. Rủi ro pha loãng.....	7
6. Rủi ro quản trị công ty	9
7. Rủi ro khác	9
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	10
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	10
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	11
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành	12
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	12
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	14
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	15
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	16
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành tại ngày 25/03/2022	17
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	18
10. Hoạt động kinh doanh	18
11. Chính sách đối với người lao động	30
12. Chính sách cổ tức	32
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	33

14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	33
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	33
16.	Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	33
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH		33
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh	33
2.	Tình hình tài chính	35
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành ..	42
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC/PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG		45
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập	45
2.	Thông tin về cổ đông lớn	45
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.....	49
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN		62
1.	Loại cổ phiếu.....	62
2.	Mệnh giá cổ phiếu.....	62
3.	Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán và phát hành.....	62
4.	Giá chào bán dự kiến	62
5.	Phương pháp tính giá	63
6.	Phương thức phân phối	64
7.	Đăng ký mua cổ phiếu	66
8.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	67
9.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	69
10.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	69
11.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	69

12. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán)	70
13. Thông tin về các cam kết	71
14. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	71
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	72
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	72
1. Mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất:	73
2. Trả nợ vay ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV):	73
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	74
1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán ra công chúng.....	74
2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán ra công chúng	74

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1 - Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp qua các năm.....	18
Bảng 2 - Cơ cấu doanh thu lợi nhuận chia theo sản phẩm, dịch vụ	19
Bảng 3 - Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2019, 31/12/2020 và 31/12/2021	20
Bảng 4 - Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	21
Bảng 5 - Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty	22
Bảng 6 - Tình hình lao động của Công ty	30
Bảng 7 - Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty	33
Bảng 8 - Tình hình vốn chủ sở hữu năm 2020 – 2021 và Quý I.2022	36
Bảng 9 - Tình hình các khoản phải thu.....	37
Bảng 10 - Tình hình các khoản phải trả	37
Bảng 11 - Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước	38
Bảng 12 - Tình hình trích lập các quỹ theo luật định	39
Bảng 13 - Tình hình dư nợ vay của Công ty qua các năm	39
Bảng 14 - Các chỉ tiêu tài chính năm 2019 – 2021	40
Bảng 15 - Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực tế thực hiện năm 2021	43
Bảng 16 - Danh sách cổ đông lớn SCL tại ngày 25/03/2022	45
Bảng 17 - Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn	46
Bảng 18 - Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn (tiếp)	47
Bảng 19 - Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn (tiếp)	49

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Ông: Kiều Văn Mát Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Vũ Văn Chiến Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông: Trần Văn Hoan Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Bà: Nguyễn Thị Linh Chức vụ: Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

(Theo Giấy ủy quyền số 515/2021/UQ-TGD ngày 21/06/2021 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số CF10/TVSI-SCL/2021 ngày 14 tháng 12 năm 2021 với Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

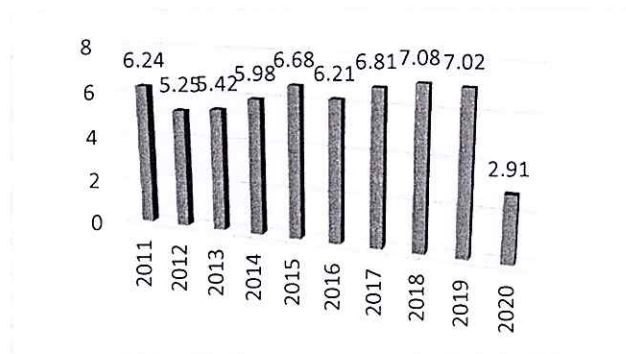
Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng và phát triển của doanh nghiệp. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô với các nhân tố cơ bản là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới đa số các ngành nghề trong nền kinh tế. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành của doanh nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tính chung cả thời kỳ Chiến lược 2011 - 2020, tăng trưởng GDP của Việt Nam dự kiến đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỷ USD năm 2010 lên 268,4 tỷ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020.

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam. Tháng 1/2020, ca nhiễm Covid-19 đầu tiên được ghi nhận tại Việt Nam, từ đó đã ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng và tiếp tục có diễn biến phức tạp, khó lường. Đợt phục hồi kinh tế còn bị cản trở bởi bất ổn chính trị và kinh tế thế giới và khu vực như cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, cuộc bầu cử Tổng Thống Mỹ và căng thẳng OPEC+. Thiên tai dị thường, 13 cơn bão trên Biển Đông và đỉnh điểm là đợt mưa lũ lớn lịch sử tháng 10 đã gây thiệt hại lớn tại khu vực Trung Bộ nói riêng và Việt Nam nói chung. Tăng trưởng GDP năm 2020 là mức thấp nhất của giai đoạn 2011-2020, thấp hơn nhiều so với 6,8% theo kế hoạch. Nhưng đây là mức tăng trưởng cao hơn rất nhiều so với mức âm 5% trung bình của thế giới, do Việt Nam đã thực hiện tốt nhiệm vụ kép vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi kinh tế, điển hình là ký kết thành công Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và EU. Trong mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%.

Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2011 - 2020 (%)



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 3/2021 ước tính giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP quý đến nay. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,04%; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 5,02%; khu vực dịch vụ giảm 9,28%. Về sử dụng GDP quý 3/2021, tiêu dùng cuối cùng giảm 2,83% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 1,61%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 2,51%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 10,75%. GDP 9 tháng năm 2021 chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,74%, đóng góp 23,52%; khu vực công nghiệp

và xây dựng tăng 3,57%, đóng góp 98,53%; khu vực dịch vụ giảm 0,69%, làm giảm 22,05%.

Là một Công ty hoạt động trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình biến động sản xuất công nghiệp và xây dựng trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển cho từng thời kỳ nhất định. Trước bất kỳ một thay đổi nhỏ nào của nền kinh tế thế giới nói chung cũng như kinh tế Việt Nam nói riêng, Ban lãnh đạo Công ty cũng tiến hành phân tích, nghiên cứu và đưa ra các phương hướng hành động cụ thể tương ứng với từng giai đoạn hoạt động của Công ty. Chính vì thế, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực sản xuất, năng lực tài chính của Công ty.

Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có ảnh hưởng đến mọi chủ thể trong nền kinh tế. Lạm phát tăng cao sẽ kéo theo sự gia tăng của nguyên nhiên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất, quản lý, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của các doanh nghiệp.

CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm 2019, đạt mục tiêu dưới 4% của Quốc hội. CPI bình quân năm 2020 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau: (i) Giá các mặt hàng lương thực tăng 4,51% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,17%); (ii) Giá các mặt hàng thực phẩm tăng 12,28% so với năm trước (làm CPI chung tăng 2,61%), trong đó riêng giá thịt lợn tăng 57,23% (làm CPI chung tăng 1,94%); (iii) Giá thuốc và thiết bị y tế tăng 1,35% do dịch Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp nên nhu cầu về mặt hàng này ở mức cao; (iv) Tiếp tục thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP làm chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục năm 2020 tăng 4,32% so với năm 2019. Theo Bộ Công thương, trong khi nền kinh tế vẫn đang phục hồi, Việt Nam cần chuẩn bị cả cho những biến động bất thường nhưng dự địa để CPI bình quân năm 2021 tiếp tục đạt mục tiêu dưới 4% được đề ra.

Chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam qua các năm (% so với cùng kỳ năm trước)



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Lạm phát cơ bản tháng 11/2021 tăng 0,11% so với tháng trước, tăng 0,58% so với cùng kỳ 2020. Bình quân 11 tháng năm 2021, lạm phát cơ bản tăng 0,82% so với cùng kỳ năm 2020, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 1,84%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, giá xăng, dầu và giá gas tăng. Mức lạm phát cơ bản tháng 11 và 11 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước đều là mức thấp nhất kể từ năm 2011. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2021 tăng 0,32% so với tháng trước. Về nguyên nhân tăng, giảm CPI, giá xăng dầu liên tục được điều chỉnh, giá gas biến động theo diễn biến thị trường thế giới. Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở 11 tháng 2021 tăng 6,8% so với cùng kỳ 2020 do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào. Trong khi đó, nguyên nhân làm giảm được nêu ra là giá các mặt hàng thực phẩm 11 tháng giảm 0,52% so với cùng kỳ 2020. Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch COVID-19, trong đó gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng trong quý II (bắt đầu giảm từ tháng 5/2020), quý IV năm 2020 (được thực hiện vào tháng 1/2021) và giảm giá điện, tiền điện cho người dân tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg tại kỳ hóa đơn tháng 8, tháng 9/2021. Ảnh hưởng của dịch COVID-19 khiến người dân hạn chế đi lại, theo đó giá vé máy bay 11 tháng giảm 21,39% so với cùng kỳ 2020; giá du lịch trọn gói giảm 2,42%. Trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, các ngành các cấp đã tích cực triển khai thực hiện các giải pháp đồng bộ để ngăn chặn dịch bệnh và ổn định giá cả thị trường.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, yếu tố lạm phát có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty, đặc biệt là tới chi phí giá thành sản xuất và giá bán sản phẩm, từ đó ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh. Giá nguyên vật liệu phụ gia đầu vào, chi phí năng lượng sản xuất tăng khiến giá thành sản phẩm tăng, trong khi áp lực cạnh tranh khiến giá bán không thể tăng quá cao có thể dẫn đến lợi nhuận giảm. Giá vật liệu bảo dưỡng tăng khiến nhu cầu thi công công trình giảm, tác động ngược đến sản lượng bán hàng cũng giảm theo... Tuy nhiên, do nguyên vật liệu chính đầu vào là tro xỉ từ nhà máy nhiệt điện có giá thành hầu như không biến động, khi giá sản phẩm đầu gia tăng sẽ giúp doanh thu lợi nhuận đều tăng. Đây là một lợi thế lớn đối với sản phẩm của Công ty. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn sát sao theo dõi sự biến động của giá cả và tình hình lạm phát, từ đó có kế hoạch mua nguyên vật liệu, điều chỉnh kế hoạch và sản lượng sản xuất phù hợp để tối ưu hóa kết quả kinh doanh.

Rủi ro lãi suất

Kể cả đối với những doanh nghiệp có tài chính mạnh, cũng có những thời điểm cần huy động vốn vay để đảm bảo vận hành kinh doanh. Trong trường hợp xấu, chi phí trả lãi vay sẽ cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận. Để đối phó với rủi ro từ lãi suất, trong giai đoạn 2015-2018, lãi suất được Ngân hàng Nhà nước duy trì ở mức ổn định.

Từ đầu năm 2020, để giảm bớt khó khăn do tác động của dịch COVID-19, đẩy nhanh tốc độ phục hồi của nền kinh tế, tăng khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng, trên cơ sở diễn biến kinh tế trong và ngoài nước, Ngân hàng Nhà nước đã liên tiếp điều chỉnh hạ 3 lần lãi suất điều hành liên tiếp vào tháng 3, tháng 5 và tháng 10, tổng mức giảm 150 điểm cơ bản đối với lãi suất tái cấp vốn, cũng như hạ trần lãi suất huy động dưới 6 tháng từ 80 - 100 điểm cơ bản.

Đến năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các ngân hàng thương mại lớn trong hệ thống ngân hàng đã giảm lãi suất cho vay đối với những khoản dư nợ hiện hữu từ giữa tháng 7 đến hết năm 2021. Theo đó, lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên đang ở mức 4,4%/năm, thậm chí còn thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước là 4,5%/năm.

Là một doanh nghiệp sản xuất, đồng thời đang tiến hành đầu tư xây dựng cơ bản nhiều hạng mục mới phục vụ mục tiêu mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Việc sử dụng đòn bẩy tài chính thông qua các công cụ nợ là tất yếu đối với Công ty, do đó, lãi suất có tác động lớn trực tiếp tới kết quả kinh doanh, lãi suất tăng quá cao hay biến động bất thường sẽ khiến các hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng nặng nề, đồng thời tạo ra sự bị động khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh. Do đó, sự biến động của lãi suất được Lãnh đạo Công ty theo dõi sát sao để có kế hoạch giải ngân nhận nợ, trả nợ phù hợp, vừa đảm bảo các tỷ lệ an toàn tài chính, vừa tối ưu hóa các chi phí tài chính để phục vụ tốt nhất cho mục tiêu hoạt động từng thời kỳ của Công ty

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các loại vật liệu xây dựng mới như tro bay; vữa khô trộn sẵn; keo dán gạch đá; keo chít mạch; gạch nhẹ chung áp AAC; sản xuất thạch cao nhân tạo, đây là các công trình nghiên cứu duy nhất về lĩnh vực này tại Việt Nam. Do vậy, Công ty chịu sự điều chỉnh trực tiếp từ các văn bản pháp luật liên quan đến các tiêu chuẩn kỹ thuật về vật liệu xây dựng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành và các văn bản pháp luật liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Để hạn chế rủi ro vi phạm, doanh nghiệp phải bám sát các chính sách và quy định của luật về lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần (CTCP), và là công ty đại chúng có cổ phiếu giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán. Hệ thống pháp luật nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao, các bộ luật được thay đổi khá thường xuyên, gây khó cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ để hoạt động ổn định. Nhằm hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật và chính sách quản lý của Nhà nước, từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch

phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

3. Rủi ro đặc thù

Hiện nay Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: sản xuất các loại vật liệu xây dựng mới như tro bay; vữa khô trộn sẵn; keo dán gạch đá; keo chít mạch; gạch nhẹ chung áp AAC; sản xuất thạch cao nhân tạo nên sẽ phải chịu một số những rủi ro sau:

- Lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng thuộc ngành nghề kinh doanh chịu rủi ro liên quan đến sức khỏe và tính mạng con người. Do đó, vấn đề chất lượng sản phẩm của Công ty luôn được đặt lên hàng đầu, do các thiết bị cung cấp đều do các hãng hàng đầu trên thế giới, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về thiết bị y tế phục vụ con người của các quốc gia. Công ty phải luôn chú trọng tới việc đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành.

- Đối với hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng, các nguyên liệu nhập khẩu được sử dụng trong quá trình sản xuất nên sẽ bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ. Đây là một trong những nhân tố rủi ro ảnh hưởng nhiều đến giá vốn hàng bán và khả năng sinh lời của các Công ty trong ngành nói chung, trong đó có SCL. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi những biến động về giá cả hàng hóa trên thị trường quốc tế. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã thiết lập và duy trì mối quan hệ uy tín với các nhà cung cấp lớn trên thị trường, đồng thời phải có những đánh giá về thị trường thường xuyên để đảm bảo có thể chủ động nguồn hàng hóa với giá cả ổn định. Bên cạnh đó, Công ty luôn tăng cường công tác dự báo thị trường để có thể chủ động và có kế hoạch dự trữ hàng hóa hợp lý, giảm thiểu tác động trong những giai đoạn giá cả thị trường có sự biến động mạnh.

- Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới. Đặc biệt sau khi Việt Nam gia nhập WTO cùng với sự dỡ bỏ các hàng rào thuế quan sẽ thu hút sự tham gia của Công ty hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng từ nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh và công nghệ hiện đại. Việc kinh doanh trong lĩnh vực này sẽ cạnh tranh khốc liệt hơn nên công ty phải có các phương án kinh doanh đảm bảo hạn chế được những cạnh tranh về mặt giá cả, chất lượng và chủng loại sản phẩm.

- Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu, người lao động hàng ngày phải tiếp xúc với các nguyên liệu như tro xỉ, hóa chất..., điều này sẽ ảnh hưởng không tốt cho sức khỏe của người lao động, ảnh hưởng đến năng suất lao động và đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, việc trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động, mua bảo hiểm y tế nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động là hết sức cần thiết và luôn được Công ty chú trọng.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán không thành công

Với diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn hiện nay khá phức tạp, các chỉ số giá chứng khoán biến động liên tục, đợt chào bán của Công ty, có thể sẽ có rủi ro về việc chào bán không thành công. Xác định được rủi ro này nên Công ty đã có những phương án dự trù hỗ trợ trường hợp phát hành không thành công. Để đảm bảo đủ nguồn vốn để trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Công ty dự kiến sẽ huy động nguồn vốn vay ngân hàng, các tổ chức tài chính hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp phục vụ sản xuất kinh doanh.

5. Rủi ro pha loãng

Mức độ pha loãng giá cổ phiếu sau khi chào bán

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu SCL sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

P_{pl} : là giá tham chiếu điều chỉnh trong Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

P_t : là giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

I : là tỷ lệ vốn tăng trong trường hợp thực hiện quyền mua thêm đối với cổ đông hiện hữu: được tính = 1.500.000 cổ phiếu phát hành thêm quyền mua cho cổ đông hiện hữu/13.889.973 cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành ($I = 0,108$)

PR : Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu ($PR=10.000$ đồng/cổ phiếu)

Vào ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm giá cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh. Giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng P_{pl} phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng P_t

+ Nếu $P_t = PR = 10.000$ đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng $P_{pl} = P_t = 10.000$ đồng/cổ phiếu.

+ Nếu $P_t < PR$, thì $P_t < P_{pl}$ và P_t càng thấp thì khoảng cách $P_{pl} - P_t$ sẽ càng cao.

+ Nếu $P_t > PR$ thì $P_t > P_{pl}$ và P_t càng cao thì khoảng cách $P_t - P_{pl}$ càng cao. Với mỗi giá P_t cụ thể ta sẽ có giá P_{pl} tương ứng.

Rủi ro pha loãng giá xảy ra khi giá cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền $P_t > PR = 10.000$ đồng

Ví dụ: Giả sử giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền $P_t = 11.000$ đồng/cổ phiếu. Giá pha loãng cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường sau đợt phát hành được xác định như sau:

$$P_{pt} = \frac{11.000 + (10.000 \times 0,108)}{1 + 0,108} = 10.903 \text{ đồng/cp}$$

Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu sau khi chào bán (Pha loãng EPS)

Khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể sẽ bị giảm do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng. Khi đó EPS được tính như sau:

$$EPS \text{ bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

$$\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y*T}{12}$$

Trong đó: X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành

Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm

T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phiếu sẽ bị giảm. Mức độ pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi công ty làm ăn tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.

Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành – cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (tối đa là 10,8% và giả sử không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

6. Rủi ro quản trị công ty

SCL luôn tuân thủ các quy định về quản trị, đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động HĐQT và Quy chế hoạt động BKS đã được cập nhật theo các quy định hiện hành và đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 theo Nghị quyết số 156/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2021.

Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường luôn tuân thủ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

Khi thực hiện chào bán, việc pha loãng sẽ dẫn đến thay đổi cơ cấu quản trị. Tuy nhiên, do tỷ lệ chào bán thấp, đồng thời đây là đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành ESOP nên rủi ro quản trị sẽ thấp.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như tình hình hoạt động chung của Tổ Chức Phát Hành.

Từ năm 2020, đại dịch Covid 19 có tác động đặc biệt xấu đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Mặc dù việc sản xuất và phân phối vaccine COVID-19 hiện được triển khai thần tốc với độ phủ lớn, công tác phòng chống dịch và ý thức của cộng đồng đều được nâng cao, tuy nhiên, các biến thể mới và diễn biến của dịch là điều không thể lường trước. Cụ thể, diễn biến dịch bệnh COVID-19 vẫn phức tạp khi ghi nhận các biến chủng mới của virus SARS-CoV-2 tại nhiều quốc gia, với tỷ lệ tử vong cao hơn và khả năng siêu lây nhiễm cực kỳ nguy hiểm. Những khó khăn từ đại dịch sẽ ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của Công ty, tác động trực tiếp đến sức khỏe của đội ngũ cán bộ, công nhân viên, từ đó ảnh hưởng xấu đến tình hình sản xuất kinh doanh. Về thị trường, đại dịch làm nhu cầu mua giảm cũng như tiến độ phân phối hàng hóa bị ảnh hưởng trầm trọng. Đây là các nguyên nhân khiến Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động xây dựng các kế hoạch phòng, chống dịch, đi cùng các phương án dự phòng cho các tình huống xảy ra để không bị động trước diễn biến phức tạp của dịch và giảm thiểu thiệt hại do COVID – 19 gây ra.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

Tổ chức phát hành/ SCL : Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

TVSI	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
UBCKNN	:	Ủy ban chứng khoán nhà nước
BCTC	:	Báo cáo tài chính
CTCP	:	Công ty cổ phần
Luật Doanh nghiệp	:	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020
Luật Chứng khoán	:	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019

Những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên Công ty	:	Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường
Tên tiếng Anh	:	Song Da Cao Cuong Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	SONGDA CAOCUONG., JSC
Trụ sở chính	:	Km 28+100m, Quốc lộ 18, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Điện thoại	:	(0220) 358 0414
Fax	:	
Web site	:	www.songdacaocuong.vn
Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17/04/2007, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 01/03/2019

Vốn điều lệ : 138.899.730.000 VND

Vốn điều lệ thực góp : 138.899.730.000 VND

Người đại diện theo pháp luật : Ông Vũ Văn Chiến Chức vụ: Tổng Giám đốc

Mã cổ phiếu : SCL

Sàn giao dịch : UpCOM

Ngành nghề kinh doanh chính - Sản xuất vật liệu xây dựng, chi tiết:

+ Sản xuất tro bay;

+ Sản xuất vữa khô trộn sẵn,

+ Sản xuất keo dán gạch đá, keo chít mạch;

+ Sản xuất gạch nhẹ chưng áp AAC,;

+ Sản xuất thạch cao nhân tạo.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Năm 2007: Ngày 17/04/2007, Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Cao Cường chính thức được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000572 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng, với định hướng lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất tro bay. Do đó, trong năm 2007, Công ty đã thực hiện xây dựng nhà máy tro bay đầu tiên, đặt nền móng cho sự phát triển tiếp theo;

Năm 2008: Công ty đạt giải thưởng WIPO - Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam dành cho Dây chuyền công nghệ sản xuất tro bay;

Năm 2009: Công trình Dây chuyền chế biến tro bay của Công ty được Cục Bản quyền tác giả cấp chứng nhận và được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen. Cũng trong năm, Công ty thực hiện chào bán 3 triệu cổ phiếu ra công chúng;

Năm 2010: Ngày 22/04/2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường. Về sản xuất, Công ty tiến hành khởi công xây dựng Nhà máy gạch nhẹ ACC và Nhà máy vữa khô trộn sẵn, mở rộng phạm vi cũng như quy mô kinh doanh. Trên thị trường chứng khoán, ngày 15/09/2010, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn HNX.

Năm 2013: Công ty nhận giải thưởng Vì môi trường xanh quốc gia, trở thành thành viên của Hội đồng Công tình xanh Việt Nam;

Năm 2014: Công ty được cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp khoa học - Công nghệ

Năm 2015: Công ty tiếp tục thực hiện chào bán thêm 3 triệu cổ phiếu ra công chúng.

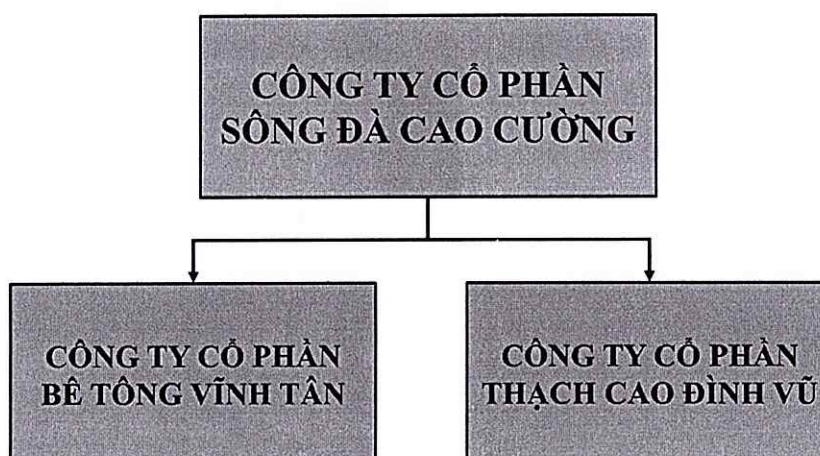
Năm 2016-2019: Công ty có nhiều thay đổi trong bộ máy quản trị, cơ cấu lại bộ máy quản lý, các nguồn lực được chuẩn bị và hoạch định để đáp ứng tốt yêu cầu đảm bảo phát triển bền vững, tối ưu hoạt động của công ty.

Năm 2020: Cổ phiếu SCL hủy niêm yết từ ngày 08/05/2020 và chính thức giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM – Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Năm 2021-2022: Công ty dự kiến thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng kết hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Từ khi chính thức đi vào hoạt động đến nay, Công ty không ngừng mở rộng hoạt động sản xuất, đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật, tìm kiếm thị trường, huy động và tối ưu hóa nguồn vốn. Cùng với sự điều hành sáng suốt, uyển chuyển, nhạy bén của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và với sự đồng thuận của toàn thể Cán bộ nhân viên, Công ty đã tập trung mạnh nguồn lực, con người để phát triển mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và khẳng định vị thế trên thị trường.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

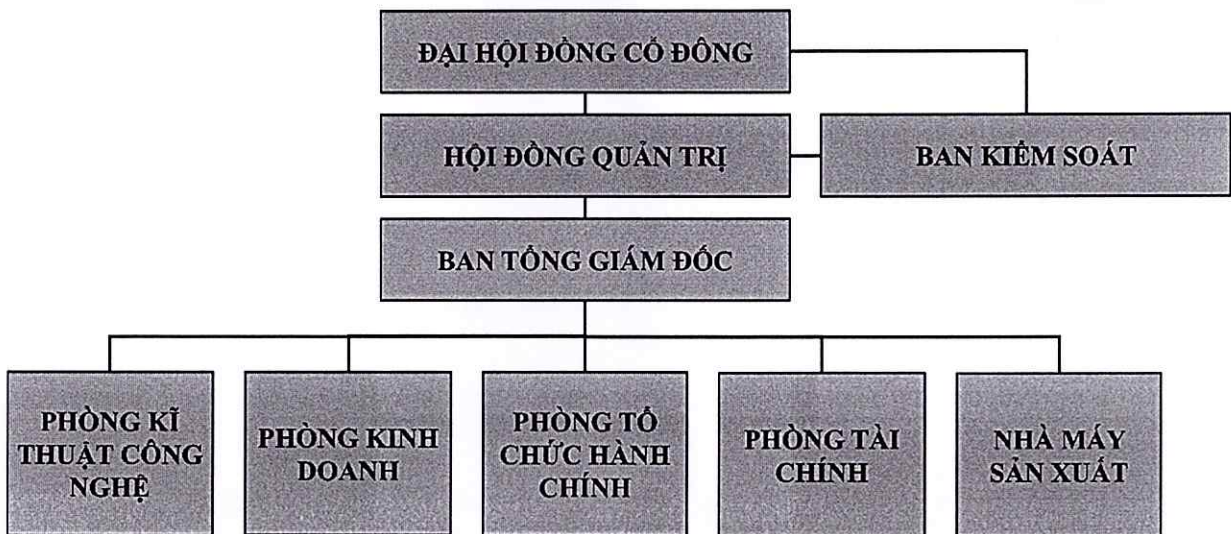


(Nguồn: SCL)

Hiện Công ty có góp vốn vào 02 Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Bê tông Vĩnh Tân
- Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành



(Nguồn: SCL)

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông cổ đông. Quyền và nghĩa vụ chi tiết của Hội đồng quản trị được nêu tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Đối với nội dung quyền của Hội đồng quản trị được nêu tại Điểm h Khoản 2 Điều 27 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty chưa phù hợp với quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp. Công ty sẽ thực hiện báo cáo ĐHĐCĐ trong phiên họp gần nhất để sửa đổi theo đúng quy định. Trong thời gian chờ đến phiên họp ĐHĐCĐ gần nhất, Công ty cam kết việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tuân thủ đúng nội dung nêu tại Điểm h Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm tra nội bộ của Công ty. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt

động của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát của Công ty có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các phòng ban chức năng

Các phòng ban nghiệp vụ thực hiện theo sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

a. Công ty mẹ

Danh sách công ty mẹ của SCL trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có.

b. Công ty con

Danh sách công ty con mà SCL đã góp vốn 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có.

c. Công ty mà Tổ chức Phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Tên Công ty	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của SCL	Tỷ lệ biểu quyết của SCL	Ghi chú
Công ty Cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân	Số ĐKKD: 3401215209 cấp ngày 01/12/2020 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp	Thôn Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	40%	40%	
Công ty Cổ phần Thạch Cao Đình Vũ	Số ĐKKD: 0201121251 cấp ngày 13/10/2010 do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp	Lô GI-7, khu Kinh tế Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Sản xuất thạch cao	16,38%	16,38%	

(Nguồn: SCL)

d. Công ty/Tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức Phát hành 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Kể từ thời điểm thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ như sau:

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp
1	31/10/2007	20.000.000.000	50.000.000.000	Chào bán riêng lẻ	- Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 40/NQ-ĐHCĐBT ngày 06/06/2007; - Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0403000572 thay đổi lần 2 ngày 25/01/2008 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.
2	31/08/2008	10.000.000.000	60.000.000.000	Chào bán riêng lẻ	- Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 01 ngày 21/06/2008; - Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0403000572 thay đổi lần 3 ngày 01/07/2008 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.
3	25/10/2010	30.000.000.000	90.000.000.000	Chào bán riêng lẻ 1 triệu cổ phiếu; Phát hành 2 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 246/NQ-ĐHCĐ ngày 29/09/2009; - Giấy phép của UBCKNN số 467/UBCK-GCN ngày 10/12/2009; - Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 thay đổi lần 5 ngày 22/04/2010 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp
					Dương cấp.
4	31/11/2015	18.899.730.000	108.899.730.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị Quyết số 276/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2014; Số 368/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2015 và Nghị Quyết số 455/NQ-HĐQT ngày 12/06/2015; - Giấy phép của UBCKNN số 78/GCN-UBCK ngày 08/10/2015; - Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 thay đổi lần 9 ngày 30/11/2015 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.
5	12/01/2016	30.000.000.000	138.899.730.000	Chào bán cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị Quyết số 276/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2014 và Nghị Quyết số 368/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2015; Giấy phép của UBCKNN số 78/GCN-UBCK ngày 08/10/2015; - Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 thay đổi lần 10 ngày 15/01/2016 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

(Nguồn: SCL)

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 02 năm liên tục liên trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

STT	Thông tin khoản góp vốn/thoái vốn lớn	Tổng giá trị	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
1	Góp vốn vào Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ	9.621.600.000	29/02/2020	Góp vốn bằng tiền
2	Góp vốn vào Công ty cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân	1.200.000.000	22/12/2020	Góp vốn bằng tiền
3	Góp vốn vào Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ	570.000.000	29/10/2021	Góp vốn bằng tiền

(Nguồn: SCL)

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành tại ngày 25/03/2022

a. Cổ phiếu phổ thông

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Cổ đông trong nước	1.222	13.888.531	99,99%	99,99%
1.1	<i>Tổ chức</i>	12	2.205.842	0,16%	0,16%
1.2	<i>Cá nhân</i>	1.210	11.682.689	0,84%	0,84%
2	Cổ đông nước ngoài	3	1.442	0,01%	0,01%
2.1	<i>Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ 100% vốn điều lệ</i>	0	0	0%	0%
2.2	<i>Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ</i>	0	0	0%	0%
2.3	<i>Cá nhân</i>	3	1.442	0,01%	0,01%
Tổng cộng		899	13.889.973	100%	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông SCL ngày 25/03/2022)

b. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

c. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Theo công văn thông báo số 661/UBCK-PTTT ngày 14/02/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 0%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không có quy định cụ thể
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành (tại ngày 25/03/2022): 0,01%.

10. Hoạt động kinh doanh**10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh****a. Các sản phẩm kinh doanh chính**

Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty là các loại vật liệu xây dựng thể hệ mới, chi tiết bao gồm:

- + Tro bay: Được sử dụng trong công nghiệp sản xuất xi măng; bê tông;
- + Vữa khô trộn sẵn,
- + Keo dán gạch đá, keo chít mạch;
- + Gạch nhẹ chưng áp AAC, tấm panel
- + Thạch cao nhân tạo có nguồn gốc từ bã thải Gyps của nhà máy sản xuất phân bón DAP – Đình Vũ – Hải Phòng.

b. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên và không mang tính thời vụ.

c. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm (tỷ lệ từng loại sản phẩm/dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận)**Bảng 1 - Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp qua các năm**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
		Giá trị	Giá trị	Giá trị
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	175.252	289.742	310.888

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
		Giá trị	Giá trị	Giá trị
2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	106.436	181.981	155.166

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020, năm 2021 của SCL)

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty có sự tăng trưởng nhanh trong hai năm gần đây. Thông qua việc mở rộng sản xuất và gia tăng chủng loại sản phẩm (như sản phẩm thạch cao nhân tạo, gạch nhẹ chung áp AAC) cùng với củng cố sản lượng sản xuất và doanh số bán hàng của các sản phẩm chủ lực truyền thống (như tro bay), doanh thu của Công ty tăng trưởng khả quan. Năm 2020 dịch bệnh bắt đầu bùng phát, tuy nhiên nhu cầu thị trường đối với vật liệu xây dựng không giảm, các công trình lớn vẫn là nguồn đầu ra đảm bảo giúp doanh thu năm 2020 tăng hơn 65% so với năm 2019. Sang những tháng đầu năm 2021 doanh thu vẫn đạt mức khả quan khi doanh thu đã đạt 310 tỷ.

Tương tự như doanh thu thuần, lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận gộp năm 2020 của Công ty đều có xu hướng tăng so với năm 2019. Năm 2020, lợi nhuận gộp đạt 181 tỷ đồng, tăng 70,9% so với năm 2019. Tuy nhiên lợi nhuận gộp năm 2021 giảm so với năm 2020 do chi phí Công ty phải chịu lớn.

Bảng 2 - Cơ cấu doanh thu lợi nhuận chia theo sản phẩm, dịch vụ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
		Giá trị	Giá trị	Giá trị
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	175.252	289.742	310.888
a	Tro bay	138.347	250.938	253.768
b	Các sản phẩm khác	36.903	38.803	57.119
2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	106.436	181.981	155.166
a	Tro bay	34.610	177.114	101.015
b	Các sản phẩm khác	34.205	4.866	54.151

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020, năm 2021 của SCL)

10.2 Tài sản

Tài sản cố định của SCL tại thời điểm 31/12/2019, 31/12/2020 và 31/12/2021:

Bảng 3 - Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2019, 31/12/2020 và 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	31/12/2019			31/12/2020			31/12/2021		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
Tài sản cố định hữu hình		222.853.885.226	127.835.388.376	57,63	239.205.613.120	127.649.409.939	53,4	247.061.496.561	118.273.238.250	47,9
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	68.921.048.904	46.237.163.814	67,09	68.921.048.904	42.704.277.833	62,0	68.783.932.251	39.383.909.854	57,3
2	Máy móc thiết bị	146.211.758.122	81.575.067.744	55,79	161.174.395.107	83.555.310.807	51,8	169.197.395.201	77.679.343.465	45,9
3	Phương tiện vận tải	7.660.078.200	-	0	9.049.169.109	1.375.087.976	15,2	9.049.169.109	1.201.451.612	13,3
4	Thiết bị DCQL và TSCĐ khác	61.000.000	23.156.818	37,96	61.000.000	14.733.323	24,2	31.000.000	8.533.319	27,5
Tài sản cố định vô hình		15.650.050.399	10.893.067.284	69,60	15.650.050.399	10.548.620.604	67,4	15.650.050.399	10.204.173.924	65,2
1	Quyền sử dụng đất	6.734.031.852	5.246.553.514	77,91	6.734.031.852	5.081.872.882	75,5	6.734.031.852	4.917.192.250	73,0
2	TSCĐ vô hình khác	8.916.018.547	5.646.513.770	63,33	8.916.018.547	5.466.747.722	61,3	8.916.018.547	5.286.981.674	59,3
TỔNG CỘNG		238.503.935.625	138.728.455.660	58,17	254.855.663.519	138.198.030.543	54,2	262.711.546.960	128.477.412.174	48,90

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, năm 2021 của SCL)

10.3 Thị trường hoạt động trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

SCL sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, Sản phẩm chủ lực của Công ty là tro bay (chiếm 90% doanh thu của Công ty) chủ yếu được xuất khẩu ra nước ngoài tới các thị trường bao gồm: Lào, Philipine... Đối với các sản phẩm khác như gạch AAC, vữa khô chiếm tỷ trọng doanh thu không lớn, Công ty sử dụng các kênh phân phối trong nước và phân phối chủ yếu ở thị trường Hà Nội.

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động chính trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

- Nội dung góp vốn vào Công ty Cổ phần Vĩnh Tân: Thực hiện định hướng của Công ty về việc hợp tác để đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất tro bay và các sản phẩm vật liệu xây dựng từ tro xỉ nhiệt điện” tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, tại biên bản ghi nhớ ngày 13/11/2020 giữa Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

Cường; Công ty cổ phần Tập Đoàn Thái Bình Dương và Công ty cổ phần năng lượng tái tạo Nhật Tân các bên tham gia thống nhất thành lập pháp nhân để triển khai dự án, Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường chiếm 40% vốn điều lệ pháp nhân. Ngày 01/12/2021 Công ty cổ phần bê tông Vĩnh Tân được thành lập với vốn điều lệ 3 tỷ VNĐ, trong đó Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường góp 1,2 tỷ đồng chiếm 40% vốn điều lệ. Hiện nay Công ty cổ phần bê tông Vĩnh Tân đang triển khai nghiên cứu thị trường và chuẩn bị thủ tục cần thiết để thực hiện mục tiêu thỏa thuận các bên.

- Nội dung góp vốn vào Công ty Cổ phần Thạch cao đình Vũ: Hợp đồng thành lập doanh nghiệp ký ngày 01/10/2021, các bên tham gia bao gồm: Công ty TNHH MTV DAP – VINACHEM, Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường, Công ty cổ phần Thương mại – Vận tải Minh Loan cùng nhau thống nhất thành lập “Công ty cổ phần thạch Cao Đình Vũ” với mục tiêu đầu tư xây dựng “Nhà máy chế biến bã thải thạch cao, các sản phẩm từ thạch cao”. Hiện nay vốn điều lệ của Công ty là 129,4 tỷ VNĐ trong đó Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường chiếm 16,38%. Nhà máy đi vào hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm từ đầu năm 2018 với sản phẩm chính là thạch cao nhân tạo cung cấp cho các nhà máy xi măng trong nước và xuất khẩu sang các nước trung Á. Doanh thu năm 2021 đạt 310,9 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 23 tỷ đồng.

10.5 Các hợp đồng lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Bảng 4 - Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Đối tác	Tên hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (Tỷ VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, cổ đông lớn
1.	SINOHYDRO CORPORATION LIMITED, LAOS NAM THEUN 1 HYDROPOWER PROJECT	CONTRACT No.: DE-WZ-NT1-2020-008 về việc mua bán tro bay khô	Tro bay khô rời	23,542.71 (USD)	02/03/2020	03 năm	Không
2.	CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C	Số: 250/2020/HĐMB/SCIEC -SCL về việc mua bán tro bay khô	Tro bay khô rời	119,6	22/10/2020	03 năm	Không
3.	CÔNG TY TNHH TRỌNG PHÓNG	12/2019/HĐMB/SĐCC-TP	Than qua tuyển		02/01/2019	03 năm	Không

(Nguồn: SCL)

10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Bảng 5 - Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty

TT	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị giao dịch (tỷ VNĐ)	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn
I	Khách hàng				
1	Công ty TNHH Trọng Phóng	Than qua tuyển	55	03 năm	Không
2	SINOHYDRO CORPORATION LIMITED, LAOS NAM THEUN 1 HYDROPOWER PROJECT	Tro bay khô rời	386	03 năm	Không
3	Công ty TNHH Lâm Hùng Hà Đông	Vữa, keo	2	01 năm	Không
4	Công ty Cổ phần SCI E&C	Tro bay khô rời	36	03 năm	Không
5	PHILCEMENT CORPORATION	Tro bay khô đóng bao	36	01 năm	Không
II	Nhà cung cấp				
1	Công Ty TNHH Trịnh Xuân	Vận chuyển	69	01 năm	Không
2	Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại	Tro xi	15	11 năm	Không
3	Công ty TNHH thương mại Hoàng Tiếp	Vận chuyển	79	01 năm	Không
4	Công Ty Cổ phần Trung Kiên	Vỏ bao	8	01 năm	Không
5	Công ty TNHH xuất nhập khẩu quốc tế LS	Dầu tuyển	3	01 năm	Không
6	Công ty TNHH thương mại và DV vận tải Lợi Lộc	Tro xi	28	01 năm	Không
7	Công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng Thái Hà	Phụ gia	3	01 năm	Không
8	Công ty TNHH Chấn Mái	Xăng, dầu	4	01 năm	Không
9	Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Bảo Kiên	Vận tải	24	01 năm	Không
10	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Long Thành Phát HD	Than	5	01 năm	Không

(Nguồn: SCL)

10.7 Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

Vị thế của Tổ chức phát hành

Công ty là đơn vị duy nhất tại thời điểm hiện tại trên lãnh thổ Việt Nam đang thực hiện sản xuất và phân phối sản phẩm tro bay đã qua xử lý (đáp ứng tiêu chuẩn đầu vào để sản xuất xi măng). Trên thị trường, các đơn vị cung cấp tro bay khác phần lớn chỉ là sản phẩm tro xỉ của các nhà máy nhiệt điện, chưa qua quá trình xử lý chế biến, do vậy tiêu chuẩn chất lượng thấp hơn. Tuy nhiên, sản phẩm tro bay của Công ty chủ yếu được xuất khẩu, không tiêu thụ trong nước, ngoài ra các đơn vị cung cấp tro bay khác đều là đơn vị nhỏ, tro bay chủ yếu là thu trực tiếp từ lò nhiệt điện và bán lại, do vậy tính cạnh tranh về sản phẩm là khó so sánh. Với vị thế là đơn vị độc quyền sản phẩm tro bay chất lượng cao, Công ty có nhiều lợi thế cạnh tranh khi xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

Về các sản phẩm khác, chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu như gạch AAC, vữa khô, thạch cao... có thể kể đến các doanh nghiệp cũng sản xuất các sản phẩm trên như Viglacera, Eblock AAC, tuy nhiên do tỷ trọng sản phẩm trong cơ cấu thấp, Công ty chủ trương phân phối các sản phẩm trên để gia tăng doanh thu và mở rộng quy mô sản phẩm, không cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp có thị phần lớn khác.

Triển vọng phát triển của ngành

Trước năm 2009, tình trạng xi măng Việt Nam thiếu hụt nguồn cung thường xuyên xảy ra do năng lực sản xuất còn thấp trong khi nhu cầu liên tục tăng cao nhờ sự bùng nổ của thị trường bất động sản. Tuy nhiên, việc mở rộng công suất lớn trong một thập kỷ tiếp theo cùng với sự suy thoái của lĩnh vực bất động sản từ năm 2010 - 2013 đã dẫn đến tình trạng dư cung xi măng trong nước. Cân bằng cung - cầu của ngành xi măng phụ thuộc lớn vào hoạt động xuất khẩu, do đó doanh thu và hiệu quả sinh lời của các doanh nghiệp nội địa chịu nhiều ảnh hưởng bởi khả năng thúc đẩy và duy trì sản lượng xuất khẩu. Mặt khác, Việt Nam là nhà sản xuất xi măng lớn thứ 5 thế giới và lớn nhất Đông Nam Á tính trên năng lực sản xuất (khoảng 120 triệu tấn/năm), thì năng lực sản xuất trên mỗi nhà máy vẫn chưa bằng một nửa so với các nhà máy của Thái Lan và Indonesia, chỉ đạt 2,1 triệu tấn/năm/nhà máy. Cụ thể, theo số liệu từ Hiệp hội Xi măng Việt Nam, công suất bình quân mỗi doanh nghiệp là 2,2 triệu tấn/năm - mức thấp nhất trong khu vực. Hiện tại, gần 70% dây chuyền sản xuất xi măng tại Việt Nam có công suất nhỏ hơn 1 triệu tấn/năm, chiếm khoảng 20% sản lượng toàn ngành.

Do là nguyên liệu trong quá trình sản xuất xi măng, triển vọng phát triển của ngành sản xuất tro bay là rất khả quan, tiềm năng này được đảm bảo bởi các yếu tố:

- **Nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng tăng:** Hiện nay, nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng ở nước ta rất lớn và ngày càng tăng theo sự phát triển của ngành Vật liệu xây dựng; Trong các dự án cơ sở hạ tầng quy mô lớn đang được triển khai, cao tốc Bắc - Nam là dự án đáng chú ý nhất. Theo ước tính của VNDirect, 40% vốn đầu tư công cho dự án cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ và 11 dự án

thành phần cao tốc Bắc - Nam sẽ được giải ngân trong năm 2021 và 60% chi phí xây dựng (23,7 nghìn tỷ đồng) sẽ được phân bổ vào chi phí nguyên vật liệu. Theo đó, trong năm 2021, dự kiến các dự án này sẽ cần huy động khoảng 5,9 nghìn tỷ đồng nhựa đường, 6,4 nghìn tỷ đồng thép xây dựng và 3,8 nghìn tỷ đồng xi măng. Để hoàn thành toàn bộ các dự án này vào năm 2023, ước tính tổng chi phí giành cho nhựa đường, thép xây dựng và xi măng sẽ lần lượt cần khoảng 20,8 nghìn tỷ đồng, 14,8 nghìn tỷ đồng và 8,9 nghìn tỷ đồng.

- **Chính sách bảo vệ môi trường:** Tiềm năng sử dụng các chất thải, phế thải công nghệ làm nguyên liệu, nhiên liệu thay thế cho sản xuất vật liệu xây dựng ở nước ta khá lớn, rất đa dạng. Việc tăng cường sử dụng các chất thải, phế thải công nghiệp làm nguyên liệu thay thế trong sản xuất vật liệu xây dựng sẽ có ý nghĩa rất lớn về tiết kiệm tài nguyên khoáng sản không tái tạo và bảo vệ cảnh quan, môi trường...
- **Chính sách thúc đẩy phát triển:** Hiện tại, lượng tro xỉ nhiệt điện thải ra hàng năm ở nước ta khá lớn và vẫn tiếp tục tăng cùng với việc tăng thêm các nhà máy nhiệt điện than. Năm 2016, cả nước thải ra khoảng 16 triệu tấn, dự báo năm 2020 sẽ là khoảng 38 triệu tấn. Tro bay nhiệt điện cùng với các chất thải công nghiệp khác đang tạo sức ép lên môi trường khiến cho môi trường ngày càng trở nên ô nhiễm. Vì vậy vấn đề tái sử dụng các chất thải công nghiệp đang được Nhà nước và toàn xã hội quan tâm. Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 452/QĐ-TTG ngày 12/4/2017, năm 2020 phải sử dụng khoảng 8 triệu tấn tro bay thay thế đất sét để sản xuất clanhke xi măng. Như vậy, việc tái sử dụng tro bay nhiệt điện làm nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng đã trở thành cấp bách, là nhiệm vụ của ngành sản xuất Vật liệu xây dựng và ngành Xây dựng.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của Công ty

- Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty.
- Tiếp tục mở rộng thêm địa bàn hoạt động của Công ty trên toàn quốc.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động quảng cáo, truyền thông sự kiện hỗ trợ cho công tác phát triển thương hiệu và xúc tiến bán hàng.
- Duy trì và tạo dựng mối quan hệ tốt với các sở ban ngành, các đối tác để đẩy mạnh hoạt động bán hàng, phân phối sản phẩm, mở rộng thị trường, phạm vi hoạt động.
- Bên cạnh các sản phẩm truyền thống, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu thị trường, đầu tư, mở rộng thêm các lĩnh vực kinh doanh mới khi có cơ hội.

- Triển khai phương án bán hàng có hiệu quả các sản phẩm mới.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Định hướng phát triển ngành vật liệu xây dựng và vật liệu thể hệ mới trong xây dựng

Ngành Vật liệu xây dựng trong tương lai sẽ phải tăng cường nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất để giảm sức lao động, tăng năng suất lao động, đồng thời cho ra mắt những vật liệu mới thân thiện với môi trường và tiện ích hơn.

Ngày 18/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050. Chiến lược có 6 quan điểm chính nhằm thúc đẩy ngành Vật liệu xây dựng phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới. Một trong số đó là tiếp cận và ứng dụng nhanh nhất các thành tựu khoa học, công nghệ, quản lý nhất trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất sẽ là chìa khóa để ngành Vật liệu xây dựng đạt được những mục tiêu quan trọng trong Chiến lược phát triển thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050. Đó là phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng đạt trình độ tiên tiến, hiện đại; sản xuất được các sản phẩm có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước. Ngoài ra, ngành Vật liệu xây dựng còn phải loại bỏ hoàn toàn công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng lạc hậu, tiêu tốn nhiều tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường. Nếu không nghiên cứu và áp dụng những công nghệ tiên tiến vào sản xuất thì ngành Vật liệu xây dựng sẽ rất khó đạt được 2 mục tiêu nêu trên.

Việc phát triển vật liệu xây dựng đòi hỏi phải áp dụng khoa học và công nghệ để giảm thiểu sử dụng tài nguyên khoáng sản, tối đa hóa sử dụng phụ phẩm công nghiệp, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và tạo ra các sản phẩm vật liệu xây dựng bền vững hơn. Điều này càng cần thiết hơn khi Việt Nam là một trong những quốc gia có sản lượng vật liệu xây dựng lớn nhất thế giới. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, tài nguyên khoáng sản không còn là lợi thế tuyệt đối với doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Lợi thế mới mà các doanh nghiệp cần nhanh chóng nắm lấy là ứng dụng thành công khoa học công nghệ vào sản xuất, tự động hóa để nâng cao năng suất, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và tạo ra các loại sản phẩm ngày càng có chất lượng cao hơn, mẫu mã cạnh tranh trên thị trường. Theo đánh giá của Viện Vật liệu xây dựng Việt Nam, việc ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất vật liệu xây dựng sẽ mang lại rất nhiều ưu điểm như dễ dàng giám sát hoạt động của máy móc trong dây chuyền; giảm nhân công, tăng đầu tư vào công nghệ; tăng năng suất lao động; nhanh chóng thu hồi vốn đầu tư; dễ dàng lên kế hoạch bảo dưỡng và thay thế vật tư, sắp xếp phương án dự trù hay tính toán được thời gian làm việc của cả dây chuyền sản xuất. Nhưng việc ứng dụng công nghệ tiên tiến sẽ đòi hỏi chi phí đầu tư cao hơn

và người lao động cũng phải nâng cao năng lực để có thể giám sát hệ thống sản xuất mới, đảm bảo dây chuyền hoạt động ổn định.

Từ năm 2015, Bộ Xây dựng và Bộ Khoa học & Công nghệ đã ký kết chương trình phối hợp nhằm đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong ngành Xây dựng. Sau đó, các viện nghiên cứu, trường đại học và cả doanh nghiệp đều nỗ lực tham gia nghiên cứu để thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ vào thực tiễn sản xuất trong ngành Xây dựng nói chung và ngành Vật liệu xây dựng nói riêng.

Báo cáo của Bộ Xây dựng cũng cho biết, Việt Nam đã có một số sản phẩm vật liệu xây dựng áp dụng tiến bộ của khoa học công nghệ mới tạo dựng được thương hiệu và chất lượng ở trong nước lẫn quốc tế. Ví dụ như kính tiết kiệm năng lượng low-e, gạch bê tông siêu nhẹ AAC, thanh polyme cốt sợi thủy tinh chống ăn mòn, dùng cho các công trình ven biển, xốp cách nhiệt, tấm lọc sinh thái, sơn thích ứng biến đổi khí hậu...

Đặc biệt, các doanh nghiệp lớn như Viglacera, Eurowindow, Hòa Phát... đều rất tích cực trong việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào sản xuất để cho ra đời các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Nhiều chuyên gia đã dự báo, một số lĩnh vực vật liệu xây dựng ứng dụng công nghệ sẽ phát triển rất nhanh trong thời gian tới như vật liệu cho kết cấu tập trung theo hướng những loại vật liệu bền, thiết kế mô hình cấu kiện vật liệu, lắp ghép, thi công thuận tiện; vật liệu bao che nhẹ, cách âm, cách nhiệt, chống thấm nước, thi công, lắp ghép nhanh; vật liệu trang trí, hoàn thiện áp thụ tia UV hoặc phản xạ tia UV cho ánh sáng trắng truyền quang.

Về định hướng phát triển trong tương lai, trong thời gian tới, ngành Vật liệu xây dựng cần phải tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ nhằm giảm chi phí đồng bộ các khâu từ giao dịch, vận chuyển để hạ giá thành, tăng năng lực cạnh tranh, triển khai các hướng nghiên cứu khoa học công nghệ mũi nhọn, vật liệu mới, xây dựng đô thị thông minh gắn với sử dụng vật liệu thông minh... cùng với đó, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ khiến việc nghiên cứu, sản xuất và sử dụng vật liệu xây dựng thông minh, vật liệu xanh trở thành xu thế tất yếu, không thể tách rời quá trình phát triển kinh tế – xã hội. Từ đó, ngành Vật liệu xây dựng sẽ đóng vai trò rất quan trọng đối với nhiệm vụ xây dựng các đô thị thông minh, đô thị xanh. Đặc biệt, để đáp ứng yêu cầu tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, ngành Vật liệu xây dựng sẽ nghiên cứu và ứng dụng công nghệ để tăng cường sử dụng phế thải, phế liệu trong sản xuất. Hướng đi mới này sẽ là yếu tố quan trọng giúp ngành Vật liệu xây dựng phát triển bền vững trong tương lai.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành và xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

10.8 Hoạt động Marketing

Chiến lược phân phối sản phẩm

Hệ thống phân phối sản phẩm của Công ty được thực hiện qua 03 kênh chính:

- Kênh phân phối sản phẩm qua hệ thống các nhà phân phối: Hiện nay Công ty có trên dưới 40 nhà phân phối lớn nhỏ trên toàn quốc, hệ thống nhà phân phối chủ yếu tập trung vào các sản phẩm keo dán gạch đá, gạch nhẹ và tấm panel. Thị trường chính tập trung ở những thành phố lớn tại miền bắc như Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng
- Kênh dự án: Công ty đang triển khai một loạt những dự án lớn trong nước và nước ngoài, sản phẩm chủ yếu là tro bay khô, gạch, panel... Hiện tại Công ty đang cung cấp tro bay cho dự án Nậm Thơm 1 và dự án Nậm Săm 3 tại Lào, bán tro bay khô cho tập đoàn xi măng tại thị trường Philippine.
- Kênh bán lẻ: Tập trung vào khách hàng là những cá nhân, gia đình có nhu cầu sử dụng sản phẩm của Công ty, chủ yếu là các sản phẩm keo, vữa, gạch phục vụ xây dựng nhà ở của các gia đình.

Chiến lược phát triển kênh phân phối

Nâng cao năng lực, phát triển các sản phẩm mới tạo thêm nguồn hàng để phát triển thêm các tổng đại lý nhằm mở rộng thị trường.

Duy trì, phát triển mối quan hệ với các cơ quan ban ngành, các chủ đầu tư, nhà thầu, nhà sản xuất xi măng nhằm đa dạng hóa kênh phân phối của Công ty.

Tận dụng tối đa năng lực phân phối của các tổ chức; tham gia tích cực vào các chương trình môi trường xã hội nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của Công ty

Chiến lược sản phẩm

Công ty luôn tâm niệm chất lượng là trên hết nhằm cung cấp các sản phẩm có chất lượng ra thị trường với giá cả phù hợp cho khách hàng. Ngoài ra, Công ty cũng luôn chú trọng trong công tác đầu tư nghiên cứu, cải tiến các sản phẩm với mục đích nâng cao tính năng sử dụng, phù hợp các yêu cầu mới, cũng như góp phần giảm giá thành sản xuất nhằm gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

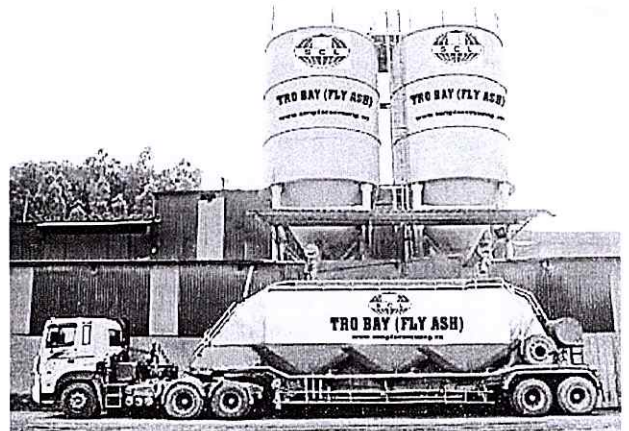
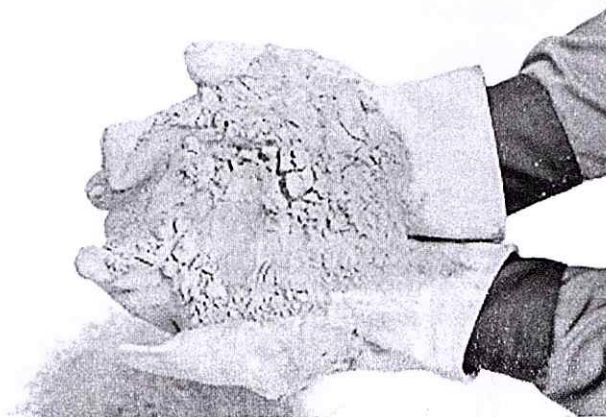
Thị trường tiêu thụ

Thị trường chủ yếu của Công ty hiện nay hủ yếu là nước ngoài, tuy nhiên, với xu thế phát triển của ngành vật liệu xây dựng thế hệ mới, Công ty đang tích cực thực hiện các hoạt động quảng bá để phát triển thị trường trong nước.

Marketing

Công ty thiết lập trang web để giới thiệu sản phẩm và quảng bá hình ảnh, hoạt động đến với người tiêu dùng với địa chỉ là www.songdacaocuong.vn. Các sản phẩm của Công ty phong

phù về chủng loại, chất lượng đạt theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm cung cấp đến người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng với giá cả phù hợp.



Ngoài ra, Công ty cũng đã đưa vào vận hành hệ thống nhận diện thương hiệu toàn Công ty kèm với việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động quảng cáo, truyền thông cho công tác phát triển thương hiệu và xúc tiến bán hàng, tạo nền tảng cho thương hiệu Công ty trở nên quen thuộc với người tiêu dùng và giới điều trị, góp phần vào sự phát triển của Công ty.

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

- Logo Công ty đang sử dụng



Logo Công ty đang sử dụng trên chưa được đăng ký sở hữu trí tuệ.

Logo mới được thiết kế với biểu tượng chữ SCL với màu đỏ, trên nền địa cầu màu xanh, có ý nghĩa thể hiện sức khỏe, tươi mát và thân thiện với môi trường, là màu được dùng trong logo liên quan tới các ngành sản xuất có yếu tố môi trường.

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

- Chính sách nghiên cứu và phát triển gắn với phát triển sản phẩm mới theo các định hướng chiến lược về thị trường;
- Đổi mới, phát triển sản phẩm, đa dạng hoá tập trung đòi hỏi phải phát triển thành công sản phẩm mới và cải tiến đáng kể sản phẩm cũ.

10.11 Chiến lược kinh doanh

Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Duy trì sự tăng trưởng nhanh, ổn định và bền vững bằng việc không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng;

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp tiên tiến, đặc trưng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực gắn với hiệu quả kinh doanh, lấy năng suất và chất lượng công việc làm thước đo đánh giá kết quả hoạt động;
- Áp dụng các công nghệ mới, khuyến khích việc sáng tạo và đổi mới trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Mở rộng và tăng cường hợp tác đối với các đơn vị trong nước và quốc tế để cùng nhau nắm bắt cơ hội, cùng phát triển;
- Đoàn kết và hợp tác tích cực giữa các đơn vị thành viên để phát huy sức mạnh tập thể và nâng cao năng suất hoạt động của các thành viên.

Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến

Để thực hiện các chiến lược kinh doanh, Công ty sẽ thực hiện huy động nguồn vốn từ việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, vay vốn các tổ chức tín dụng, các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác. Tùy vào tình hình thực tế tại từng thời điểm, Công ty có thể cân nhắc tuyển dụng thêm nhân sự vào các vị trí công việc phù hợp

Kế hoạch kinh doanh

- Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Mở rộng địa bàn hoạt động của Công ty trên cả ba miền Bắc – Trung – Nam;
- Tập trung triển khai các dự án đang triển khai, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án theo kế hoạch đã đề ra;
- Tiếp tục đầu tư, mở rộng các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư vào các dự án mới sắp triển khai;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của cán bộ, nhân viên trong Công ty, đào tạo nguồn nhân lực với tầm nhìn dài hạn, cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật tham gia các khóa đào tạo ở nước ngoài;
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Quản lý tốt chi phí, triệt để tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả kinh doanh;
- Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động

Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, Công ty xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị

cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường. Các nguyên tắc quản trị công ty được công ty xây dựng trong quy chế quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

10.12 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

- Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, đã được Sở khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và Công nghệ số 01/2014/DNKHCN; Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan.
- Về sản xuất tro bay, sản phẩm của Công ty đạt quy chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn ASTM – C618 của Mỹ, phù hợp quy chuẩn TCVN 10302:2014.

11. Chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 166 người.

Bảng 6 - Tình hình lao động của Công ty

Tiêu chí	Bình quân trong 2 năm liên tục trước năm đăng ký chào bán	Hiện tại
TỔNG SỐ LƯỢNG	139	166
I. Phân theo trình độ học vấn		
• Trình độ trên đại học	5	4
• Trình độ đại học	21	26
• Trình độ cao đẳng, trung cấp	15	17
• Sơ cấp, trung cấp	34	42
• Khác	62	77
II. Phân theo thời hạn		
• LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ	0	0
• Hợp đồng dài hạn	139	166

Tiêu chí	Bình quân trong 2 năm liên tục trước năm đăng ký chào bán	Hiện tại
• Hợp đồng ngắn hạn	0	0

(Nguồn: SCL)

Chính sách đối với người lao động:Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày và 40 giờ/tuần.
- Nghỉ phép, lễ, tết: CBNV được nghỉ lễ, tết theo đúng quy định của Nhà nước.
- Nghỉ ốm, thai sản: CBNV khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.
- Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho CBNV làm việc, trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết để CBNV làm việc hiệu quả nhất. Ngoài ra, CBNV làm việc thi công, sản xuất phải thực hiện nghiêm túc Quy trình Kỹ thuật An toàn Lao động, các CBNV khác phải tuân thủ nguyên tắc, các quy trình nghiệp vụ của mỗi phòng ban.

Chính sách đào tạo:

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được Công ty đặc biệt quan tâm. CBNV phải tuân thủ theo Quy chế Đào tạo và hàng năm, kế hoạch đào tạo phải được xây dựng để trình cấp lãnh đạo phê duyệt.

Chính sách tuyển dụng:

Tùy theo từng vị trí tuyển dụng và căn cứ vào chức danh công việc, Công ty có yêu cầu riêng về tiêu chuẩn, điều kiện, trình độ chuyên môn, tay nghề, kinh nghiệm và việc tuyển dụng thực hiện theo đúng quy trình, hướng dẫn của Công ty và theo quy định của pháp luật.

Chính sách đánh giá, thăng tiến và phát triển:

Mọi CBNV phải tham gia đánh giá mức độ hoàn thành công việc của mình trong năm theo quy trình. Kết quả đánh giá là yếu tố quan trọng để xem xét việc tăng lương, thưởng, khả năng thăng tiến cũng như hạ cấp hoặc thôi việc của CBNV,

Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực. Những CBNV có khả năng làm việc tốt, có khả năng thích ứng và đầy đủ các tố chất và tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty đều có cơ hội thăng tiến theo cấp bậc nghề nghiệp hoặc cấp bậc quản lý của Công ty.

Hàng năm Công ty có quy hoạch và đề bạt những cá nhân có năng lực vào những vị trí quản lý của Công ty.

Chính sách lương thưởng, trợ cấp:

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho CBNV yên tâm công tác, gắn bó lâu dài, vì vậy chính sách đãi ngộ luôn được Công ty xem trọng và liên tục hoàn thiện.

CBNV được hưởng 13 tháng lương/năm. Trong những năm qua nhằm thu hút người lao động có năng lực về làm việc cho Công ty, Công ty đã áp dụng chính sách xếp lương và nâng lương trước thời hạn cho người lao động có năng lực làm việc giỏi, đem lại lợi nhuận cao cho Công ty.

CBNV được hưởng các loại trợ cấp và phụ cấp như: tiền cơm, lương năng suất lao động tháng đối với cấp nhân viên và năng suất lao động năm đối với cấp quản lý. Ngoài ra, CBNV còn được hưởng các loại trợ cấp bằng cấp, công tác phí, chức danh, kiêm nhiệm công tác... tùy từng chức danh.

Công ty mua đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định cho CBNV.

Chính sách phúc lợi:

Đối với người lao động đã làm việc tại Công ty trước khi nghỉ hưu, Công ty tổ chức cho người lao động đi du lịch với chi phí công ty chi trả

Đối với người lao động đang làm việc và con của người lao động đang làm việc, vào các dịp lễ tết, các ngày kỷ niệm trong năm, Công ty đều tổ chức và tặng quà cho người lao động và con của người lao động đang làm việc

Mức thu nhập bình quân:

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động ổn định đều qua các năm, thu nhập bình quân toàn Công ty năm 2017 là 8.3 triệu/người/tháng, thu nhập bình quân cả năm 2018 là: 6.7 triệu/người/tháng, thu nhập bình quân cả năm 2019 là 8.3 triệu/người/tháng, thu nhập bình quân cả năm 2020 là 9.24 triệu/người/tháng.

12. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh hàng năm có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Năm 2019, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu.

Năm 2020, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu.

Năm 2021, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu như sau:

- Trả cổ tức bằng tiền: Tỷ lệ 10%, thời gian thực hiện: 09/07/2021.

Năm 2022, Công ty chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%. Thời gian và kế hoạch cụ thể đã được trình ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong 2 năm gần nhất, tổ chức phát hành không thực hiện các hoạt động chào bán.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường đã có công văn gửi UBCKNN cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 7 - Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm	Quý I.2022
Tổng giá trị tài sản	294.962	284.922	(3,4)	293.994
Doanh thu thuần	289.742	310.888	7,3	71.358
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.949	4.313	(66,7)	2.987

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm	Quý I.2022
Lợi nhuận khác	13.455	18.757	39,4	101
Lợi nhuận trước thuế	26.404	23.070	(91,3)	3.088
Lợi nhuận sau thuế	24.799	20.387	(17,8)	2.722
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8.6%	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	10%	-	-	-

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020; BCTC đã kiểm toán năm 2021;

BCTC tự lập Quý I.2022 của SCL)

Trong năm 2020, lợi nhuận của Công ty có sự tăng trưởng, đặc biệt, lợi nhuận trước thuế của Công ty đã tăng đột biến từ mức âm lên 26 tỷ, nguyên nhân là sự tăng trưởng của lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (12,9 tỷ) và lợi nhuận khác (13,4 tỷ). Khoản lợi nhuận khác theo giải trình là khoản hỗ trợ do dịch Covid 19 từ đối tác SinoHydro Corporation Limited với giá trị 6 USD/tấn hàng. Tương tự, doanh thu và lợi nhuận trong năm 2021 cũng đạt mức khả quan. Doanh thu năm 2021 đạt 310 tỷ đồng, đạt 86,8% so với kế hoạch kinh doanh. Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 23,07 tỷ đồng, đạt 81,4% kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 20,387 tỷ đồng.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

a. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 – 2020

Thuận lợi

- Kinh tế Việt Nam tăng trưởng nhanh dẫn đến nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng tăng cao. Theo số liệu thống kê của Tổng Cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%. Đây là năm thứ 2 liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Mức tăng trưởng năm 2019 tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017. Kinh tế tăng trưởng, kèm theo đó là thu nhập của người dân cũng ngày càng cải thiện, thu nhập của người lao động năm 2019 tăng 17% so với năm 2018, thu nhập tăng cao kéo theo nhu cầu về chất lượng sống và không gian sống ngày càng cao, dẫn đến nhu cầu xây dựng tăng cao. Số lượng công trình dân

dụng và các công trình hạ tầng, giải trí, tổ hợp xây dựng đều tăng, dẫn đến nhu cầu vật liệu xây dựng tăng.

- Ban điều hành luôn chú trọng vào nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tìm kiếm các cơ hội đầu tư, cơ hội kinh doanh mới để góp phần tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận.
- Công ty đã thiết lập được và duy trì quan hệ hợp tác với các đối tác có uy tín trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã tạo dựng được mối quan hệ sâu rộng với các đối tác trong và ngoài nước như Sinohydro Corporation Limited, CMC/ITD/SONGDA Venture...

Khó khăn

- Các sản phẩm trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tại thị trường Việt Nam khá đa dạng về chủng loại, chất lượng, do vậy việc cạnh tranh diễn ra khá gay gắt; việc đối mặt với các sản phẩm giá rẻ có xuất xứ từ nước ngoài là một khó khăn đối với Công ty. Bên cạnh đó, việc gia nhập WTO trong thời gian vừa qua đã, đang và sẽ có những tác động không nhỏ đến các doanh nghiệp trong ngành tại Việt Nam nói chung và SCL nói riêng.
- Sự phát triển tăng tốc của ngành với các chính sách khuyến khích của Nhà nước dự kiến sẽ thúc đẩy nhiều công ty đầu tư tham gia vào ngành dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt về giá, lao động thường xuyên biến động, từ đó sẽ gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của Công ty.
- Từ đầu năm 2020 cho đến nay, Thế Giới cũng như Việt Nam đã phải chịu ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19, đại dịch Covid-19 gây ảnh hưởng lớn tới tình hình kinh tế cũng như hoạt động thương mại quốc tế, cũng như trong nước, điều này cũng phần nào làm ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và SCL nói riêng.

b. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn ra trong những tháng đầu năm 2021 là một biến động lớn có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 8 - Tình hình vốn chủ sở hữu năm 2020 – 2021 và Quý I.2022

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

ST T	Nguồn vốn	Thời điểm		
		31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
1	Vốn cổ phần đã phát hành	138.900	138.900	138.900
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	138.900	138.900	138.900
	- Cổ phiếu ưu đãi			
2	Thặng dư vốn cổ phần	4.805	4.805	4.805
3	Quỹ đầu tư phát triển	10.778	11.810	11.810
4	Lợi nhuận chưa phân phối	20.641	21.978	24.699
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	(4.158)	1.591	1.591
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	24.799	20.387	23.109
5	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
	Tổng cộng	175.123	177.492	180.214

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, BCTC đã kiểm toán năm 2021 của SCL, BCTC tự lập Quý I.2022 của SCL)

b. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Khi tài sản cố định được bày bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

c. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân cán bộ công nhân viên Công ty năm 2019 là 8,3 triệu/người/tháng và năm 2020 là 9,24 triệu/người/tháng. So với mức lương cơ bản theo quy định của các cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp cùng ngành nghề trên cùng địa bàn, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là tốt.

d. Tình hình công nợ

Các khoản phải thu:

Bảng 9 - Tình hình các khoản phải thu

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
I.	Phải thu ngắn hạn	101.313	76.459	71.046
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	88.013	57.472	51.815
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	632	6.328	6.308
3.	Phải thu ngắn hạn khác	18.723	18.715	18.980
4.	Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(6.056)	(6.056)	(6.056)
II.	Phải thu dài hạn	-	-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
	Tổng cộng	101.313	76.459	71.046

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020; BCTC đã kiểm toán năm 2021,
BCTC tự lập QI.2022 của SCL)

(*) Công ty không có các khoản thu quá hạn

Các khoản phải trả:

Bảng 10 - Tình hình các khoản phải trả

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
I.	Nợ ngắn hạn	119.839	107.319	113.780
1	Phải trả cho người bán	49.543	38.286	39.814
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	65	316	224

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	411	605	370
4	Phải trả người lao động	3.000	3.311	2.004
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	46	31	-
6	Phải trả ngắn hạn khác	20.141	19.960	19.390
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	45.795	41.177	49.216
8	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	835	3.632	2.762
II.	Nợ dài hạn	-	-	-
	Tổng nợ phải trả	119.839	107.287	113.780

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020; BCTC đã kiểm toán năm 2021,
BCTC tự lập QI.2022 của SCL)

e. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019, 2020 và năm 2021, kể từ khi thành lập cho đến thời điểm hiện tại, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản vay bao gồm cả gốc và lãi. Hiện nay, công ty đang được các ngân hàng đánh giá và xếp hạng tín nhiệm rất cao về khả năng thanh toán lãi và vốn vay của mình. Đây cũng là một lợi thế của công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng.

f. Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp của Công ty luôn được Công ty thực hiện tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Bảng 11 - Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm		
	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Thuế giá trị gia tăng bán hàng nội địa	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	411.725.625	560.400.159	365.605.577

Chỉ tiêu	Thời điểm		
	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Thuế thu nhập cá nhân	-	44.220.672	4.638.148
Thuế khác	-	-	-
Tổng cộng	411.725.625	604.620.831	370.243.725

(Nguồn: BCTC 2020, 2021 đã kiểm toán; BCTC tự lập Quý I.2022 của SCL)

g. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành. Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Bảng 12 - Tình hình trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Quỹ đầu tư phát triển	10.778	11.810	11.810
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	835	3.632	2.762
Tổng cộng	11.613	4.868	14.572

(Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã kiểm toán; BCTC tự lập Quý I.2022 của SCL)

h. Tổng dư nợ vay

Bảng 13 - Tình hình dư nợ vay của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn
1. Vay và nợ ngắn hạn	45.795	-	41.177	-	49.216	-

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn
- Ngân hàng BIDV Bắc Hải Dương	45.795	-	41.177	-	49.216	-
2. Vay và nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	45.795	-	41.177	-	49.216	-

(Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã kiểm toán; BCTC tự lập Q1.2022 của SCL)

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn. Công ty không có tổng dư nợ bảo lãnh.

2.2 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 14 - Các chỉ tiêu tài chính năm 2019 – 2021

Các chỉ tiêu	Đvt	Thời điểm			
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Quý I.2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,86	1,10	1,19	1,13
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,72	0,97	1,00	0,93
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,42	0,41	0,38	0,39
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,72	0,68	0,60	0,63
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	1,16	1,00	1,07	0,25

Các chỉ tiêu	Đvt	Thời điểm			
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Quý I.2022
bình quân)					
Vòng quay vốn lưu động (DTT/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Lần	3,78	2,58	2,40	0,56
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,36	7,34	8,93	1,8
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	8,56%	6,60%	3,8%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-	15,25%	11,56%	1,52%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-	8,97%	7,03%	0,94%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-	5,46%	2,08%	5,16%
Thu nhập trên cổ phần	VND/cổ phần	-	1.785	1.468	196

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019, 2020, 2021; BCTC tự lập QI.2022 của SCL)

a. Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy khả năng thanh khoản của doanh nghiệp, là chỉ tiêu để Công ty có thể theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn, đảm bảo không rơi vào tình trạng tài chính kiệt quệ. Trong năm 2019, các hệ số thanh toán của Công ty sát 1, cho thấy khả năng thanh toán chưa thật sự tốt, tuy nhiên đến năm 2020, chỉ số thanh toán ngắn hạn lớn hơn 1, cho thấy khả năng thanh toán của Công ty ở mức an toàn. Các chỉ số năm 2021 cũng duy trì ở mức an toàn và ổn định, cụ thể so với năm 2020, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều tăng (Hệ số thanh toán nhanh đạt 1,19 và Hệ số thanh toán tức thời đạt 1, điều này cho thấy khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2021 đã tốt hơn năm 2020.

b. Cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản của Công ty duy trì ở mức ổn định qua các năm, cho thấy hiện trạng hoạt động của Công ty không quá phụ thuộc vào các khoản nợ, mà chỉ duy trì ở mức an toàn để tối ưu hóa lợi nhuận, đồng thời tận dụng được các đòn bẩy tài chính. Hệ số cơ cấu vốn năm 2021 có biến động giảm so với 2022 (Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 0,41 xuống 0,38, Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu giảm từ 0,68 xuống 0,6). Điều này cho thấy việc giảm sự phụ

thuộc vào nợ trong hoạt động của Công ty, tuy nhiên vẫn cân đối sử dụng đòn bẩy tài chính để tối ưu hiệu quả hoạt động.

c. Năng lực hoạt động

Chỉ số vòng quay hàng tồn kho của SCL đạt 9,34 vào năm 2019 và giảm xuống còn 7,34 vào năm 2020, mức 8,93 năm 2021 đây là mức ổn định và hợp lý đối với doanh nghiệp sản xuất, tuy nhiên tính chất sản phẩm đầu vào và đầu ra được chuyển đổi trong thời gian không dài, tuy nhiên sản lượng lớn đòi hỏi thời gian lưu kho, vận chuyển dẫn đến thời gian quay vòng vốn bị ảnh hưởng.

Vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn lưu động cũng duy trì ở mức ổn định, phù hợp với tính chất doanh nghiệp sản xuất. Năm 2021, vòng quay tổng tài sản là 1,07 so với mức 1 năm 2020, vòng quay vốn lưu động giảm từ 2,58 xuống 2,4. Sự thay đổi không lớn, cho thấy hoạt động của Công ty ổn định và không có những bất thường đáng chú ý.

d. Khả năng sinh lời

Các chỉ số sinh lời của Công ty mẹ năm 2020 đều có xu hướng tăng so với năm 2019, trong năm 2019, công ty kinh doanh lỗ, tuy nhiên sang đến năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có bước chuyển mình, doanh thu tăng trưởng cao, lợi nhuận tăng lên hơn 24 tỷ đồng, cùng với đó các chỉ số về khả năng sinh lời cũng tăng cho thấy dấu hiệu khả quan trong hoạt động của Công ty, trong năm 2021, lợi nhuận sau thuế đạt 20,39 tỷ đồng. Các chỉ số về khả năng sinh lời năm 2021 có giảm nhẹ so với 2020 do các yếu tố khách quan mà chủ yếu là sự tác động của dịch Covid-19, nhưng nhìn chung vẫn ở mức có thể chấp nhận và không bị sụt giảm quá sâu.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính – Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam

Báo cáo tài chính năm 2019 và 2020 đã được kiểm toán

“..Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính...”

“..Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính...”

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

“..Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính...”

Năm 2021, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường xác định Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu bộ máy hoạt động của Công ty, đẩy mạnh việc nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí tối đa nhằm đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất. Đây cũng là phương hướng hoạt động của Công ty trong năm 2022.

4.1 Kế hoạch và thực tế thực hiện năm 2021**Bảng 15 - Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực tế thực hiện năm 2021**

(Đơn vị tính: Nghìn đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021			
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước	Thực hiện	% thực hiện so với kế hoạch
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	289.743.459	357.705.000	23,5%	310.888.052	86,91%
Lợi nhuận sau thuế	24.798.694	26.573.500	7,2%	20.387.009	76,72%
Lợi nhuận sau thuế/DTT	8,56%	7,43%	-13,2%	6,56%	88,29%
Lợi nhuận sau	14,16%	15,02%	6,1%	11,49%	76,5%

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021			
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước	Thực hiện	% thực hiện so với kế hoạch
thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)					
Tỷ lệ chi trả cổ tức	10%	15,43%	54,3%	-	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ 156/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2021

4.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

- Căn cứ vào triển vọng phát triển của ngành vật liệu xây dựng. Việt Nam là một quốc gia đông dân, và dân số ngày càng già hóa (từ 2019 – 2029) sẽ tăng thêm hơn 20 triệu người trong độ tuổi 60+, tầng lớp trung lưu và giàu có tăng (dự báo đạt 33 triệu người vào năm 2020), nên nhu cầu về cơ sở hạ tầng ngày càng tăng cao, sẽ góp phần thúc đẩy doanh thu, lợi nhuận cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng nói chung và SCL nói riêng.
- Căn cứ vào kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2019 - 2020. Trong năm 2020, Thế giới bị chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch covid-19, đặc biệt là từ giữa tháng 3/2020. Theo Bộ Công thương, dịch bệnh Covid-19 lây lan mạnh tại nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới từ giữa tháng 3/2020 đến nay đã gây ra sự gián đoạn đối với chuỗi thương mại toàn cầu và ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Mặc dù vậy, năm 2020, doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh của SCL vẫn đạt kết quả khả quan. Hiện tại, tình hình dịch bệnh Covid-19 cũng đã được kiểm soát, và SCL tin tưởng vào kế hoạch doanh thu của cả năm 2021 là hoàn toàn có thể đạt được.
- Căn cứ vào các hợp đồng bán hàng mà Công ty đã ký kết tính đến thời điểm hiện tại, dự tính sẽ mang lại nguồn doanh thu cho Công ty trong năm 2021.

Kế hoạch kinh doanh được đặt ra với một số mục tiêu cụ thể như sau:

- Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh của công ty;
- Tiếp tục đầu tư, mở rộng các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư vào dự án mới sắp triển khai;

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của cán bộ, nhân viên trong công ty, đào tạo nguồn nhân lực với tầm nhìn dài hạn;
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Quản lý tốt chi phí, triệt để tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021, doanh thu năm 2021 đạt 310 tỷ đồng, đạt 86,91% so với kế hoạch kinh doanh. Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 23,07 tỷ đồng, đạt 81,4% kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 20,39 tỷ đồng. Các con số thực hiện tuy chưa đạt được mục tiêu đề ra, nhưng cũng phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh ổn định của Công ty trong bối cảnh dịch Covid – 19 diễn ra phức tạp, ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống kinh tế xã hội.

Hiện công ty đang thực hiện xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2022 và sẽ trình Đại hội đồng cổ thường niên thông qua.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC/PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 17/04/2007 theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0403000572 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17/04/2007. Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Hiện công ty không còn cổ đông sáng lập.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 16 - Danh sách cổ đông lớn SCL tại ngày 25/03/2022

STT	Tên	Năm sinh	Quốc tịch	Nơi đăng ký HKTT đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (nghìn đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Kiều Văn Mát	25/8/1969	Việt Nam	Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương	1.333.131	13.331.310	9,6
2	Kiều Thị Nhung(*)	02/02/1981	Việt Nam	Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương	1.168.760	11.687.600	8,41

STT	Tên	Năm sinh	Quốc tịch	Nơi đăng ký HKTT đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (nghìn đồng)	Tỷ lệ sở hữu
3	Công ty CP Công nghiệp dịch vụ Cao Cường(**)	GCNĐKKD số: 0800263713 Hải Dương cấp lại lần 10 ngày 04/4/2013	Việt Nam	Km 28 + 500m, Quốc lộ 18, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương	1.832.006	18.320.060	13,19

(Nguồn: SCL)

(*) Tại ngày 04/05/2022, bà Kiều Thị Nhung đã bán một phần trong tổng số 1.68.760 cổ phiếu mà bà Nhung sở hữu. Cụ thể: Số lượng cổ phiếu bán thành công 87.100 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi bán: 1.081.660 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 7,78%.

(**) Công ty cổ phần Công nghiệp dịch vụ Cao Cường: Thành lập ngày 13/05/2002; Vốn điều lệ: 90 tỷ VNĐ; Người đại diện pháp luật: Tổng giám đốc Kiều Anh Phong sinh ngày 26/07/1986 số Thẻ căn cước công dân: 022086001899 cấp ngày 30/12/2016 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, thường trú tại số 07 Phố Lục Đầu Giang – phường Phả Lại – TP Chí Linh – tỉnh Hải Dương; Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông lớn tại SCL: Kiều Văn Cường (hiện sở hữu 3.872 cổ phần SCL). Không có hoạt động kinh tế liên quan đến tổ chức phát hành.

Bảng 17 - Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn

STT	Tên	Chức vụ tại Công ty/ mối quan hệ của NLQ với CĐL	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
			Tại ngày trở thành cổ đông lớn: 16/05/2012			Tại thời điểm hiện tại			Dự kiến sau phát hành		
1	Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT	825.500	825.500	9,17	1.333.131	1.333.131	9,6	1.477.098	1.477.098	9,6
1.1	Kiều Quang Vọng	Anh	32.000	32.000	0,35	38.720	38.720	0,28	42.901	42.901	0,28
1.2	Kiều Văn Phú	Anh	13.300	13.300	0,14	16.093	16.093	0,12	17.831	17.831	0,12
1.3	Vũ Thị Thanh Huyền	Vợ	50.000	50.000	0,55	60.500	60.500	0,44	67.033	67.033	0,44
1.4	Kiều Thị Dung	Chị	3.333	3.333	0,37	4.032	4.032	0,03	4.467	4.467	0,03

ST T	Tên	Chức vụ tại Công ty/ mối quan hệ của NLQ với CĐL	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
			Tại ngày trở thành cổ đông lớn: 16/05/2012			Tại thời điểm hiện tại			Dự kiến sau phát hành		
1.5	Kiều Thị Thơm	Chị	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.6	Kiều Thị Miên	Em	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.7	Kiều Văn Cao	Em	187.000	187.000	2,07	16.456	16.456	0,12	18.233	18.233	0,12
1.8	Kiều Mai Hương	Con	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.9	Kiều Ngọc Mai	Con	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.10	Kiều Trí Dũng	Con	0	0	0	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: SCL)

Bảng 18 - Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn (tiếp)

STT	Tên	Chức vụ tại Công ty/ mối quan hệ của NLQ với CĐL	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
			Tại ngày trở thành cổ đông lớn: 14/05/2018			Tại thời điểm hiện tại			Dự kiến sau phát hành		
2	Kiều Thị Nhung		1.168.760	1.168.760	8,41	1.081.660	1.081.660	7,78	1.198.470	1.198.470	7,78
2.1	Nguyễn Ánh Hồng	chồng	462.097	462.097	3,3	462.097	462.097	3,3	512.000	512.000	3,33
2.2	Nguyễn Kiều Vũ Lâm	Con	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Tên	Chức vụ tại Công ty/ mối quan hệ của NLQ với CĐL	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
			Tại ngày trở thành cổ đông lớn: 14/05/2018			Tại thời điểm hiện tại			Dự kiến sau phát hành		
2.3	Nguyễn Kiều Phương Anh	Con	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.4	Phạm Thị Trường	Mẹ chồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.5	Nguyễn Thị Hải An	Em chồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.6	Nguyễn Thị Tố Phương	Em chồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.7	Nguyễn Thị Việt Hà	Em chồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.8	Kiều Quang Vọng	Bố đẻ	38.720	38.720	0,28	38.720	38.720	0,28	42.901	42.901	0,28
2.9	Vũ Thị Hưng	Mẹ đẻ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.10	Kiều Thị Thanh Nhân	Chị gái	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.11	Kiều Văn Cường	Anh trai	3.872	3.872	0,03	3.872	3.872	0,03	4.290	4.290	0,03

(Nguồn: SCL)

Bảng 19 - Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn (tiếp)

STT	Tên	Chức vụ tại Công ty/ mỗi quan hệ của NLQ với CĐL	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
			Tại ngày trở thành cổ đông lớn: 17/04/2007			Tại thời điểm hiện tại			Dự kiến sau phát hành		
3	Công ty CP Công nghiệp dịch vụ Cao Cường		900	900	18	1.832.006	1.832.006	13,19	2.029.847	2.029.847	13,19
	Kiều Văn Cao	TGD	187.000	187.000	2,07	16.456	16.456	0,12	18.233	18.233	0,12

(Nguồn: SCL)

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện đối với cổ đông lớn và người có liên quan: Không có

Thông tin về các lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành của các cổ đông lớn:

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1 Danh sách Hội đồng Quản Trị

Tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần(%)	Ghi chú
Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT	9,6	
Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên HĐQT không điều hành	0,0006	
Kiều Quang Vọng	Thành viên HĐQT không điều hành	0,28	
Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	4,32	
Nguyễn Ánh Hồng	Thành viên HĐQT không điều hành	3,3	

1. Chủ tịch HĐQT**Họ tên: Kiều Văn Mát**

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 25-8-1969
- Nơi sinh: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Số CMND : 141403007 - Do Công an Hải Dương cấp ngày 10/5/2007
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế; Cử nhân Luật; Lý luận chính trị cao cấp;
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
- Từ 1993 đến 2003	Chủ nhiệm HTX công nghiệp Cao Cường	HTX công nghiệp Cao Cường
- Từ 01/2004 đến 04/2004	Chủ tịch HĐQT	Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Phả Lại.
- Từ 05/2004 đến 04/2007	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường.
Từ 05/2007 đến 12/2007	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Sông Đà Cao Cường
Từ 01/2008 đến 10/2017	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc	Công ty CP Sông Đà Cao Cường.
Từ 11/2017 đến nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Sông Đà Cao Cường.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
 - Sở hữu cá nhân: 1.333.131 cổ phần, chiếm 9,6 % vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:
 - Kiều Quang Vọng sở hữu 38.720 cổ phiếu; chiếm 0,28% vốn điều lệ
 - Anh trai Kiều Văn Phú sở hữu 16.093 cổ phiếu; chiếm 0,12% vốn điều lệ

Vợ Vũ Thị Thanh Huyền sở hữu 60.500 cổ phiếu; chiếm 0,44% vốn điều lệ

Chị gái Kiều Thị Dung sở hữu 4.032 cổ phiếu; chiếm 0,03% vốn điều lệ

Em trai Kiều Văn Cao sở hữu 16.456 cổ phiếu; chiếm 0,12% vốn điều lệ

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, thù lao đã nhận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 31/12/2021 là 720.000.000 đồng. (Từ 01/01/2020 đến 31/12/2021 là 30 triệu đồng/tháng). Các khoản thưởng bằng tiền và lợi ích khác là 66.155.192 đồng.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Thông tin về sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT:

(i) Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Hồng Quyền**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/9/1950
- Nơi sinh: Hoàng Xuyên – Hoàng Hóa – Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 1BT8, Khu đô thị LIGECO Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội
- Số Hộ chiếu/CCCD/CMND: CMND : 011230993 cấp ngày 8/12/2005 tại Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: **Tiến sỹ khoa học**
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
- Từ năm 1967 đến năm 1972	Đại học Tổng hợp	CHDC Đức
- Từ năm 1972 đến năm 1977	Cán bộ khoa học	Viện Vật lý
- Từ năm 1977 đến năm 1980	Nghiên cứu sinh	CHDC Đức
- Từ năm 1980 đến 9/2010	Cán bộ khoa học	Viện Vật lý
4/2007- nay	Thành viên Hội đồng quản trị	CTCP Sông Đà Cao Cường

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
 - Sở hữu cá nhân: 90 cổ phần, chiếm 0,0006 % vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 0
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, thù lao đã nhận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 31/12/2021 là 72.000.000 đồng (Mỗi tháng nhận thù lao là 3.000.000 đồng/tháng). Các khoản thưởng bằng tiền và lợi ích khác là 133.300.000
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Anh Dũng**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/5/1975
- Nơi sinh: Văn An, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: Số 17/126 Kim Hoa, Phương Liên, Đống Đa, HN
- Số Hộ chiếu/CCCD/CMND: 012931694, Hà Nội cấp ngày 02/2/2007
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân ngoại ngữ (Anh), cử nhân quản trị kinh doanh**
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: TV Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
16/5/2016 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
 - Sở hữu cá nhân: 600.000 cổ phần, chiếm 4,32 % vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 0
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, thù lao đã nhận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 31/12/2021 là 72.000.000 đồng (Mỗi tháng nhận thù lao là 3.000.000 đồng/tháng). Các khoản thưởng bằng tiền và lợi ích khác là 411.298.500 đồng.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Ánh Hồng**
- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 23/03/1978
- Nơi sinh: Xã Thanh Dương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Số Hộ chiếu/CCCD/CMND: 141883068 do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 30/10/2006.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: TV Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
7/2001-10/2007	Cán bộ	Kho bạc Nhà nước Chí Linh, tỉnh Hải Dương
11/2007-Nay	Trưởng phòng	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chí Linh
25/4/2019 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
 - Sở hữu cá nhân: 462.097 cổ phần, chiếm 3,3 % vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:
 - Vợ Kiều Thị Nhung sở hữu 1.081.670 cổ phiếu, chiếm 7,78% vốn điều lệ
 - Bố vợ Kiều Quang Vọng sở hữu 38.720 cổ phiếu, chiếm 0,3% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 0
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục

liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, thù lao đã nhận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 31/12/2021 là 60.000.000 đồng. Các khoản thưởng và lợi ích khác là 29.300.000 đồng.

Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Kiều Quang Vọng**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/01/1956
- Nơi sinh: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Khu 13, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Số Hộ chiếu/CCCD/CMND: 030056000171 cấp ngày 08/09/2015 tại Bộ Công An
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: TV Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
<i>Trước tháng 4/2007</i>	Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Công nghiệp dịch vụ Cao Cường
<i>Từ 4/2007 đến 2013</i>	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Công nghiệp dịch vụ Cao Cường
<i>Từ 2013 đến 2018</i>	Chủ tịch HĐQT,	Công ty Cổ phần Công nghiệp dịch vụ Cao Cường
<i>Từ 4/2007 đến 06/4/2018</i>	Thành viên HĐQT đến 06/4/2018; Phó Tổng giám đốc từ 4/2007 đến tháng 31/12/2017)	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
28/4/2022 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:

- Sở hữu cá nhân: 38.720 CP, chiếm 0,28% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan:

Con gái: Kiều Thị Nhung sở hữu 1.081.670 cổ phiếu, chiếm 7,78% vốn điều lệ

Con rể: Nguyễn Ánh Hồng sở hữu 462.097 cổ phiếu, chiếm 3,3% vốn điều lệ

Con rể: Kiều Văn Cường sở hữu 3.872 cổ phiếu, chiếm 0,3% vốn điều lệ

Em trai Kiều Văn Mát sở hữu 1.333.131 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ

Em trai Kiều Văn Phú sở hữu 16.093 cổ phiếu; chiếm 0,12% vốn điều lệ

Em dâu Vũ Thị Thanh Huyền sở hữu 60.500 cổ phiếu; chiếm 0,44% vốn điều lệ

Em gái Kiều Thị Dung sở hữu 4.032 cổ phiếu; chiếm 0,03% vốn điều lệ

Em trai Kiều Văn Cao sở hữu 16.456 cổ phiếu; chiếm 0,12% vốn điều lệ

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 0
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, thù lao đã nhận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 31/12/2020 là 0 đồng (Mới nhận chức).

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

3.2 Danh sách Ban Kiểm soát

Tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
Đào Xuân Quỳnh	Trưởng BSK	0,01 %	
Bùi Thị Vê	Thành viên BKS	0%	
Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên BKS	0%	

(i) Đào Xuân Quỳnh – Trưởng BKS

- Họ và tên: Đào Xuân Quỳnh

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 14/02/1982
- Nơi sinh: Đồng Lạc, Chí Linh, Hải dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phả Lại, Chí Linh. Hải Hưng.
- Số CMND: 142031333 Cấp ngày: 12/08/2013 Tại Công an Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thạch cao Đình Vũ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
14/8/2013 đến 28-6-2017	Trưởng BKS	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
29-6-2017 đến 14-11-2017	TV BKS	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
15/11/2017- Nay	Trưởng BKS	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
13/10/2010 - Nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
 - Sở hữu cá nhân: 1520 cổ phần, chiếm 0,01 % vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:
 - Em trai Đào Xuân Cường sở hữu 2.420 cổ phiếu, chiếm 0,017% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước

năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, thù lao trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 31/12/2021: 72.000.000 đồng (Mỗi tháng nhận thù lao là 3.000.000 đồng/tháng). Các khoản thưởng và lợi ích khác là 17.900.000 đồng.

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

(ii) Bùi Thị Vẻ - Thành viên BKS

- Họ và tên: Bùi Thị Vẻ
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 23/12/1975
- Nơi sinh: Phả Lại – Chí Linh - Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phả Lại – Chí Linh - Hải Dương
- Số CMND: 141718431 cấp ngày 28/08/2010 tại Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: TC Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: TV ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
25/4/2019- Nay	TV BKS	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
10-6-1996- Nay	Kế toán	Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát

hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, thù lao trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 31/12/2021: 48.000.000 đồng. (Mỗi tháng nhận thù lao là 2.000.000 đồng/tháng). Các khoản thưởng và lợi ích khác là 8.400.000 đồng.

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

(iii) Nguyễn Thị Thu Hoài – Thành viên BKS

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hoài
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 16/10/1982
- Nơi sinh: .Nhật Tân, Tiên Lữ, Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Số CMND: 145079125 cấp ngày 17/4/1999 tại Hưng Yên
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: TV ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán viên tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
26/4/2018-Nay	TV BKS	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
01/2011- Nay	Kế toán	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Dịch vụ Cao Cường

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, thù lao trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 31/12/2021: 48.000.000 đồng (Mỗi tháng nhận thù lao là 2.000.000 đồng/tháng). Các khoản thưởng và lợi ích khác là 8.400.000 đồng.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

3.3 Danh sách Ban Điều hành

Họ, Tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc	0,07 %	
Trần Văn Hoan	Kế toán trưởng	0,07 %	

(i) Vũ Văn Chiến - Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Vũ Văn Chiến
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/9/1986
- Nơi sinh: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Số CMND: B8483355 cấp ngày 29/10/2013 tại Cục quản lý xuất nhập cảnh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tự động hóa
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký đại chúng: Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
01/02/2011 đến 9/5/2018	Cán bộ	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
10/5/2018- Nay	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân trong tổ chức đăng ký chào bán:
 - Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với TGD: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Tiền lương đã nhận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại là 720.000.000 đồng.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

(ii) Trần Văn Hoan – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Trần Văn Hoan
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/10/1984
- Nơi sinh: Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương
- Số CMND: 142188945 cấp ngày 20/7/2015 tại Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, chứng chỉ Kế toán trưởng
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
12/2010-9/5/2018	Kế toán viên	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
10/5/2018- Nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
 - Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kế toán trưởng: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Tiền lương trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại 528.000.000 đồng.

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu là: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán và phát hành

Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán và phát hành là: 2.000.000 cổ phiếu bao gồm:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu: 1.500.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu ESOP dự kiến phát hành: 500.000 cổ phiếu

Tổng giá trị chào bán và phát hành theo mệnh giá: 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ) đồng

4. Giá chào bán dự kiến

- Giá chào bán dự kiến cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Giá chào bán cổ phiếu ESOP: 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020

Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán:

Chỉ tiêu	Khoản mục	Giá trị (đồng VN)
Vốn chủ sở hữu	(1)	175.123.179.875
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(2)	0
Số cổ phiếu đã phát hành	(3)	13.889.973
Số cổ phiếu quỹ	(4)	0
Số cổ phiếu đang lưu hành	(5)	13.889.973

$$\begin{aligned}
 \text{Giá trị sổ sách một} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020} - \text{Lợi ích của cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}} \\
 \text{cổ phiếu} &= \frac{175.123.179.875 - 0}{13.889.973} = 12.607 \text{ đồng/cổ phiếu}
 \end{aligned}$$

Giá trị thị trường (giá bình quân của 20 phiên gần nhất tính đến ngày 22/12/2021):
29.720 đồng/cổ phiếu

Đơn vị tính: Nghìn Đồng/cổ phiếu

TT	Ngày	Giá đóng cửa	TT	Ngày	Giá đóng cửa
1	21/12/2021	27	11	7/12/2021	28.4
2	20/12/2021	26.9	12	6/12/2021	29.9
3	17/12/2021	28	13	3/12/2021	32.2
4	16/12/2021	27.5	14	2/12/2021	32.3
5	15/12/2021	27.8	15	1/12/2021	32.8
6	14/12/2021	27.9	16	30/11/2021	33
7	13/12/2021	27.8	17	29/11/2021	32.8
8	10/12/2021	27.7	18	26/11/2021	32.4
9	9/12/2021	28	19	25/11/2021	32
10	8/12/2021	28	20	24/11/2021	32

P bình quân = 29.720 đồng/cổ phiếu

Căn cứ đề xuất mức giá phát hành:

Đợt phát hành cổ phiếu của SCL được chào bán cho cổ đông hiện hữu. Do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn của SCL, giá thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu SCL được tính toán, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá sau khi phát hành nên giá chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt này là **10.000** đồng/cổ phiếu, bằng **79,32%** giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 và bằng **33,64%** giá trị thị trường.

Giá khởi điểm chào bán là **10.000** đồng/cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết số 541/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2021.

6. Phương thức phân phối**6.1. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**

Phương thức phân phối cho cổ đông hiện hữu: Theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu, cụ thể như sau:

Phân phối và thông qua về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (“quyền mua”)

- Tỷ lệ phân phối, thực hiện quyền: Tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu được tính toán trên nguyên tắc bảo đảm tất cả các cổ đông hiện hữu sẽ được tỷ lệ quyền mua như nhau. Trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) ủy quyền, Hội đồng quản trị (HĐQT) sẽ tính toán tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu phù hợp với khối lượng cổ phiếu chào bán là 1.500.000 cổ phiếu. Tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến là: $\frac{4.629.991}{500.000}$
- Do Công ty đồng thời thực hiện việc phát hành cổ phiếu ESOP và dự kiến phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021, nên trong trường hợp Công ty thực hiện xong việc phát hành khác trước ngày chốt danh sách cổ đông nhận quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, thì tỷ lệ thực hiện quyền sẽ bị thay đổi tương ứng trên nguyên tắc bảo đảm tất cả các cổ đông hiện hữu sẽ được tỷ lệ quyền mua như nhau để mua số cổ phiếu được phát hành là 1.500.000 cổ phiếu.
- Trường hợp đã lưu ký: Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) phân phối và thông báo quyền mua cho cổ đông thông qua các Công ty Chứng khoán (“CTCK”) – Thành viên lưu ký của VSD.
- Trường hợp cổ đông chưa lưu ký: Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

Phương án làm tròn:

- Đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Chuyển nhượng quyền mua:

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình hoặc từ chối quyền mua. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3). Cụ thể như sau:

Trong thời hạn chuyển nhượng quyền mua theo Thông báo của Tổ chức phát hành, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có nhu cầu.

Đối với cổ đông đã lưu ký

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch

Đối với cổ đông chưa lưu ký

Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua tại Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường – Phòng kế toán – Km 28+100m, Quốc lộ 18, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và số cổ phần không phân phối hết:

Toàn bộ số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và cổ phiếu không phân phối hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua được HĐQT tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn không bị hạn chế chuyển nhượng. Số cổ phiếu không chào bán hết khi chào bán tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

6.2. Phát hành ESOP**Phương thức phát hành:**

Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên SCL theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)

Đối tượng phát hành:

Người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 01/12/2021 đã ký hợp đồng lao động với SCL và còn hiệu lực.

Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty không được quyền mua cổ phiếu theo chương trình này

Tiêu chí phân phối:

Căn cứ vào mức độ đóng góp cho sự phát triển của Công ty, thâm niên công tác, chức vụ và thời gian đảm nhiệm các vị trí quản lý/cán bộ chuyên môn cao

Chuyển nhượng quyền mua:

Cán bộ nhân viên đủ điều kiện tham gia chương trình ESOP không được quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu ESOP của mình

Phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua:

Số cổ phiếu phát hành thêm bán cho người lao động được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Đối với số cổ phiếu do người lao động từ chối mua và cổ phiếu lẻ do làm tròn: Ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối tiếp theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá phát hành không thấp hơn giá phát hành theo Quy chế ESOP. HĐQT không thực hiện phân phối cho người lao động là người nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phiếu còn dư vẫn chưa phân phối hết sẽ được coi như cổ phiếu chưa phát hành. HĐQT Công ty thực hiện đăng ký số vốn mới theo số vốn thực tế thu được sau các lần phân phối.

Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

Cổ phần chào bán cho người lao động theo chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

7. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký quyền mua và nộp tiền: 20 ngày kể từ khi nhận được thông báo nhận quyền mua
- Phương thức đăng ký:
 - **Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu:**
 - + **Đối với cổ đông đã lưu ký:** Cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký mua cổ phiếu và thanh toán tiền mua cổ phiếu tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch.
 - **Đối với cổ đông chưa lưu ký:** Cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký mua cổ phiếu và thanh toán tiền mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường - Phòng kế

toán – Km 28+100m, Quốc lộ 18, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

- **Cổ phiếu ESOP:** Cán bộ nhân viên đăng ký mua tại SCL

- Phương thức thanh toán:

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu:

- + **Đối với cổ đông đã lưu ký:** thanh toán bằng chuyển khoản tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản.
- + **Đối với cổ đông chưa lưu ký:** nộp tiền hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.

Cổ phiếu ESOP: Cán bộ nhân viên nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.

Hết thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

8. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: Thời gian thực hiện dự kiến trong Quý I.2022 và Quý II.2022 sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Lịch trình phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư **dự kiến** như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được Giấy chứng nhận của UBCKNN	D
2	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D+1 đến D+7
3	Gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	D+1 đến D+7
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D+17

TT	Nội dung công việc	Thời gian
4	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua cổ phiếu	D+19 đến D+20
5	Cổ đông nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu (“thông báo”)	D+26 đến D+28
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	D+26 đến D+38
7	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D+26 đến D+48
8	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm và chuyển tiền về tài khoản phong tỏa	D+55 đến D+57
9	HĐQT phân phối đối với số cổ phần không bán hết (<i>dự kiến khoảng 2 tuần</i>)	D+69 đến D+71
10	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCK	D+79 đến D+89
11	Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung	D+89 đến D+99
12	Cổ phiếu phát hành thêm chính thức giao dịch	D+94 đến D+104

Theo tiến độ triển khai hồ sơ hiện tại, SCL đánh giá thời điểm UBCKNN chấp thuận Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng và phát hành ESOP sẽ diễn ra gần với thời điểm UBCKNN phê duyệt Hồ sơ đăng ký trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu. Do vậy, để đảm bảo việc thực hiện phân phối cổ phiếu diễn ra thuận lợi, đúng theo nội dung đã đăng ký với UBCKNN, SCL dự kiến các mốc thời điểm thực hiện chào bán sau khi các hồ sơ đăng ký được UBCKNN chấp thuận theo các nội dung dưới đây:

- Công ty thực hiện chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trước, sau đó thực hiện chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu. Thời điểm chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức đảm bảo diễn ra trước khi hoàn thành đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành ESOP để không làm biến động số lượng cổ phiếu thực hiện quyền trả cổ tức.
- Việc phát hành cổ phiếu ESOP được thực hiện sau thời điểm ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Theo kế hoạch như trên, cổ phiếu ESOP được hoàn thành phân phối sau khi đã chốt danh sách thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu và chốt danh sách trả cổ tức. Do vậy, cổ phiếu ESOP mới không được quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt phát hành này và không được quyền nhận cổ tức năm 2021.

Lịch trình phân phối cổ phiếu chính thức sẽ được công bố chính thức sau khi Công ty được

UBCK cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

9. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng.
- Số lượng cổ phiếu phát hành ESOP và cổ phiếu do HĐQT phân phối lại do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
- Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

10. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
- Số tài khoản phong tỏa: 46112000023137
- Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Bắc Hải Dương

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần ESOP:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
- Số tài khoản phong tỏa: 46112000023146
- Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Bắc Hải Dương

11. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Căn cứ theo quy định tại điểm đ, khoản 1 điều 139 Nghị định 155, Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.

Tính đến ngày 25/03/2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0,01%. Nếu tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán, tỷ lệ sở hữu thực tế của nhà đầu tư nước ngoài có thay đổi theo chiều hướng có thể vi phạm quy định tỷ lệ sở hữu tối đa tại Công ty khi đó nhà đầu tư nước ngoài chỉ được chuyển nhượng quyền mua và sẽ không được tham gia mua cổ phiếu trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu. Công ty đảm bảo sẽ không phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua.

Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”): Danh sách đối tượng là người lao động được mua cổ phiếu ESOP ban hành kèm theo Nghị quyết HĐQT số 566/NQ-HĐQT ngày 31/12/2021 không có người có quốc

tịch nước ngoài. Do đó việc phát hành ESOP đã đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Tuy nhiên, trong trường hợp HĐQT thực hiện phân phối tiếp số cổ phiếu ESOP do người lao động từ chối mua và số cổ phiếu lẻ do làm tròn (nếu có) cho các đối tượng khác, khi đó HĐQT không thực hiện phân phối cho người lao động là người nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài.

Công ty cam kết thực hiện việc phát hành cổ phiếu đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về tỉ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài.

12. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán)

Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ cổ tức:
 - Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5% (năm phần trăm); và
 - Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu: 0,1% (không phải một phần trăm) tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất như sau:

- Trường hợp nhà đầu tư tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{thuế suất}$$

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán cổ phiếu; và
- Thuế suất: bằng 20% (hai mươi phần trăm).

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{thuế suất}$$

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng tổng doanh thu bán cổ phiếu tại thời điểm chuyển nhượng; và
- Thuế suất: bằng 0,1% (không phải một phần trăm)

13. Thông tin về các cam kết

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường cam kết: Toàn bộ số cổ phần phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành. Tổ chức phát hành cam kết hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

14. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Trong cùng đợt phát hành, SCL dự kiến thực hiện phát hành các chứng khoán khác như sau:

- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), cụ thể:

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Loại cổ phiếu phát hành	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng/cổ phiếu.
Tổng số cổ phiếu đã phát hành	: 13.889.973 cổ phiếu.
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	: 500.000 cổ phiếu.
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	: 5.000.000.000 đồng.
Đối tượng phát hành	: Người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 01/12/2021 đã ký hợp đồng lao động với Công ty và còn hiệu lực. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty không được mua cổ phiếu theo chương trình này.

Giá chào bán	: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
Tiêu chí phân phối	: Tiêu chí phân phối cổ phiếu cho người lao động được tính toán trên nguyên tắc công bằng.
Phương thức phát hành	: Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên SCL theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)
Phương án làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có)	: Số cổ phiếu phát hành thêm bán cho người lao động được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Đối với số cổ phiếu do người lao động từ chối mua và cổ phiếu lẻ do làm tròn. HĐQT quyết định phân phối theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá phát hành không thấp hơn giá phát hành theo Quy chế ESOP. Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phiếu còn dư vẫn chưa phân phối hết sẽ được coi như cổ phiếu chưa phát hành. HĐQT Công ty thực hiện đăng ký số vốn mới theo số vốn thực tế thu được sau các lần phân phối.
Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	: Cổ phiếu chào bán cho người lao động theo chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán này sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành ESOP là 20.000.000.000 VNĐ (Hai mươi tỷ đồng), toàn bộ số tiền này sẽ được Công ty sử dụng như sau:

1. Mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất:

Dự kiến 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng. Chi tiết sử dụng vốn dự kiến theo hợp đồng như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Chứng từ kèm theo	Số tiền (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Thanh toán tiền cước vận chuyển theo hợp đồng số 252/2020/HĐVC/SCL-HT	Hóa đơn số 0010695 ngày 28/2/2022 và hóa đơn số 0010299 ngày 27/1/2022	7.798.971.000	Trong Quý II và Quý III năm 2022
2	Thanh toán tiền cước vận chuyển theo hợp đồng số 25/06/2021/HĐVC/SCL-TX	Hóa đơn số 0000050 ngày 26/2/2022	1.209.575.052	Trong Quý II và Quý III năm 2022
3	Thanh toán tiền mua tro xỉ theo hợp đồng số 05/HĐKT/SCL-ĐTL	Hóa đơn số 0001198 ngày 28/2/2022	838.677.996	Trong Quý II và Quý III năm 2022
4	Thanh toán tiền mua tro xỉ theo hợp đồng số 01/HĐKT/2022/SCL-TS	Hóa đơn số 0000021 ngày 28/2/2022	152.775.952	Trong Quý II và Quý III năm 2022
Tổng cộng			10.000.000.000	

2. Trả nợ vay ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV):

Dự kiến 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng. Chi tiết như sau:

STT	Số kê ước/HĐ cho vay	Số tiền trả nợ (đồng)	Thời gian dự kiến trả nợ
1	46182001226376	7.169.100.199	Tháng 7/2022
2	46182001223687	2.830.899.801	Tháng 7/2022
Tổng cộng:		10.000.000.000	

Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, số tiền thu được sẽ được chia đều làm hai phần cho hai mục đích sử dụng vốn đã dự kiến, trên nguyên tắc hợp đồng/kê ước nào đến hạn trước sẽ được thanh toán trước.

Nguồn tài trợ khác sẽ được Công ty tìm kiếm dựa trên các hướng sau:

- Đối với số lượng cổ phần không chào bán hết, tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác theo giá phát hành phù hợp tại thời điểm phát hành nhưng không ưu đãi hơn so với cổ đông hiện hữu.

- Chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác bao gồm nguồn vay các tổ chức tín dụng, vay vốn cổ đông... để bảo đảm duy động đủ nguồn vốn cho hoạt động của Công ty.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán ra công chúng

a. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng 14 Tòa nhà Sudico, Đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 024 3868 9566/024 3868 9588

Fax: 024 3868 6248

Website : www.kiemtoanava.vn

b. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 6, Số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: (84-24) 3728 0921

Fax: (84-24) 3728 0920

Website: <https://www.tvsi.com.vn/>

2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán ra công chúng

Với tư cách là tổ chức tư vấn phát hành, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“TVSI”) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán ra công chúng chủ yếu được sử dụng để đầu tư góp vốn vào các công ty con và một phần nhỏ là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty là phù hợp với định hướng của Công ty, xu thế thị trường và quy định của Nhà nước.

Khối lượng chào bán cho cổ đông hiện hữu đợt này 1.500.000 cổ phiếu. Giá chào bán cổ phiếu SCL cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 là 12.607 đồng/cổ phiếu. Thu nhập trên mỗi cổ phần của Công ty (EPS) năm 2020 là 1.785 đồng/cổ phần.

Với những nhận định trên, chúng tôi – Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt cho rằng đây là cơ hội cho các nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu SCL.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư. Nhà đầu tư tự chủ động ra quyết định đầu tư.

NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
(CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG),
TỔ CHỨC TƯ VẤN

TP. Chí Linh, ngày 25 tháng 5 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



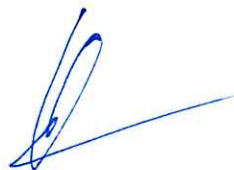
KIEU VĂN MÁT

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ VĂN CHIẾN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN VĂN HOAN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

GIÁM ĐỐC KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



NGUYỄN THỊ LINH

300
GT
HÀ
GD
ƯỚP
ĐC

PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
 2. Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
 3. Bản hợp lệ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 542/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2021
 4. Bản hợp lệ Tờ trình số 498/TTr-HĐQT ngày 29/11/2021 về việc tạm ứng cổ tức và tăng vốn điều lệ
 5. Bản hợp lệ Nghị quyết HĐQT số 573/NQ-HĐQT ngày 31/12/2021 về việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
 6. Bản hợp lệ Nghị quyết HĐQT số 86/NQ-HĐQT ngày 26/02/2022 về việc thông qua phương án chi tiết số tiền sử dụng thu được từ đợt chào bán và phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài
 7. Bản hợp lệ Nghị quyết HĐQT số 120/NQ-HĐQT ngày 24/03/2022 về việc thông qua sửa đổi một số nội dung trong nghị quyết HĐQT đã ban hành
 8. Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính tự lập Quý I.2022
-

BẢN SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HẢI DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0800376530

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 04 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 01 tháng 03 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG DA CAO CUONG JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SONGDA CAOCUONG., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Km 28+100m, Quốc lộ 18, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0220.3580414

Email: info@songdacaocuong.vn

Fax: 0220.3583102

Website: www.songdacaocuong.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 138.899.730.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám tỷ tám trăm chín mươi chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 13.889.973

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 930.....Quyển số: 01.....SCT/BS
Ngày: 18-05-2022

UBND - P. PHẢ LẠI - TP. CHÍ LINH - T. HẢI DƯƠNG

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: VŨ VĂN CHIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 16/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B8483355

Ngày cấp: 29/10/2013

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

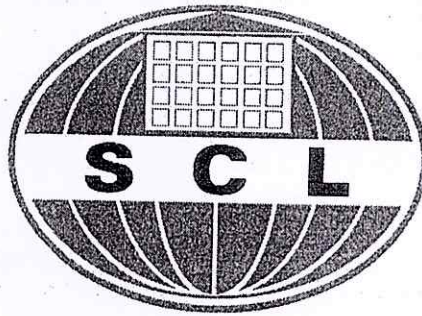
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 61, đường Thành Pháo, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 61, đường Thành Pháo, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam



TRƯỜNG PHÒNG
Vũ Hưng Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Hải Dương, ngày 26 tháng 4 năm 2021



*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

**MỤC LỤC
PHẦN MỞ ĐẦU**

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

**II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

**III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG
TY**

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)

IX. BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

Điều 55. Gia hạn hoạt động

Điều 56. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

08
NO
PI
NO
CU
AI

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

**II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường
- Tên tiếng Anh: Song da Cao Cuong Joint Stock Company
- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường
- Tên viết tắt: SONG DA CAO CUONG., JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Km 28+100m Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

- Điện thoại: 0220.3580.414

- E-mail: info@songdacaocuong.vn

- Website: songdacaocuong.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc;

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo qui định hiện hành.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét <i>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng</i>	2392 <i>(chính)</i>
2	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
3	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
4	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại <i>Chi tiết: Gia công cơ khí phi tiêu chuẩn và kết cấu thép trong xây dựng</i>	2592
5	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Khai thác, sản xuất phụ gia dùng cho công tác bê tông và xi măng (Tro bay Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại); Sản xuất than hoạt tính, than tổ ong, dầu thông, dầu tuyền, dầu diezen, dầu FO;</i>	3290
6	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành khai thác và kinh doanh điện của nhà máy thủy điện vừa và nhỏ</i>	3510
7	Tái chế phế liệu	3830
8	Xây dựng nhà các loại	4100
9	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. <i>Chi tiết : Xây dựng công trình giao thông.</i>	4210
10	Xây dựng công trình công ích. <i>Chi tiết : Xây dựng công trình thủy lợi.</i>	4220

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

11	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. <i>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220 KV</i>	4290
12	Phá dỡ	4311
13	Chuẩn bị mặt bằng <i>Chi tiết: San lấp mặt bằng công trình</i>	4312
14	Lắp đặt hệ thống điện	4321
15	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
16	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
19	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Bán buôn hàng thực phẩm, thực phẩm chế biến đóng gói</i>	4632
20	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Bán buôn hàng điện tử, điện lạnh, đồ điện gia dụng; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao</i>	4649
21	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22	Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Bán buôn phụ tùng máy tuyến, máy sấy, phục vụ sản xuất cho công tác phụ gia bê tông và xi măng; Bán buôn máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)</i>	4659

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

23	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết: Bán buôn than hoạt tính, than tổ ong, dầu thông, dầu tuyền, dầu diezen, dầu FO;</i>	4661
24	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Bán buôn hóa chất phục vụ sản xuất cho công tác phụ gia bê tông và xi măng, Bán buôn phụ gia dùng cho bê tông và xi măng, vật liệu xây dựng</i>	4669
26	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
27	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
28	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
29	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản</i> Cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng <i>(Công ty chỉ kinh doanh ngành nghề này trên diện tích đất thuê của Nhà nước, khi được sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền)</i>	6810
30	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: - Nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất phụ gia dùng cho công tác bê tông, xi măng và vật liệu xây dựng</i> <i>- Tư vấn thiết kế chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghệ: xử lý môi trường, sản xuất vật liệu xây dựng</i>	7490
31	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty sản xuất và kinh doanh</i>	8299
32	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Khai thác đất cao lanh</i>	0899
33	Khai thác quặng sắt	0710

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

34	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
35	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
36	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại	232
37	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
38	Xử lý và tiêu huỷ chất thải độc, chất thải gây ô nhiễm	3822
39	Cho thuê xe có động cơ. Cho thuê xe ô tô, xe cầu, máy xúc, máy gặt, xe nâng, xe chuyên dụng...	7710
40	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Cho thuê máy thiết bị phục vụ thi công các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi, cho thuê container, cho thuê palet, ...	7730

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là mở rộng sản xuất kinh doanh, đưa Công ty phát triển lớn mạnh và bền vững, để đảm bảo tối đa lợi ích của các Cổ đông, đồng thời đảm bảo lợi ích của người lao động, trong khuôn khổ của Pháp luật;

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia; Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty hiện nay là 138.899.730.000 VND (Một trăm ba mươi tám tỷ, tám trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 13.889.973 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn dưới 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn dưới 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty (công ty đại chúng) phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Khi Công ty niêm yết cổ phiếu, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

080
NG
PH
NG
CU
TÀI

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc (Tổng giám đốc), các

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc (Tổng giám đốc) được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc).

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc);

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, Công ty thành lập Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và theo quy định tại Điều 36 đến Điều 41 Điều lệ này.

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021.*

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương,

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NẤM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 26 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường nhất trí thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại tỉnh Hải Dương và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN CHIẾN**

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021*

PHỤ LỤC SỐ 01

DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Vốn pháp định:

TT	Tên Cổ đồng, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch	Trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số giấy CNDKKD; CMTND, nơi cấp, ngày cấp
1	Công ty cổ phần Sông Đà 12	Số 16, Liên kê 11B, Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội	Phổ thông	363.000	3.630.000.000	2,61	GCNDKKD số: 0100105140, Hà Nội cấp ngày 22/4/2005, cấp lại lần 14 ngày 23/5/2016
2	Công ty cổ phần Công nghiệp- Dịch vụ Cao Cường	Km 28 + 500m, Quốc lộ 18, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương	Phổ thông	1.832.006	18.320.060.000	13,19	GCNDKKD số: 0800263713 Hải Dương cấp lại lần 10 ngày 04/4/2013
3	Nguyễn Hồng Quyền – Sinh ngày 01/9/1950; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.	1BT8. Khu đô thị LIGECO Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	Phổ thông	240.790	2.407.900.000	1,73	CMTND số: 011230993 Hà Nội cấp ngày 08/12/2005

(Tỷ lệ vốn góp tính theo vốn điều lệ là 138.899.730.000 VND)

Số: 542/NQ-ĐHĐCĐ

Hải Dương, ngày 19 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26/11/2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường ngày 19/12/2021. -

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Thông tin về Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được chi tiết tại Tờ trình số 498/TTr –HDQT ngày 29/11/2021 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 2. Ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị (HDQT) quyết định các vấn đề liên quan đến việc phát hành cổ phiếu được quy định tại Điều 1 Nghị quyết này, cụ thể:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai phương án phát hành, bao gồm cả việc thay đổi, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh theo yêu cầu và hoàn tất các hồ sơ liên quan để trình Cơ quan quản lý Nhà nước chấp thuận việc tăng vốn điều lệ và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất việc tăng vốn điều lệ nêu trên;

- Ban hành quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; Thông qua tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện.

- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

- Thay đổi phương án sử dụng vốn trong trường hợp phương án sử dụng vốn nêu trên không còn phù hợp với tình hình thực tế, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HDQT và/hoặc HDQT thay đổi phương án sử dụng vốn cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 nhằm đảm bảo hiệu quả và lợi ích cho Công ty, đồng thời báo cáo cho

UBCKNN; công khai nội dung thay đổi trên website của Công ty; thực hiện công bố thông tin và báo cáo cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất theo đúng quy định;

- Thực hiện phương án phát hành chi tiết, xây dựng nguyên tắc xác định giá chào bán và xác định giá chào bán (nếu cần); lựa chọn thời điểm chào bán, sao cho đợt phát hành thành công.

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp về việc tăng vốn điều lệ của Công ty như đã nêu trên, đồng thời chỉnh sửa Điều lệ Công ty sau khi tăng vốn và báo cáo kết quả thực hiện trong cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất;

- Hoàn tất các thủ tục để đăng ký bổ sung cổ phiếu mới phát hành lưu ký trên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện báo cáo kiểm toán vốn và báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được của đợt chào bán (nếu có); và

- Các nội dung khác có liên quan đến đợt phát hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2021.

Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- TGD, Kế toán trưởng;
- Thư ký Công ty;
- Lưu VP



Kiều Văn Mát

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 498/TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày 29 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về tạm ứng cổ tức năm 2021 và tăng vốn điều lệ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội về tạm ứng cổ tức năm 2021 và tăng vốn điều lệ như sau:

1. Hiện lợi nhuận sau thuế năm 2021 chưa phân phối đến hết tháng 6-2021 qua kiểm toán là 17.947.429.329 đồng; kinh doanh Quý 3 và 4 đang có lãi, theo đó tài chính đảm bảo tạm ứng cổ tức năm 2021 là 10% là khả thi và phù hợp với chương trình phân phối lợi nhuận năm 2021.

2. Mặt khác quy mô, tầm vóc Công ty ngày càng lớn mạnh, đòi hỏi cần phát hành cổ phiếu nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời gắn kết người lao động với Công ty thông qua chương trình ESOP. Việc tăng vốn điều lệ giúp Công ty nâng cao năng lực tài chính, tăng khả năng cạnh tranh để từ đó mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt tới mục tiêu phát triển của Công ty trong giai đoạn 2021 – 2025;

Theo đó đề nghị tạm ứng cổ tức năm 2021 và tăng vốn điều lệ theo hướng phát hành thêm cổ phiếu (cụ thể có phương án đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

SONG DA CAO CUONG JOINT STOCK COMPANY



PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

(Kèm theo Tờ trình số 498/TTr –HĐQT ngày 29/11/2021 trình tại Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường ngày 19/12/2021)

Hải Dương, tháng 11 năm 2021

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	1
II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC PHÁT HÀNH	1
III. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TẶNG VỐN VÀ MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH.....	1
1. Sự cần thiết của việc tặng vốn	
2. Mục đích của việc tặng vốn.....	
IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC CHÀO BÁN	2
V. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU.....	2
1. PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TẠM ỨNG CỔ TỨC NĂM 2021 TỪ NGUỒN LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	2
2. PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU.....	3
3. PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	4
VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC CHÀO BÁN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG	6
VII. LƯU KÝ VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BỔ SUNG	6
VIII. ỦY QUYỀN	6

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tên Tổ chức phát hành	:	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG
Mã cổ phiếu	:	SCL
Sàn giao dịch	:	UPCOM
Tên tiếng Anh	:	SONG DA CAO CUONG JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	SONG DA CAO CUONG JSC
Trụ sở chính	:	Km 28 + 100m, Quốc lộ 18, Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
Điện thoại	:	(0220) 358 0414
Fax	:	
Website	:	www.songdacaocuong.vn
Vốn điều lệ	:	138.899.730.000 đồng.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC PHÁT HÀNH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường;
- Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường và nhu cầu sử dụng vốn.

III. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

SCL phát hành cổ phiếu nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty đồng thời gắn kết người lao động với Công ty thông qua chương trình ESOP. Việc tăng vốn điều lệ giúp SCL nâng cao năng lực tài chính, tăng khả năng cạnh tranh để từ đó mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt tới mục tiêu phát triển của Công ty trong giai đoạn 2021 – 2025.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC CHÀO BÁN

- Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành là **3.388.997** cổ phần sẽ được tổ chức phát hành thực hiện cho các đối tượng và hình thức như sau:
 - Phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2021 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho cổ đông hiện hữu: **1.388.997** cổ phần (*Một triệu ba trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi bảy cổ phần*).
 - Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: **1.500.000** cổ phần (*Một triệu năm trăm nghìn cổ phần*);
 - Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động: **500.000** cổ phần (*Năm trăm nghìn cổ phần*)

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

Tổ chức phát hành	: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG
Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông.
Tổng số cổ phiếu đã phát hành	: 13.889.973 cổ phần.
Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	: 3.388.997 cổ phần
Trong đó:	
✓ Phát hành cổ phiếu tạm ứng cổ tức năm 2021 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.	: 1.388.997 cổ phần
✓ Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	: 1.500.000 cổ phần
✓ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	: 500.000 cổ phần
Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá	: 33.889.970.000 đồng.
Thời gian thực hiện	Dự kiến trong Quý 1 và Quý 2 năm 2022 sau khi có chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1. PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TẠM ỨNG CỔ TỨC NĂM 2021 TỪ NGUỒN LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Loại cổ phần phát hành	: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số cổ phiếu đã phát hành	: 13.889.973 cổ phần.
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	: 1.388.997 cổ phần.
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	: 13.889.970.000 đồng.
Đối tượng phát hành	: Cổ đông hiện hữu của SCL có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền.
Tỷ lệ phát hành	: 10%
Tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	: 100:10 (Tại thời điểm chốt danh sách, cổ đông sở hữu 100 (một trăm) cổ phần sẽ được nhận thêm 10 (mười) cổ phần mới).
Nguồn vốn thực hiện	: Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo tài chính quý 2 năm 2021 đã được soát xét.
Mục đích phát hành	: Tạm ứng cổ tức năm 2021.
Phương án làm tròn và xử lý cổ phần lẻ phát sinh (nếu có)	: Số lượng cổ phần phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị theo nguyên tắc nhỏ hơn 1 thì làm tròn bằng 0 (không). Số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn xuống sẽ bị hủy.

2. PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.
Loại cổ phần chào bán	: Cổ phần phổ thông.
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số cổ phiếu đã phát hành	: 13.889.973 cổ phần.
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	: 1.500.000 cổ phần.
Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá	: 15.000.000.000 đồng.
Đối tượng phát hành	: Cổ đông hiện hữu của SCL có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền.
Giá chào bán	: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần
Tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	: Tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu được tính toán trên nguyên tắc bảo đảm tất cả các cổ đông hiện hữu sẽ được phân bổ tỷ lệ quyền như nhau. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) ủy quyền cho Hội đồng quản trị (HĐQT) tính toán tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu phù hợp với khối lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 1.500.000 cổ phần.

Điều kiện chuyển nhượng	: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm chào bán cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng. Đối với số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ được Hội đồng quản trị (HĐQT) phân phối lại bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
Đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	: Giao cho HĐQT Công ty có phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty phù hợp với quy định pháp luật.
Phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua	: Số cổ phiếu phát hành thêm bán cho cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Đối với số cổ phiếu do các cổ đông từ chối mua và cổ phiếu lẻ do làm tròn: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phân phối tiếp cho các đối tượng khác phù hợp với quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu nhằm đảm bảo đợt phát hành tăng vốn được thành công và đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông. Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phiếu còn dư vẫn chưa phân phối hết sẽ được coi như cổ phiếu chưa phát hành. HĐQT Công ty thực hiện đăng ký số vốn mới theo số vốn thực tế thu được sau các lần phân phối.
Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định. Quyền mua chỉ được chuyển nhượng một lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba. Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền. Thời hạn và thủ tục cho việc chuyển nhượng quyền này sẽ được quyết định bởi HĐQT
Mục đích phát hành	: bổ sung vốn lưu động của Công ty.

3. PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (“ESOP”)

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.
Loại cổ phần chào bán	: Cổ phần phổ thông.
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số cổ phiếu đã phát	: 13.889.973 cổ phần.

hành	
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	: 500.000 cổ phần.
Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá	: 5.000.000.000 đồng.
Đối tượng phát hành	: Người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 01/12/2021 đã ký hợp đồng lao động với SCL và còn hiệu lực. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty không được quyền mua cổ phiếu theo chương trình này
Giá chào bán	10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.
Tiêu chí phân phối cổ phiếu cho người lao động	: Tiêu chí phân phối cổ phiếu cho người lao động được tính toán trên nguyên tắc công bằng. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xác định tiêu chí phân phối phù hợp với khối lượng cổ phần dự kiến chào bán cho người lao động là 500.000 cổ phần.
Phương thức phát hành	: Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên SCL theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)
Mục đích phát hành	: Gắn kết người lao động với Công ty
Chuyển nhượng quyền mua	: Cán bộ nhân viên đủ điều kiện tham gia chương trình ESOP không được quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu ESOP của mình
Đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	: Giao cho Hội đồng quản trị Công ty có phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong Công ty phù hợp với quy định pháp luật.
Phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua	: Số cổ phiếu phát hành thêm bán cho người lao động được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Đối với số cổ phiếu do người lao động từ chối mua và cổ phiếu lẻ do làm tròn: Ủy quyền cho HĐQT quyết định theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá phát hành không thấp hơn giá phát hành theo Quy chế ESOP. Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phiếu còn dư vẫn chưa phân phối hết sẽ được coi như cổ phiếu chưa phát hành. HĐQT Công ty thực hiện đăng ký số vốn mới theo số vốn thực tế thu được sau các lần phân phối.
Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	: Cổ phần chào bán cho người lao động theo chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành
Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu	: Cán bộ nhân viên đủ điều kiện đăng ký mua cổ phiếu và thanh toán tiền mua cổ phiếu theo hướng dẫn của Công ty.

VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC CHÀO BÁN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU VÀ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ việc chào bán **1.500.000** cổ phần cho cổ đông hiện hữu và số tiền thu được từ việc phát hành 500.000 cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động là **20.000.000.000** đồng được sử dụng để bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty, chi tiết như sau:

STT	Mục đích	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến
1	Mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất	10.000.000.000	
2	Trả nợ vay ngân hàng	10.000.000.000	
	Tổng cộng		

VII. LƯU KÝ VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BỔ SUNG

Thông qua việc đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với số lượng cổ phiếu mới phát hành.

VIII. ỦY QUYỀN

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT thực hiện và hoàn tất các thủ tục liên quan đến tăng vốn điều lệ theo phương án nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai phương án phát hành, bao gồm cả việc thay đổi, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh theo yêu cầu và hoàn tất các hồ sơ liên quan để trình Cơ quan quản lý Nhà nước chấp thuận việc tăng vốn điều lệ và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất việc tăng vốn điều lệ nêu trên;
- Ban hành quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; Thông qua tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện.
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Thay đổi phương án sử dụng vốn trong trường hợp phương án sử dụng vốn nêu trên không còn phù hợp với tình hình thực tế, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc HĐQT thay đổi phương án sử dụng vốn cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 nhằm đảm bảo hiệu quả và lợi ích cho Công ty, đồng thời báo cáo cho UBCKNN; công khai nội dung thay đổi trên website của Công ty; thực hiện công bố thông tin và báo cáo cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất theo đúng quy định;
- Thực hiện phương án phát hành chi tiết, xây dựng nguyên tắc xác định giá chào bán và xác định giá chào bán (nếu cần); lựa chọn thời điểm chào bán, sao cho đợt phát hành thành công.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp về việc tăng vốn điều lệ của Công ty như đã nêu trên, đồng thời chỉnh sửa Điều lệ Công ty sau khi tăng vốn và báo cáo kết quả thực hiện trong cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất;

7. Hoàn tất các thủ tục để đăng ký bổ sung cổ phiếu mới phát hành lưu ký trên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện báo cáo kiểm toán vốn và báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được của đợt chào bán (nếu có); và
9. Các nội dung khác có liên quan đến đợt phát hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Kiều Văn Mát

Số: 573/NQ-HĐQT

Hải Dương, ngày 31 tháng 12 năm 2021

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Chứng khoán năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 542/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 12 năm 2021;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường số 565/BB-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường số 542/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2021 với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

- Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.
- Loại cổ phần chào bán	: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng số cổ phần đã phát hành	: 13.889.973 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần dự kiến chào bán	: 1.500.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá	: 15.000.000.000 đồng.
- Đối tượng phát hành	: Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền.
- Giá chào bán	: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ	: Tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ đông hiện

<p>đồng hiện hữu</p>	<p>hữu được tính toán trên nguyên tắc bảo đảm tất cả các cổ đồng hiện hữu sẽ được tỷ lệ quyền mua như nhau. HĐQT tính toán tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ đồng hiện hữu phù hợp với khối lượng cổ phần dự kiến chào bán là 1.500.000 cổ phần. Tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến là 4.629.991: 500.000. Do Công ty đồng thời thực hiện việc phát hành thêm cổ phiếu để trả/tạm ứng cổ tức năm 2021 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, nên trong trường hợp Công ty thực hiện xong việc phát hành thêm cổ phiếu để trả/tạm ứng cổ tức và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trước ngày chốt danh sách cổ đông nhận quyền mua cổ phần phát hành thêm, thì tỷ lệ thực hiện quyền sẽ bị thay đổi tương ứng với số lượng cổ phần phát hành thêm để trả/tạm ứng cổ tức năm 2021 trên số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã thực hiện xong trên nguyên tắc bảo đảm tất cả các cổ đồng hiện hữu sẽ được tỷ lệ quyền mua như nhau.</p>
<p>- Phương thức phát hành</p>	<p>: Theo phương thức thực hiện quyền tại ngày chốt danh sách cổ đông.</p>
<p>- Chuyển nhượng quyền mua</p>	<p>Cổ đồng hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định. Quyền mua chỉ được chuyển nhượng một lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba. Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền. Thời hạn và thủ tục cho việc chuyển nhượng quyền này sẽ được quyết định bởi HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT.</p>

(N) (C) (S) (C) (T) (I)

<p>- Phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua</p>	<p>: Số cổ phiếu phát hành thêm bán cho cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Đối với số cổ phiếu do các cổ đông từ chối mua và cổ phiếu lẻ do làm tròn: HĐQT sẽ quyết định phân phối tiếp cho các đối tượng khác là nhà đầu tư trong nước và phù hợp với quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu nhằm đảm bảo đợt phát hành tăng vốn được thành công và đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông. Như vậy, trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phiếu còn dư vẫn chưa phân phối hết sẽ được coi như cổ phiếu chưa phát hành. HĐQT Công ty thực hiện đăng ký số vốn mới theo số vốn thực tế thu được sau các lần phân phối.</p>
<p>- Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng</p>	<p>: - Cổ phần chào bán cho các cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng. - Cổ phần chào bán cho các đối tượng khác khi cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu</p>	<p>: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua cổ phiếu, và thanh toán tiền mua cổ phiếu theo hướng dẫn của Công ty và tổ chức lưu ký chứng khoán.</p>
<p>- Thời gian dự kiến phát hành</p>	<p>: Dự kiến trong Quý 1 năm 2022 sau khi có chấp thuận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền</p>

2. Phương án phát hành cổ phiếu ESOP:

<p>- Tên cổ phiếu</p>	<p>: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.</p>
<p>- Loại cổ phần chào bán</p>	<p>: Cổ phần phổ thông.</p>
<p>- Mệnh giá cổ phần</p>	<p>: 10.000 đồng/cổ phần.</p>
<p>- Tổng số cổ phần đã phát hành</p>	<p>: 13.889.973 cổ phần.</p>

- Số lượng cổ phần dự kiến chào bán	: 500.000 cổ phần.
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá	: 5.000.000.000 đồng.
- Đối tượng phát hành	: Người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 01/12/2021 đã ký hợp đồng lao động với Công ty và còn hiệu lực. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty không được mua cổ phiếu theo chương trình này.
- Giá chào bán	: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.
- Tiêu chí phân phối	: Tiêu chí phân phối cổ phiếu cho người lao động được tính toán trên nguyên tắc công bằng.
- Phương thức phát hành	: Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên SCL theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)
- Phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua	: Số cổ phiếu phát hành thêm bán cho người lao động được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Đối với số cổ phiếu do người lao động từ chối mua và cổ phiếu lẻ do làm tròn. HĐQT quyết định phân phối theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá phát hành không thấp hơn giá phát hành theo Quy chế ESOP. Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phiếu còn dư vẫn chưa phân phối hết sẽ được coi như cổ phiếu chưa phát hành. HĐQT Công ty thực hiện đăng ký số vốn mới theo số vốn thực tế thu được sau các lần phân phối.
- Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	: Cổ phần chào bán cho người lao động theo chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành
- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu	: Cán bộ nhân viên đủ điều kiện đăng ký mua cổ phiếu và thanh toán tiền mua cổ phiếu theo hướng dẫn của Công ty.
- Thời gian dự kiến phát hành	: Dự kiến trong Quý 1 năm 2022 sau khi có chấp thuận của Cơ quan Nhà nước có

Điều 2. Thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán 1.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu và đợt phát hành ESOP 500.000 cổ phần cho người lao động là 20.000.000.000 đồng, dự kiến được bổ sung cho nguồn vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ thì Công ty sẽ xử lý theo hướng:

- Tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác theo giá phát hành phù hợp tại thời điểm phát hành nhưng không ưu đãi hơn so với cổ đông hiện hữu.

- Chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để bảo đảm huy động đủ nguồn vốn.

- Cân đối và sử dụng nguồn vốn huy động hiệu quả nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.

Điều 3. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài, chi tiết như sau:

Căn cứ theo quy định tại điểm đ, khoản 1 điều 139 Nghị định 155, Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.

Tính đến ngày 22/11/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0%, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nếu tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán, tỷ lệ sở hữu thực tế của nhà đầu tư nước ngoài có thay đổi theo chiều hướng có thể vi phạm quy định tỷ lệ sở hữu tối đa tại Công ty, khi đó nhà đầu tư nước ngoài sẽ không được tham gia mua cổ phần trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu. Công ty đảm bảo sẽ không phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua. Công ty cam kết thực hiện việc chào bán nhằm đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật

Điều 4. Thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án phát hành ESOP cho người lao động, bao gồm:

- 1) Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
- 2) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 cấp ngày 01/03/2019;
- 3) Bản cáo bạch;
- 4) Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 542/NQ-ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành (kèm theo Tờ trình Phương án);
- 5) Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triển khai phương án phát hành và thông qua hồ sơ phát hành;
- 6) Điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường;

- 7) Báo cáo tài chính năm 2019 và Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét; Báo cáo tài chính Quý 3/2021;
- 8) Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
- 9) Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng ký với Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt;
- 10) Văn bản cam kết triển khai đăng ký giao dịch bổ sung và cam kết tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- 11) Quy chế chương trình ESOP và
- 12) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 5. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện, hoàn thiện các thủ tục đăng ký phát hành với UBCKNN, đăng ký lưu ký, đăng ký giao dịch bổ sung theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 6. Hiệu lực và thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân và Bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Lưu TKPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Kiều Văn Mát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Chứng khoán năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 542/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 12 năm 2021 Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường số 85/BB-HĐQT ngày 26 tháng 02 năm 2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án chi tiết sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán như sau:

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ việc chào bán 1.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phát hành 500.000 cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động là 20.000.000.000 (hai mươi tỷ) đồng, được sử dụng để bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty, cụ thể:

1. **Mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất:** 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng

Chi tiết sử dụng vốn dự kiến theo hợp đồng:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Chứng từ kèm theo	Số tiền (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Thanh toán tiền cược vận chuyển theo hợp đồng số 252/2020/HĐVC/SCL-HT	Hóa đơn số 0010695 ngày 28/2/2022 và hóa đơn số 0010299 ngày 27/1/2022	7.798.971.000	Trong Quý II và Quý III năm 2022
2	Thanh toán tiền cược vận chuyển theo hợp đồng số 25/06/2021/HĐVC/SCL-TX	Hóa đơn số 0000050 ngày 26/2/2022	1.209.575.052	Trong Quý II và Quý III năm 2022



3	Thanh toán tiền mua tro xỉ theo hợp đồng số 05/HĐKT/SCL-ĐTL	Hóa đơn số 0001198 ngày 28/2/2022	838.677.996	Trong Quý II và Quý III năm 2022
4	Thanh toán tiền mua tro xỉ theo hợp đồng số 01/HĐKT/2022/SCL-TS	Hóa đơn số 0000021 ngày 28/2/2022	152.775.952	Trong Quý II và Quý III năm 2022
Tổng cộng:			10.000.000.000	

2. Trả nợ vay ngân hàng: dự kiến 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng

Chi tiết trả nợ vay:

STT	Số khế ước/HĐ cho vay	Số tiền trả nợ (đồng)	Thời gian dự kiến trả nợ
1	46182001226376	7.169.100.199	Tháng 7/2022
2	46182001223687	2.830.899.801	Tháng 7/2022
Tổng cộng:		10.000.000.000	

- Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để mua nguyên vật liệu và trả nợ vay ngân hàng trên nguyên tắc hợp đồng/khế ước nào đến hạn trước sẽ được thanh toán trước.

- Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, HĐQT sẽ chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác bao gồm nguồn vay các tổ chức tín dụng, vay vốn cổ đông... để bảo đảm huy động đủ nguồn vốn cho hoạt động của Công ty.

- Dựa trên tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị Công ty có thể linh hoạt điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động từ đợt chào bán; bổ sung, sửa đổi và xây dựng Phương án sử dụng vốn chi tiết nếu thấy cần thiết. Hội đồng quản trị sẽ báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất với những điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn.

Điều 2. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, chi tiết như sau:

- Căn cứ theo Công văn số 661/UBCK-PTTT ngày 14/02/2022 của UBCKNN, Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0%.

- Tính đến ngày 22/11/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0%, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nếu tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán, tỷ lệ sở hữu thực tế của nhà đầu tư nước ngoài có thay đổi theo chiều hướng có thể vi phạm quy định tỷ lệ sở hữu tối đa tại Công ty, khi đó nhà đầu tư nước ngoài chỉ được chuyển nhượng quyền mua và sẽ không được tham gia mua cổ phần trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu. Công ty đảm bảo sẽ không phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua.

- Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP"): Danh sách đối tượng là người lao động được mua cổ phiếu ESOP ban hành kèm theo Nghị quyết HĐQT số 566/NQ-HĐQT ngày 31/12/2021 không có

người lao động là người có quốc tịch nước ngoài. Do đó việc phát hành ESOP đã đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Tuy nhiên, trong trường hợp HĐQT thực hiện phân phối tiếp số cổ phiếu ESOP do người lao động từ chối mua và số cổ phiếu lẻ do làm tròn (nếu có) cho các đối tượng khác, khi đó HĐQT không thực hiện phân phối cho người lao động là người nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài.

- Công ty cam kết thực hiện việc phát hành cổ phiếu đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 3. Thông qua việc giao/ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty chuẩn bị các hồ sơ tài liệu và ký các giấy tờ có liên quan để báo cáo, giải trình tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và chỉ đạo các phòng ban, bộ phận có liên quan triển khai thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực và thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân và Bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)

Kiều Văn Mát

Số: 120/NQ-HĐQT

Hải Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2022

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Chứng khoán năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 542/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 12 năm 2021 Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường số 119/BB-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi một số nội dung trong các Nghị quyết Hội đồng quản trị đã ban hành, cụ thể:

1. Sửa đổi nội dung tại Điều 3, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 573/NQQ-HĐQT ngày 31/12/2021 như sau:
“ **Điều 3.** Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài, chi tiết như sau:
Căn cứ theo quy định tại điểm đ, khoản 1 điều 139 Nghị định 155, Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.
Tính đến ngày 22/11/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0,01%. Nếu tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán, tỷ lệ sở hữu thực tế của nhà đầu tư nước ngoài có thay đổi theo chiều hướng có thể vi phạm quy định tỷ lệ sở hữu tối đa tại Công ty, khi đó nhà đầu tư nước ngoài sẽ không được tham gia mua cổ phần trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu. Công ty đảm bảo sẽ không phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua. Công ty cam kết thực hiện việc chào bán nhằm đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật”
2. Sửa đổi nội dung tại Điều 2, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 86/NQQ-HĐQT ngày 26/02/2022 như sau:
“ **Điều 2.** Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, chi tiết như sau:

Căn cứ theo Công văn số 661/UBCK-PTTT ngày 14/02/2022 của UBCKNN, Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0%.

Tính đến ngày 22/11/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0,01%. Nếu tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán, tỷ lệ sở hữu thực tế của nhà đầu tư nước ngoài có thay đổi theo chiều hướng có thể vi phạm quy định tỷ lệ sở hữu tối đa tại Công ty, khi đó nhà đầu tư nước ngoài chỉ được chuyển nhượng quyền mua và sẽ không được tham gia mua cổ phần trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu. Công ty đảm bảo sẽ không phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua.

Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”): Danh sách đối tượng là người lao động được mua cổ phiếu ESOP ban hành kèm theo Nghị quyết HĐQT số 566/NQ-HĐQT ngày 31/12/2021 không có người lao động là người có quốc tịch nước ngoài. Do đó việc phát hành ESOP đã đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Tuy nhiên, trong trường hợp HĐQT thực hiện phân phối tiếp số cổ phiếu ESOP do người lao động từ chối mua và số cổ phiếu lẻ do làm tròn (nếu có) cho các đối tượng khác, khi đó HĐQT không thực hiện phân phối cho người lao động là người nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài.

Công ty cam kết thực hiện việc phát hành cổ phiếu đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về tỉ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài.”

Điều 2. Hiệu lực và thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân và Bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



A handwritten signature in black ink, appearing to read "Kiều Văn Mát".

Kiều Văn Mát

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
đã được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3-4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-32

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530, đăng ký lần đầu ngày 17/04/2007, đăng ký thay đổi lần 13 ngày 01/03/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Địa chỉ của Công ty tại Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là: 138.899.730.000 đồng (Một trăm ba mươi tám tỷ, tám trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT
Ông Kiều Văn Cường	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Ánh Hồng	Thành viên HĐQT

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm

Ông Đào Xuân Quỳnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Bùi Thị Vê	Thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Thư	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Công ty được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam chấp thuận được kiểm toán cho các đơn vị niêm yết, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

CHỨNG THỰC BAN CÁO ĐÓNG VỚI BAN CHÍNH
Số chứng thực: 875 Quyền số: C1 SCT/BS
Ngày: 19 -05- 2022
UBND - P. PHẢ LAI - TP. CHÍ LINH - T. HẢI DƯƠNG

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2021

T.M. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc


Vũ Văn Chiến


PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Nhân



Số : 243/BCKT/TC/NV5

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được lập ngày 20/02/2021 từ trang 07 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN VIỆT LONG

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0692-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

BÙI XUÂN NGUYỄN

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4029-2018-126-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		131.494.844.458	92.760.514.937
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	6.676.219.466	4.217.590.450
1. Tiền	111		6.676.219.466	4.217.590.450
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.312.968.026	70.584.579.599
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	88.013.371.712	57.360.254.293
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	632.395.000	803.807.648
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	18.723.557.679	18.476.874.023
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(6.056.356.365)	(6.056.356.365)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	14.667.886.045	14.702.591.805
1. Hàng tồn kho	141		14.667.886.045	14.702.591.805
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.837.770.921	3.255.753.083
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	964.792.489	439.481.854
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.825.954.533	2.810.947.297
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	47.023.899	5.323.932
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		163.467.589.754	164.995.377.416
II. Tài sản cố định	220		138.198.030.543	138.728.455.660
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	127.649.409.939	127.835.388.376
- Nguyên giá	222		239.205.613.120	222.853.885.226
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(111.556.203.181)	(95.018.496.850)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	10.548.620.604	10.893.067.284
- Nguyên giá	228		15.650.050.399	15.650.050.399
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(5.101.429.795)	(4.756.983.115)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		679.206.082	12.682.940.297
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	679.206.082	12.682.940.297
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	22.621.900.000	11.800.300.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.200.000.000	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.421.900.000	11.800.300.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.968.453.129	1.783.681.459
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.968.453.129	1.783.681.459
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		294.962.434.212	257.755.892.353

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		119.839.254.337	107.710.482.901
I. Nợ ngắn hạn	310		119.839.254.337	107.710.482.901
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	49.543.686.062	38.812.128.658
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		65.335.925	23.108.455
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	411.725.625	89.445.500
4. Phải trả người lao động	314		3.000.156.728	978.117.948
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	46.592.010	71.195.616
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	20.141.480.518	20.076.434.952
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	45.795.015.354	46.404.285.657
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		835.262.115	1.255.766.115
II. Nợ dài hạn	330			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		175.123.179.875	150.045.409.452
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	175.123.179.875	150.045.409.452
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		138.899.730.000	138.899.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.804.928.341	4.804.928.341
3. Cổ phiếu ngân quỹ	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.777.873.760	10.777.873.760
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		20.640.647.774	(4.437.122.649)
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.158.046.725)	-
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b		24.798.694.499	(4.437.122.649)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		294.962.434.212	257.755.892.353

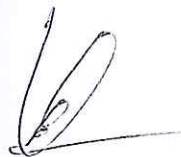
Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng



Trần Văn Hoan



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	289.743.459.351	175.251.712.075
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.020.000	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		289.742.439.351	175.251.712.075
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	107.761.814.241	68.815.599.078
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		181.980.625.110	106.436.112.997
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	270.013.134	131.773.079
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.147.110.085	3.024.012.157
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.081.555.296	2.932.096.540
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	157.268.374.973	95.739.308.048
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.885.849.811	6.712.044.075
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.949.303.375	1.092.521.796
11. Thu nhập khác	31	VI.7	17.786.549.202	59.200.012
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.331.901.124	5.337.915.159
13. Lợi nhuận khác	40		13.454.648.078	(5.278.715.147)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.403.951.453	(4.186.193.351)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.605.256.954	89.445.500
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		24.798.694.499	(4.275.638.851)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.17.5	1.785	(308)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.17.5	1.785	(308)

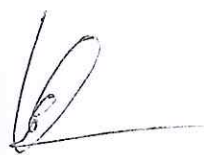
Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng



Trần Văn Hoan

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Chiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
Đơn vị tính: đồng			
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.403.951.453	(4.186.193.351)
2. Điều chỉnh cho các khoản		19.847.305.284	15.212.504.829
+ Khấu hao tài sản cố định	02	16.882.153.011	12.336.664.730
+ Các khoản dự phòng	03	-	(4.472.190)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(37.610.510)	14.555.137
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	(78.792.513)	(66.339.388)
+ Chi phí lãi vay	06	3.081.555.296	2.932.096.540
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	46.251.256.737	11.026.311.478
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(35.756.949.004)	(35.089.850.314)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	34.705.760	(1.121.455.944)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	10.770.166.771	28.946.184.012
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(710.082.305)	(457.053.389)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.106.158.902)	(2.909.619.403)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.193.531.329)	(161.483.798)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(420.504.000)	(1.163.953.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.868.903.728	(930.920.358)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	20		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.158.344.274)	(11.941.265.221)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.821.600.000)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	78.792.513	66.339.388
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.901.151.761)	(11.874.925.833)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	179.264.466.282	105.466.167.594
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(179.873.736.585)	(89.710.980.111)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(609.270.303)	15.755.187.483
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.358.481.664	2.949.341.292
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.217.590.450	1.267.325.829
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	100.147.352	923.329
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.676.219.466	4.217.590.450

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng



Trần Văn Hoan



Giám đốc

Vũ Văn Chiến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530, đăng ký lần đầu ngày 17/04/2007, đăng ký thay đổi lần 13 ngày 01/03/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Địa chỉ của Công ty tại Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là: 138.899.730.000 đồng (Một trăm ba mươi tám tỷ, tám trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất tro bay, gạch nhẹ và các chế phẩm từ ...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Gia công cơ khí phi tiêu chuẩn và kết cấu thép trong xây dựng; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Khai thác, sản xuất, kinh doanh phụ gia dùng cho công tác bê tông và xi măng (tro bay Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại); Sản xuất mua bán than hoạt tính, than tổ ong, dầu thông, dầu tuyền, dầu diezen, dầu FO; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, chi tiết: Đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành khai thác và kinh doanh điện của nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Tái chế phế liệu;

Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình giao thông; Xây dựng công trình công ích, chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, chi tiết: San lấp mặt bằng công trình; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn hàng thực phẩm, thực phẩm chế biến đóng gói; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: Bán buôn hàng điện tử, điện lạnh, đồ điện gia dụng; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn phụ tùng máy tuyền, máy sấy, phục vụ sản xuất cho công tác phụ gia bê tông và xi măng; Bán buôn máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Bán buôn than hoạt tính, than tổ ong, dầu thông, dầu tuyền, dầu diezen, dầu FO; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn hóa chất phục vụ sản xuất cho công tác phụ gia bê tông và xi măng, bán buôn phụ gia dùng cho bê tông và xi măng, vật liệu xây dựng;

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;

Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất phụ gia dùng cho công tác bê tông, xi

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố
Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

măng và vật liệu xây dựng; Tư vấn thiết kế chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghệ, xử lý môi trường, sản xuất vật liệu xây dựng;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty sản xuất và kinh doanh; Khai khoáng khác, chi tiết: Khai thác đất cao lanh, quặng sắt, quặng kim loại khác không chứa sắt, Khai thác đá, cát sỏi, đất sét.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) được xác định như sau:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- Trường hợp không xác định được lãi suất ngân hàng thương mại cho vay nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất Công ty có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng khế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

c. Đầu tư vào Công ty con; Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh

trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

5. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phân ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phân ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phân ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập

cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản

xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:
 - o Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
 - o Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
 - o Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo

kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

b. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
1 . Tiền và các khoản tương đương tiền				
Tiền mặt tại quỹ	849.018.000		287.298.259	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.827.201.466		3.930.292.191	
Cộng	6.676.219.466		4.217.590.450	
2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn				
a) Phải thu khách hàng	82.792.132.458		41.720.222.687	
Công ty TNHH Đầu tư và TM Hà Giang	-		300.000.000	
CMC/ITD/SONGDA JOINT VENTURE	390.951.405		27.846.728.670	
SINOHYDRO CORPORATION LIMITED	67.471.357.748		3.237.464.878	
Phải thu khách hàng khác	14.929.823.305		10.336.029.139	
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	5.221.239.254		15.640.031.606	
Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ	571.239.254		10.990.031.606	
Công ty CP Sông Đà 12	4.650.000.000		4.650.000.000	
Cộng	88.013.371.712		57.360.254.293	
3 . Trả trước người bán ngắn hạn				
a) Trả trước cho người bán	632.395.000	50.000.000	401.000.000	50.000.000
Công ty CP tư vấn XD Bắc Việt	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Viện khoa học công nghệ Xây Dựng	275.000.000	-	275.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	147.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	160.395.000	-	76.000.000	-
b) Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-	402.807.648	-
Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ	-	-	402.807.648	-
Cộng	632.395.000	50.000.000	803.807.648	50.000.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu khác	18.497.312.583	49.759.043	18.337.312.583	49.759.043
Phải thu tiền nghiên cứu đề tài Thạch cao	18.407.319.340	-	18.247.319.340	-
Khác	89.993.243	49.759.043	89.993.243	49.759.043
Tạm ứng	226.245.096	-	139.561.440	-
Cộng	18.723.557.679	49.759.043	18.476.874.023	49.759.043

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

5 . Hàng tồn kho	31/12/2020		01/01/2020		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	10.704.466.248	-	9.947.495.769	-	
Công cụ, dụng cụ	175.657.785	-	103.107.301	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	268.108.000	-	268.108.000	-	
Thành phẩm	2.244.908.863	-	4.364.619.585	-	
Hàng gửi đi bán	1.274.745.149	-	19.261.150	-	
Cộng	14.667.886.045	-	14.702.591.805	-	

6 . Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	474.885.624	287.040.281
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	239.251.958	152.441.573
Chi phí trả trước khác	250.654.907	-
Cộng	964.792.489	439.481.854

7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc	Phương tiện	Thiết bị DCQL	Cộng
		vật kiến trúc	thiết bị	vận tải	và TSCĐ khác	
	Nguyên giá TSCĐ					
	Số dư đầu kỳ	68.921.048.904	146.211.758.122	7.660.078.200	61.000.000	222.853.885.226
	Số tăng trong kỳ	-	14.962.636.985	1.389.090.909	-	16.351.727.894
	- Mua trong kỳ	-	900.000.000	1.389.090.909	-	2.289.090.909
	- XDCB hoàn thành	-	14.062.636.985	-	-	14.062.636.985
	Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
	Số dư cuối kỳ	68.921.048.904	161.174.395.107	9.049.169.109	61.000.000	239.205.613.120
	Giá trị hao mòn lũy kế					
	Số dư đầu kỳ	22.683.885.090	64.636.690.378	7.660.078.200	37.843.182	95.018.496.850
	Số tăng trong kỳ	3.532.885.981	12.982.393.922	14.002.933	8.423.495	16.537.706.331
	- Khấu hao trong kỳ	3.532.885.981	12.982.393.922	14.002.933	8.423.495	16.537.706.331
	Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
	Số dư cuối kỳ	26.216.771.071	77.619.084.300	7.674.081.133	46.266.677	111.556.203.181
	Giá trị còn lại					
	Tại ngày đầu kỳ	46.237.163.814	81.575.067.744	-	23.156.818	127.835.388.376
	Tại ngày cuối kỳ	42.704.277.833	83.555.310.807	1.375.087.976	14.733.323	127.649.409.939

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2020 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

17.804.755.039 đồng

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

8 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	6.734.031.852	8.916.018.547	15.650.050.399
Số dư cuối kỳ	6.734.031.852	8.916.018.547	15.650.050.399
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.487.478.338	3.269.504.777	4.756.983.115
Số tăng trong kỳ	164.680.632	179.766.048	344.446.680
- Khấu hao trong kỳ	164.680.632	179.766.048	344.446.680
Số cuối kỳ	1.652.158.970	3.449.270.825	5.101.429.795
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	5.246.553.514	5.646.513.770	10.893.067.284
Tại ngày cuối kỳ	5.081.872.882	5.466.747.722	10.548.620.604

9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
XDCB dở dang 2 lò sấy 5 + 6 mở rộng tại xưởng sấy NMG	-	3.556.415.726
XDCB dở dang si lô tại cảng Xuân Hải - Hà Tĩnh	-	9.126.524.571
XDCB dở dang khác	679.206.082	-
Cộng	679.206.082	12.682.940.297

10 . Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.200.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân (1)	1.200.000.000	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	21.421.900.000	-	11.800.300.000	-
- Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ (2)	20.621.600.000	-	11.000.000.000	-
- Quỹ tín dụng Phả Lại	800.300.000	-	800.300.000	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	22.621.900.000	-	11.800.300.000	-

(1) Theo Nghị quyết 329/NQ-HDQT ngày 7/11/2020 của Hội đồng quản trị Công ty góp 1.200.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân. Tại thời điểm 31/12/2020 vốn góp của Công ty là 1.200.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu 40%.

(2) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty góp thêm 9.621.600.000 đồng vào Công ty Cổ phần Thạch Cao Đình Vũ. Tại thời điểm 31/12/2020 vốn góp của Công ty là 20.621.600.000 đồng tương ứng 18,75%.

- Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí trả trước dài hạn nhà máy gạch	189.985.326	490.403.602
Tiền thuê đất	1.142.647.000	1.214.325.324
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	635.820.803	78.952.533
Cộng	1.968.453.129	1.783.681.459

12 . Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	49.543.686.062	49.543.686.062	38.812.128.658	38.812.128.658
Công ty Cổ phần Vạn Thiên An	167.372.007	167.372.007	38.513.211	38.513.211
Công ty Cổ phần Bắc Sơn	635.300.570	635.300.570	635.300.570	635.300.570
Công ty CP Công nghệ Môi Trường Xanh MHB	-	-	1.588.966.650	1.588.966.650
Công ty TNHH Cơ khí Tuấn Mạnh	185.471.830	185.471.830	185.471.830	185.471.830
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng SBG	328.754.088	328.754.088	328.754.088	328.754.088
Công ty TNHH TM DV Hằng Dương	2.903.462.400	2.903.462.400	1.382.002.400	1.382.002.400
Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại	1.169.314.797	1.169.314.797	1.848.715.097	1.848.715.097
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tiếp	8.742.011.670	8.742.011.670	12.369.977.160	12.369.977.160
Công ty TNHH Trường An	7.205.026.400	7.205.026.400	4.796.084.000	4.796.084.000
Công ty TNHH Trịnh Xuân	7.836.924.690	7.836.924.690	1.681.343.180	1.681.343.180
Phải trả người bán ngắn hạn khác	20.370.047.610	20.370.047.610	13.957.000.472	13.957.000.472
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	49.543.686.062	49.543.686.062	38.812.128.658	38.812.128.658

13 . Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	01/01/2020		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	31/12/2020	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	-	4.814.879.705	4.814.879.705	-	-
Thuế TNDN	-	89.445.500	1.515.811.454	1.193.531.329	-	411.725.625
Thuế TNCN	5.323.932	-	288.695.053	292.758.052	9.386.931	-
Thuế đất	-	-	412.881.118	422.371.460	9.490.342	-
Thuế khác	-	-	3.000.000	31.146.626	28.146.626	-
Cộng	5.323.932	89.445.500	7.035.267.330	6.754.687.172	47.023.899	411.725.625

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí lãi vay phải trả	46.592.010	71.195.616
Cộng	46.592.010	71.195.616

15 . Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	265.474.725	564.664.024
Phải trả về cổ tức	1.205.470.928	1.214.770.928
Nhận hỗ trợ đề tài nghiên cứu khoa học dự án Thạch Cao	18.252.375.500	18.270.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	418.159.365	27.000.000
Cộng	20.141.480.518	20.076.434.952

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

16 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	01/01/2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2020
Vay ngắn hạn	46.404.285.657	179.264.466.282	179.873.736.585	45.795.015.354
BIDV - CN Bắc Hải Dương (1)	46.404.285.657	179.264.466.282	179.873.736.585	45.795.015.354
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Số có khả năng trả nợ	46.404.285.657			45.795.015.354
Vay ngắn hạn, vay dài hạn đến hạn trả	46.404.285.657			45.795.015.354

(1) Khoản tiền vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 01/2019/1605829/HĐTD ngày 05/06/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương và Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường. Tổng số tiền vay: 70.000.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết. Biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các hợp đồng đảm bảo được ký kết giữa 2 bên.

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/1605829/HĐTD ngày 12/06/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương và Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường. Tổng số tiền vay: 80.000.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết đến hết ngày 10/06/2021. Biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các hợp đồng đảm bảo được ký kết giữa 2 bên.

17 . Vốn chủ sở hữu

17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại Phụ lục số 01)

17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2020	01/01/2020
Tổ chức và cá nhân	138.899.730.000	138.899.730.000
Cộng	138.899.730.000	138.899.730.000

17.3. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	138.899.730.000	138.899.730.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	138.899.730.000	138.899.730.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.4. Cổ phiếu	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.889.973	13.889.973
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	13.889.973	13.889.973
- Cổ phiếu phổ thông	13.889.973	13.889.973
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.889.973	13.889.973
- Cổ phiếu phổ thông	13.889.973	13.889.973
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

17.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.798.694.499	(4.275.638.851)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.798.694.499	(4.275.638.851)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.889.973	13.889.973
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.785	(308)
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.785	(308)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	289.743.459.351	175.251.712.075
Cộng	289.743.459.351	175.251.712.075

2 . Giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	107.761.814.241	68.815.599.078
Cộng	107.761.814.241	68.815.599.078

3 . Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi

- Cổ tức từ khoản đầu tư Quý TDND Phả Lại

- Lãi chênh lệch tỷ giá

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	14.792.513	5.617.888
	64.000.000	60.721.500
	191.220.621	65.433.691
Cộng	270.013.134	131.773.079

4 . Chi phí tài chính

- Lỗ chênh lệch tỷ giá

- Lãi tiền vay

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	65.554.789	91.915.617
	3.081.555.296	2.932.096.540
Cộng	3.147.110.085	3.024.012.157

5 . Chi phí bán hàng

- Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

- Chi phí nhân công

- Chi phí khấu hao TSCĐ

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	330.806.024	727.165.613
	2.320.654.549	1.600.811.809
	2.962.107.618	67.152.925
	151.123.438.843	92.815.149.228
	531.367.939	529.028.473
Cộng	157.268.374.973	95.739.308.048

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

6 . Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân công	3.673.159.957	3.071.010.232
- Chi phí nguyên vật liệu quản lý	400.140.074	424.055.664
- Chi phí KHTSCĐ	253.480.170	223.132.440
- Thuế, phí và lệ phí	244.688.508	534.336.945
- Trích lập, hoàn nhập dự phòng	-	(4.472.190)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.054.998	198.110.254
- Chi phí bằng tiền khác	4.059.326.104	2.265.870.730
Cộng	8.885.849.811	6.712.044.075
7 . Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Nhận tiền hỗ trợ Covid 19 (*)	17.444.240.082	-
- Thu nhập từ tận thu nguyên vật liệu, thành phẩm sau sản xuất	342.309.120	52.000.000
- Thu nhập khác	-	7.200.012
Cộng	17.786.549.202	59.200.012
(*) Công ty được nhận tiền hỗ trợ dịch bệnh Covid 19 từ khách hàng Sinohydro Corporation Limited. Các lô hàng được giao từ thời điểm 01/04/2020 sẽ được hỗ trợ 6 USD/ 1 tấn.		
8 . Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khấu hao TSCĐ, phần bỏ CCDC không phục vụ sản xuất kinh doanh	4.331.901.124	5.026.414.694
- Các khoản phạt	-	311.500.465
Cộng	4.331.901.124	5.337.915.159
9 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	17.314.645.641	12.738.558.436
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.557.779.074	38.663.721.489
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.491.680.739	6.859.081.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	159.269.126.978	102.827.082.429
Chi phí khác bằng tiền	7.354.687.163	2.873.939.874
Cộng	243.987.919.595	163.962.383.654

10 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận trước thuế	26.403.951.453	(4.186.193.351)
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	4.530.158.981	5.223.414.694
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.631.769.491	5.223.414.694
+ <i>Khấu hao TSCĐ do ngừng hoạt động và vượt định mức</i>	4.331.901.124	5.026.414.694
+ <i>Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách</i>	183.000.000	197.000.000
+ <i>Chi phí không được trừ khác</i>	116.868.367	532.367.519
- Các khoản điều chỉnh giảm	101.610.510	-
+ <i>Lãi chênh lệch tỷ giá</i>	37.610.510	-
+ <i>Lãi chia cổ tức</i>	64.000.000	-
c. Thu nhập chịu thuế	30.934.110.434	1.037.221.343
d. Chuyển lỗ, bù trừ lãi lỗ	(1.012.781.593)	-
c. Thu nhập tính thuế TNDN	29.921.328.841	1.037.221.343
c1. <i>Thu nhập áp dụng thuế suất phổ thông</i>	727.936.744	-
c2. <i>Thu nhập áp dụng thuế suất ưu đãi (10% x 50%)</i>	29.193.392.097	-
d. Thuế TNDN được miễn giảm (c2 x 10% x 50%)	1.459.669.605	89.445.500
e. Thuế TNDN theo thuế phổ thông	145.587.349	-
d. Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	<u>1.605.256.954</u>	<u>89.445.500</u>

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

3 . Thông tin về các bên liên quan

3.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ	Góp vốn kinh doanh
Công ty Cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân	Góp vốn kinh doanh
Quỹ tín dụng Phả Lại	Góp vốn kinh doanh

3.2 Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

1. Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường

Phải thu tiền bán tro bay	15.284.500.000
Thu tiền bán tro bay	15.284.500.000

2. Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ

Thu lại tiền tạm ứng	1.200.000.000
Bù trừ công nợ phải thu phải trả với Đình Vũ	797.192.352
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ	9.621.600.000

3. Công ty Cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân

Góp vốn	1.200.000.000
---------	---------------

4. Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ

Nhận lãi cổ tức	64.000.000
-----------------	------------

3.3 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong kỳ kế toán:

TT	Bộ phận	Thu nhập
1	Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	252.000.000
2	Ban Tổng giám đốc	1.496.097.230
Cộng		1.748.097.230

4. Công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	6.676.219.466	-	4.217.590.450	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.736.929.391	(6.056.356.365)	75.837.128.316	(6.056.356.365)
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Cộng	113.413.148.857	(6.056.356.365)	80.054.718.766	(6.056.356.365)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	69.685.166.580	58.888.563.610
Chi phí phải trả	46.592.010	71.195.616
Các khoản vay	45.795.015.354	46.404.285.657
Cộng	115.526.773.944	105.364.044.883

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2020

- Ngoài trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ (31/12/2020)			
Các khoản vay	45.795.015.354	-	45.795.015.354
Phải trả người bán	49.543.686.062	-	49.543.686.062
Chi phí phải trả	46.592.010	-	46.592.010
Phải trả khác	20.141.480.518	-	20.141.480.518
Số đầu kỳ (01/01/2020)			
Các khoản vay	46.404.285.657	-	46.404.285.657
Phải trả người bán	38.812.128.658	-	38.812.128.658
Chi phí phải trả	71.195.616	-	71.195.616
Phải trả khác	20.076.434.952	-	20.076.434.952

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

5 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

6 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

7 . Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được Tổng Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 20/02/2021.

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng

Trần Văn Hoan

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2021



Tổng Giám đốc

Vũ Văn Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2019	138.899.730.000	4.804.928.341		30.238.558.366	(19.460.684.606)	154.482.532.101
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	(4.275.638.851)	(4.275.638.851)
Tăng khác	-	-	-	-	19.460.684.606	19.460.684.606
Giảm khác	-	-	-	(19.460.684.606)	(161.483.798)	(19.622.168.404)
Số dư tại 31/12/2019	138.899.730.000	4.804.928.341	-	10.777.873.760	(4.437.122.649)	150.045.409.452
Số dư tại 01/01/2020	138.899.730.000	4.804.928.341	-	10.777.873.760	(4.437.122.649)	150.045.409.452
Tăng vốn trong kỳ		-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	24.798.694.499	24.798.694.499
Tăng từ quỹ ĐTPT chuyển sang	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	279.075.924	279.075.924
Số dư tại 31/12/2020	138.899.730.000	4.804.928.341	-	10.777.873.760	20.640.647.774	175.123.179.875

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
đã được kiểm toán

4/21
CỔ
CỔ
SỔ
40
4/21

4/21
4/21

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3-4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-34

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530, đăng ký lần đầu ngày 17/04/2007, đăng ký thay đổi lần 13 ngày 01/03/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Địa chỉ của Công ty tại Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là: 138.899.730.000 đồng (Một trăm ba mươi tám tỷ, tám trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT
Ông Kiều Văn Cường	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Ánh Hồng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Lực	Thư ký

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm

Ông Đào Xuân Quỳnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Bùi Thị Vê	Thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng bao gồm

Ông Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Thư	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kiều Văn Vọng	Cố vấn Công ty
Ông Trần Văn Hoan	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Công ty được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam chấp thuận được kiểm toán cho các đơn vị niêm yết, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

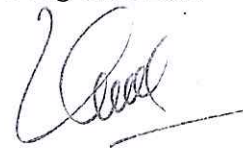
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Vũ Văn Chiến



Số: 137/BCKT/TC/NV5

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được lập ngày 19/01/2022 từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN VIỆT LONG

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0692-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2022

BÙI XUÂN NGUYỄN

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4029-2018-126-1

CHỮ THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực... 02... Quyền số... 01... SCT/BS
Ngày: 19 -05- 2022
UBND - P. PHẢ LẠI - TP. CHÍ LINH - T. HẢI DƯƠNG



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Nhân

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		127.519.098.980	131.494.844.458
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	14.657.994.999	6.676.219.466
1. Tiền	111		14.657.994.999	6.676.219.466
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.459.461.166	101.312.968.026
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	57.472.198.588	88.013.371.712
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	6.328.447.427	632.395.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	18.715.171.516	18.723.557.679
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(6.056.356.365)	(6.056.356.365)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	20.217.675.986	14.667.886.045
1. Hàng tồn kho	141		20.217.675.986	14.667.886.045
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.183.966.829	8.837.770.921
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			964.792.489
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.183.966.829	7.825.954.533
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			47.023.899
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		157.291.923.835	163.467.589.754
II. Tài sản cố định	220		128.477.412.174	138.198.030.543
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	118.273.238.250	127.649.409.939
- Nguyên giá	222		247.061.496.561	239.205.613.120
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(128.788.258.311)	(111.556.203.181)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	10.204.173.924	10.548.620.604
- Nguyên giá	228		15.650.050.399	15.650.050.399
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(5.445.876.475)	(5.101.429.795)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.808.536.191	679.206.082
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	2.808.536.191	679.206.082
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	23.191.900.000	22.621.900.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.200.000.000	1.200.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.991.900.000	21.421.900.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.814.075.470	1.968.453.129
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.814.075.470	1.968.453.129
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		284.811.022.815	294.962.434.212

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2021	01/01/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		107.318.934.785	119.839.254.337
I. Nợ ngắn hạn	310		107.318.934.785	119.839.254.337
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	38.286.950.417	49.543.686.062
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		316.348.810	65.335.925
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	604.620.831	411.725.625
4. Phải trả người lao động	314		3.310.925.376	3.000.156.728
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	31.023.987	46.592.010
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	19.959.902.788	20.141.480.518
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	41.177.292.461	45.795.015.354
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.631.870.115	835.262.115
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		177.492.088.030	175.123.179.875
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	177.492.088.030	175.123.179.875
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		138.899.730.000	138.899.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.804.928.341	4.804.928.341
3. Cổ phiếu ngân quỹ	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.809.905.760	10.777.873.760
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		21.977.523.929	20.640.647.774
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.590.514.774	(4.158.046.725)
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b		20.387.009.155	24.798.694.499
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		284.811.022.815	294.962.434.212

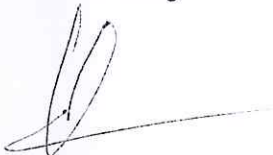
Hải Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng



Trần Văn Hoan

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Chiến

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	310.888.052.380	289.743.459.351
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.020.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		310.888.052.380	289.742.439.351
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	155.721.779.635	107.761.814.241
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		155.166.272.745	181.980.625.110
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	482.208.434	270.013.134
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.625.280.586	3.147.110.085
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.188.890.866	3.081.555.296
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	138.409.192.441	157.268.374.973
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.300.887.434	8.885.849.811
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.313.120.718	12.949.303.375
11. Thu nhập khác	31	VI.7	20.373.317.242	17.786.549.202
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.615.880.675	4.331.901.124
13. Lợi nhuận khác	40		18.757.436.567	13.454.648.078
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.070.557.285	26.403.951.453
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.683.548.130	1.605.256.954
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		20.387.009.155	24.798.694.499
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.16.5	1.468	1.487
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.16.5	1.180	1.487

Hải Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng



Trần Văn Hoan

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Chiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2021

Đơn vị tính: đồng
Năm trước

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.070.557.285	26.403.951.453
2. Điều chỉnh cho các khoản		20.224.450.708	19.847.305.284
+ Khấu hao tài sản cố định	02	18.033.718.989	16.882.153.011
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(26.907.145)	(37.610.510)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	28.747.998	(78.792.513)
+ Chi phí lãi vay	06	2.188.890.866	3.081.555.296
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.295.007.993	46.251.256.737
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	16.542.518.463	(35.756.949.004)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(5.549.789.941)	34.705.760
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(15.244.324.376)	10.770.166.771
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	119.170.148	(710.082.305)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.204.458.889)	(3.106.158.902)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.539.872.250)	(1.193.531.329)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.341.520.000)	(420.504.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	33.076.731.148	15.868.903.728
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	20		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.549.818.255)	(2.158.344.274)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12.130.000	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23	(570.000.000)	(10.821.600.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24	-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	68.388.388	78.792.513
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.039.299.867)	(12.901.151.761)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	259.874.920.183	179.264.466.282
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(264.492.643.076)	(179.873.736.585)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.464.840.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.082.562.893)	(609.270.303)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	7.954.868.388	2.358.481.664
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.676.219.466	4.217.590.450
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	26.907.145	100.147.352
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.657.994.999	6.676.219.466

Hải Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng



Trần Văn Hoàn

Giám đốc



Vũ Văn Chiến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530, đăng ký lần đầu ngày 17/04/2007, đăng ký thay đổi lần 13 ngày 01/03/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Địa chỉ của Công ty tại Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là: 138.899.730.000 đồng (Một trăm ba mươi tám tỷ, tám trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất tro bay, gạch nhẹ và các chế phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Gia công cơ khí phi tiêu chuẩn và kết cấu thép trong xây dựng; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Khai thác, sản xuất, kinh doanh phụ gia dùng cho công tác bê tông và xi măng (tro bay Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại); Sản xuất mua bán than hoạt tính, than tổ ong, dầu thông, dầu tuyền, dầu diezen, dầu FO; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, chi tiết: Đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành khai thác và kinh doanh điện của nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Tái chế phế liệu;

Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình giao thông; Xây dựng công trình công ích, chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, chi tiết: San lấp mặt bằng công trình; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn hàng thực phẩm, thực phẩm chế biến đóng gói; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: Bán buôn hàng điện tử, điện lạnh, đồ điện gia dụng; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn phụ tùng máy tuyền, máy sấy, phục vụ sản xuất cho công tác phụ gia bê tông và xi măng; Bán buôn máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Bán buôn than hoạt tính, than tổ ong, dầu thông, dầu tuyền, dầu diezen, dầu FO; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn hóa chất phục vụ sản xuất cho công tác phụ gia bê tông và xi măng, bán buôn phụ gia dùng cho bê tông và xi măng, vật liệu xây dựng;

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;

Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng và chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất phụ gia dùng cho công tác bê tông, xi

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phá Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

măng và vật liệu xây dựng; Tư vấn thiết kế chuyên giao công nghệ các dây chuyền công nghệ, xử lý môi trường, sản xuất vật liệu xây dựng;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty sản xuất và kinh doanh; Khai khoáng khác, chi tiết: Khai thác đất cao lanh, quặng sắt, quặng kim loại khác không chứa sắt, Khai thác đá, cát sỏi, đất sét.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính được đặt tại Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phá Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Số lượng cán bộ nhân viên tại 01/01/2021 là 144 người, tại 31/12/2021 là 166 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;

- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) được xác định như sau:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- Trường hợp không xác định được lãi suất ngân hàng thương mại cho vay nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất Công ty có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng khế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

c. Đầu tư vào Công ty con; Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

5. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Số năm trích khấu hao của các loại TSCĐHHH như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Nhà cửa, vật kiến trúc:	05-30 năm	Máy móc thiết bị:	05-25 năm
Phương tiện vận tải:	06-08 năm	Dụng cụ quản lý:	05-07 năm

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm:
Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- o Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- o Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Theo Công văn số 2660/CV-TTHT ngày 31/12/2007 của Cục thuế tỉnh Hải Dương về việc trả lời chính sách thuế thì "Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Cao Cường mới được thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo; được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động". Năm 2017 Công ty được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp. Công ty được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 01/2014/DNKHCN ngày 15/8/2014 (cho các sản phẩm Tro bay ẩm, Tro bay khô, Than qua tuyển) nên Công ty hưởng ưu đãi thuế theo các quy định hiện hành với thuế suất 10% và giảm 50%.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

b. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố
Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2021

ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
1 . Tiền và các khoản tương đương tiền				
Tiền mặt tại quỹ	2.083.600.000		849.018.000	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.574.394.999		5.827.201.466	
Cộng	14.657.994.999		6.676.219.466	
2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn				
a) Phải thu khách hàng	52.822.198.588		82.792.132.458	
Công ty TNHH Trọng Phóng	4.594.913.515		3.394.246.700	
CMC/ITD/SONGDA JOINT VENTURE	377.622.000		390.951.405	
SINOHYDRO CORPORATION LIMITED	11.084.109.725		67.471.357.748	
CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C	17.597.778.560		-	
PHILCEMENT CORPORATION	7.966.633.500		-	
Công ty cổ phần Vạn Thiên An	378.169.000		4.443.814.640	
Phải thu khách hàng khác	10.822.972.288		7.091.761.965	
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	4.650.000.000		5.221.239.254	
Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ	-		571.239.254	
Công ty CP Sông Đà 12	4.650.000.000		4.650.000.000	
Cộng	57.472.198.588		88.013.371.712	
3 . Trả trước người bán ngắn hạn				
a) Trả trước cho người bán	6.328.447.427	50.000.000	632.395.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bắc Việt	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	147.000.000	-	147.000.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Quốc tế LS	1.956.900.000	-	-	-
Công ty TNHH Công nghệ HIKARI	1.131.900.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy cơ khí Nông nghiệp Tây Đô	1.000.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	2.042.647.427	-	435.395.000	-
b) Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	6.328.447.427	50.000.000	632.395.000	50.000.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu khác	18.497.312.583	49.759.043	18.497.312.583	49.759.043
Phải thu tiền nghiên cứu đề tài Thạch cao	18.407.319.340	-	18.407.319.340	-
Khác	89.993.243	49.759.043	89.993.243	49.759.043
Tạm ứng	217.858.933	-	226.245.096	-
Cộng	18.715.171.516	49.759.043	18.723.557.679	49.759.043

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.926.236.050	-	10.704.466.248	-
Công cụ, dụng cụ	114.444.298	-	175.657.785	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.956.449.764	-	268.108.000	-
Thành phẩm	3.162.045.874	-	2.244.908.863	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.274.745.149	-
Cộng	20.217.675.986	-	14.667.886.045	-

6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL và TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	68.921.048.904	161.174.395.107	9.049.169.109	61.000.000	239.205.613.120
Số tăng trong kỳ	-	8.413.454.619	-	-	8.413.454.619
- Mua trong kỳ	-	2.302.909.091	-	-	2.302.909.091
- XDCB hoàn thành		6.110.545.528			6.110.545.528
Số giảm trong kỳ	137.116.633	390.454.545	-	30.000.000	557.571.178
- Thanh lý, nhượng bán	137.116.633	390.454.545		30.000.000	557.571.178
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	68.783.932.271	169.197.395.181	9.049.169.109	31.000.000	247.061.496.561
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	26.216.771.071	77.619.084.300	7.674.081.133	46.266.677	111.556.203.181
Số tăng trong kỳ	3.482.061.122	14.027.374.819	173.636.364	6.200.004	17.689.272.309
- Khấu hao trong kỳ	3.482.061.122	14.027.374.819	173.636.364	6.200.004	17.689.272.309
Số giảm trong kỳ	48.889.650	378.327.529	-	30.000.000	457.217.179
- Thanh lý, nhượng bán	48.889.650	378.327.529	-	30.000.000	457.217.179
Số dư cuối kỳ	29.649.942.543	91.268.131.590	7.847.717.497	22.466.681	128.788.258.311
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	42.704.277.833	83.555.310.807	1.375.087.976	14.733.323	127.649.409.939
Tại ngày cuối kỳ	39.133.989.728	77.929.263.591	1.201.451.612	8.533.319	118.273.238.250

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2021 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

21.726.636.265 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	6.734.031.852	8.916.018.547	15.650.050.399
Số dư cuối kỳ	6.734.031.852	8.916.018.547	15.650.050.399
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.652.158.970	3.449.270.825	5.101.429.795
Số tăng trong kỳ	164.680.632	179.766.048	344.446.680
- Khấu hao trong kỳ	164.680.632	179.766.048	344.446.680
Số cuối kỳ	1.816.839.602	3.629.036.873	5.445.876.475
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	5.081.872.882	5.466.747.722	10.548.620.604
Tại ngày cuối kỳ	4.917.192.250	5.286.981.674	10.204.173.924

8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
Xây dựng cơ bản dở dang NM gạch AAC	150.689.354	-
Chi phí GC bán mái kho chứa TP, cầu trục đóng bao silo trung gian lò 5+6, XDCB tường bao quanh kho TP NM Gạch AAC	1.829.066.751	-
Chi phí XDCB DD vớt bột xi ăm tại NMNĐ Mông Dương	333.076.238	172.643.759
Cải tạo, sửa chữa, mở rộng, lắp đặt thiết bị NM vữa	-	112.462.068
Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị NM gạch	-	372.974.729
XDCBDD nhà để xe văn phòng tại trụ sở Công ty.	-	21.125.526
Nền móng cầu Cảng Phả Lại	426.292.619	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	69.411.229	-
Cộng	2.808.536.191	679.206.082

9 . Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân (1)	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	21.991.900.000	-	21.421.900.000	-
- Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ (2)	21.191.600.000	-	20.621.600.000	-
- Quỹ tín dụng Phả Lại	800.300.000	-	800.300.000	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	23.191.900.000	-	22.621.900.000	-

(1) Theo Nghị quyết 329/NQ-HDQT ngày 7/11/2020 của Hội đồng quản trị Công ty góp 1.200.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân. Tại thời điểm 31/12/2021 vốn góp của Công ty là 1.200.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu 40%.

(2) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm Công ty góp thêm 570.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Thạch Cao Đình Vũ. Tại thời điểm 31/12/2021 vốn góp của Công ty là 21.191.600.000 đồng tương ứng 16,38%.

- Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí trả trước dài hạn nhà máy gạch	1.588.360.414	189.985.326
Tiền thuê đất	1.108.550.000	1.142.647.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	117.165.056	635.820.803
Cộng	2.814.075.470	1.968.453.129

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11 . Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	37.086.015.567	37.086.015.567	49.543.686.062	49.543.686.062
Công ty Cổ phần Vạn Thiên An	-	-	167.372.007	167.372.007
Công ty Cổ phần Bắc Sơn	635.300.570	635.300.570	635.300.570	635.300.570
Công ty TNHH Cơ khí Tuấn Mạnh	185.471.830	185.471.830	185.471.830	185.471.830
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng SBG	328.754.088	328.754.088	328.754.088	328.754.088
Công ty TNHH TM DV Hằng Dương	-	-	2.903.462.400	2.903.462.400
Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại	174.219.678	174.219.678	1.169.314.797	1.169.314.797
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tiếp	17.707.393.825	17.707.393.825	8.742.011.670	8.742.011.670
Công ty TNHH Trường An	-	-	7.205.026.400	7.205.026.400
Công ty TNHH Trịnh Xuân	2.852.228.380	2.852.228.380	7.836.924.690	7.836.924.690
Phải trả người bán ngắn hạn khác	15.202.647.196	15.202.647.196	20.370.047.610	20.370.047.610
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	1.200.934.850	1.200.934.850	-	-
Công ty Cổ phần CN Dịch vụ Cao Cường	1.200.934.850	1.200.934.850	-	-
Cộng	38.286.950.417	38.286.950.417	49.543.686.062	49.543.686.062

12 . Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2021		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	31/12/2021	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	-	6.950.026.293	6.950.026.293	-	-
Thuế TNDN	-	411.725.625	2.688.546.784	2.539.872.250	-	560.400.159
Thuế TNCN	9.386.931	-	710.614.395	657.006.792	-	44.220.672
Thuế đất	9.490.342	-	190.540.342	181.050.000	-	-
Thuế khác	28.146.626	-	31.146.626	3.000.000	-	-
Cộng	47.023.899	411.725.625	10.570.874.440	10.330.955.335	-	604.620.831

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí lãi vay phải trả	31.023.987	46.592.010
Cộng	31.023.987	46.592.010

14 . Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	76.923.360	265.474.725
Phải trả về cổ tức	1.630.603.928	1.205.470.928
Nhận hỗ trợ đề tài nghiên cứu khoa học dự án Thạch Cao	18.252.375.500	18.252.375.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	418.159.365
Cộng	19.959.902.788	20.141.480.518

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

15 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021
Vay ngắn hạn	45.795.015.354	259.874.920.183	264.492.643.076	41.177.292.461
BIDV - CN Bắc Hải Dương (1)	45.795.015.354	259.874.920.183	264.492.643.076	41.177.292.461
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Số có khả năng trả nợ	45.795.015.354			41.177.292.461
Vay ngắn hạn, vay dài hạn đến hạn trả	45.795.015.354			41.177.292.461

(1) Khoản tiền vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương theo hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 01/2021/1605829/HĐTD ngày 23/06/2021 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương và Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường. Tổng số tiền vay: 80.000.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết đến hết ngày 21/06/2022. Biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các hợp đồng đảm bảo được ký kết giữa 2 bên.

16 . Vốn chủ sở hữu

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại Phụ lục số 01)

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
Tổ chức và cá nhân	138.899.730.000	138.899.730.000
Cộng	138.899.730.000	138.899.730.000

16.3. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	138.899.730.000	138.899.730.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	138.899.730.000	138.899.730.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.464.840.000	

16.4. Cổ phiếu

	31/12/2021	1/1/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.889.973	13.889.973
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	13.889.973	13.889.973
- Cổ phiếu phổ thông	13.889.973	13.889.973
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.889.973	13.889.973
- Cổ phiếu phổ thông	13.889.973	13.889.973
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNGĐịa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại,
thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2021**16.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.387.009.155	24.798.694.499
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(4.138.128.000)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	4.138.128.000
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.387.009.155	20.660.566.499
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.889.973	13.889.973
- Cổ phiếu dự kiến phát hành	3.388.997	
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.468	1.487
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.180	1.487

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

	Năm nay	Năm trước
1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	310.888.052.380	289.743.459.351
Cộng	310.888.052.380	289.743.459.351
2 . Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	155.721.779.635	107.761.814.241
Cộng	155.721.779.635	107.761.814.241
3 . Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi	8.912.388	14.792.513
- Cổ tức từ khoản đầu tư Quỹ TDND Phả Lại	59.476.000	64.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	413.820.046	191.220.621
Cộng	482.208.434	270.013.134
4 . Chi phí tài chính		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	436.389.720	65.554.789
- Lãi tiền vay	2.188.890.866	3.081.555.296
Cộng	2.625.280.586	3.147.110.085
5 . Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	3.426.977.049	330.806.024
- Chi phí nhân công	1.814.436.847	2.320.654.549
- Chi phí khấu hao TSCĐ	201.392.249	2.962.107.618
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.828.452.095	151.123.438.843
- Chi phí bằng tiền khác	137.934.201	531.367.939
Cộng	138.409.192.441	157.268.374.973

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNGĐịa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại,
thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2021

6 . Chi phí quản lý doanh nghiệp		Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân công		5.241.551.837	3.673.159.957
- Chi phí nguyên vật liệu quản lý		646.197.608	400.140.074
- Chi phí KHTSCĐ		424.726.582	253.480.170
- Thuế, phí và lệ phí		263.764.064	244.688.508
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		272.770.814	255.054.998
- Chi phí bằng tiền khác		3.451.876.529	4.059.326.104
Cộng		10.300.887.434	8.885.849.811
7 . Thu nhập khác		Năm nay	Năm trước
- Nhận tiền hỗ trợ Covid 19 (*)		19.183.961.729	17.444.240.082
- Thu nhập tiền thưởng vượt chỉ tiêu giao hàng		785.446.446	342.309.120
- Thu từ thanh lý TSCĐ		12.130.000	-
- Thu nhập khác		391.779.067	-
Cộng		20.373.317.242	17.786.549.202
(*) Công ty được nhận tiền hỗ trợ dịch bệnh Covid 19 từ khách hàng Sinohydro Corporation Limited. Các lô hàng được giao từ thời điểm 01/04/2020 sẽ được hỗ trợ 6 USD/ 1 tấn. Từ tháng 11/2021, các lô hàng được hỗ trợ 3 USD/1 tấn.			
8 . Chi phí khác		Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		100.353.999	100.353.999
- Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ CCDC không phục vụ sản xuất kinh doanh		1.149.735.715	1.106.228.947
- Chi phí khác		365.790.961	3.125.318.178
Cộng		1.615.880.675	4.331.901.124
9 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công		20.405.128.730	17.314.645.641
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		114.365.296.072	47.557.779.074
Chi phí khấu hao tài sản cố định		15.283.326.916	12.491.680.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài		140.831.493.074	159.269.126.978
Chi phí khác bằng tiền		13.547.364.570	7.354.687.163
Cộng		304.432.609.362	243.987.919.595

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận trước thuế	23.070.557.285	26.403.951.453
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	1.698.308.312	4.530.158.981
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.784.691.457	4.631.769.491
+ <i>Khấu hao TSCĐ do ngừng hoạt động và vượt định mức</i>	1.329.735.715	4.331.901.124
+ <i>Thù lao HDQT, BKS không chuyên trách</i>	353.400.000	183.000.000
+ <i>Chi phí không được trừ khác</i>	101.555.742	116.868.367
- Các khoản điều chỉnh giảm	86.383.145	101.610.510
+ <i>Lãi chênh lệch tỷ giá</i>	26.907.145	37.610.510
+ <i>Lãi chia cổ tức</i>	59.476.000	64.000.000
c. Thu nhập chịu thuế	24.768.865.597	30.934.110.434
d. Chuyển lỗ, bù trừ lãi lỗ	-	(1.012.781.593)
e. Thu nhập tính thuế TNDN	24.768.865.597	29.921.328.841
c1. <i>Thu nhập áp dụng thuế suất phổ thông</i>	2.066.615.699	727.936.744
c2. <i>Thu nhập áp dụng thuế suất ưu đãi (10% x 50%)</i>	22.702.249.898	29.193.392.097
d. Thuế TNDN được miễn giảm (c2 x 10% x 50%)	2.270.224.990	1.459.669.605
e. Thuế TNDN phải nộp bổ sung theo QT thuế	413.323.140	145.587.349
d. Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	2.683.548.130	1.605.256.954

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

3 . Thông tin về các bên liên quan**3.1 Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan

Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường
 Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ
 Công ty Cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân
 Quỹ tín dụng Phả Lại

Mối quan hệ

Cổ đông góp vốn
 Góp vốn kinh doanh
 Góp vốn kinh doanh
 Góp vốn kinh doanh

3.2 Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 (VNĐ)
1. Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường	
Phải thu tiền mua tro bay	34.303.500.000
Thu tiền mua tro bay	34.303.500.000
Phải trả tiền hàng thông qua cảng, xếp dỡ hàng...	3.859.211.710
Trả tiền hàng thông qua cảng, xếp dỡ hàng...	2.878.160.150
2. Quỹ tín dụng Phả Lại	
Nhận tiền cổ tức	59.476.000
3. Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ	
Góp vốn	570.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNGĐịa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phá Lại,
thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2021**3.3 Giao dịch với các bên liên quan khác:**

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng trong kỳ kế toán:

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 (VNĐ)
1	Ông Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT	390.815.193
2	Ông Kiều Văn Cường	Thành viên HĐQT	53.300.000
3	Ông Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên HĐQT	53.060.000
4	Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	248.458.500
5	Ông Nguyễn Ánh Hồng	Thành viên HĐQT	53.300.000
6	Ông Nguyễn Hữu Lực	Thư ký Công ty	36.000.000
7	Ông Đào Xuân Quỳnh	Trưởng Ban Kiểm soát	53.900.000
8	Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên Ban Kiểm soát	32.400.000
9	Bà Bùi Thị Vê	Thành viên Ban Kiểm soát	32.400.000
10	Ông Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc	355.397.083
11	Ông Phạm Văn Thư	Phó Tổng Giám đốc	312.810.500
12	Ông Kiều Văn Vọng	Cố vấn Công ty	157.692.000
13	Ông Trần Văn Hoan	Kế toán trưởng	246.711.042

4. Công cụ tài chính**Giá trị sổ kế toán**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	14.657.994.999	-	6.676.219.466	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	76.187.370.104	(6.056.356.365)	106.736.929.391	(6.056.356.365)
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Cộng	90.845.365.103	(6.056.356.365)	113.413.148.857	(6.056.356.365)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	58.246.853.205	69.685.166.580
Chi phí phải trả	31.023.987	46.592.010
Các khoản vay	41.177.292.461	45.795.015.354
Cộng	99.455.169.653	115.526.773.944

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

- Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Từ 01 đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ (31/12/2021)			
Các khoản vay	41.177.292.461	-	41.177.292.461
Phải trả người bán	38.286.950.417	-	38.286.950.417
Chi phí phải trả	31.023.987	-	31.023.987
Phải trả khác	19.959.902.788	-	19.959.902.788
Số đầu kỳ (01/01/2021)			
Các khoản vay	45.795.015.354	-	45.795.015.354
Phải trả người bán	49.543.686.062	-	49.543.686.062
Chi phí phải trả	46.592.010	-	46.592.010
Phải trả khác	20.141.480.518	-	20.141.480.518

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại,
thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2021

6 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

7 . Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được Tổng Giám đốc phê duyệt đề ban hành vào ngày 19/01/2022.

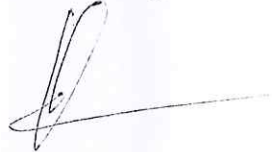
Hải Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng



Trần Văn Hoan

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2020	138.899.730.000	4.804.928.341		10.777.873.760	(4.437.122.649)	150.045.409.452
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	24.798.694.499	24.798.694.499
Tăng khác	-	-	-	-	279.075.924	279.075.924
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	138.899.730.000	4.804.928.341	-	10.777.873.760	20.640.647.774	175.123.179.875
Số dư tại 01/01/2021	138.899.730.000	4.804.928.341	-	10.777.873.760	20.640.647.774	175.123.179.875
Tăng vốn trong kỳ		-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	20.387.009.155	20.387.009.155
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.032.032.000		1.032.032.000
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(19.050.133.000)	(19.050.133.000)
Tăng khác	-	-	-	-		
Số dư tại 31/12/2021	138.899.730.000	4.804.928.341	-	11.809.905.760	21.977.523.929	177.492.088.030



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối qui	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		128,887,299,199	120,788,044,748
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	14,635,920,676	14,657,994,999
1. Tiền	111		14,635,920,676	14,657,994,999
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71,046,196,902	68,775,630,136
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03.1	51,814,581,630	49,788,367,558
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6,308,392,371	6,328,447,427
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	18,979,579,266	18,715,171,516
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6,056,356,365)	(6,056,356,365)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	23,341,766,144	20,217,675,986
1. Hàng tồn kho	141		23,341,766,144	20,217,675,986
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19,863,415,477	17,136,743,627
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,358,554,156	952,776,798
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18,504,861,321	16,183,966,829
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165,106,842,876	164,022,978,067
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7,683,831,030	7,683,831,030
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03.2	7,683,831,030	7,683,831,030
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		126,981,709,785	128,477,412,174
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	116,863,647,531	118,273,238,250
- Nguyên giá	222		248,911,496,561	247,061,496,561
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(132,047,849,030)	(128,788,258,311)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			

CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG
Km28+100m, QL18, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2022

- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	10,118,062,254	10,204,173,924
- Nguyên giá	228		15,650,050,399	15,650,050,399
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,531,988,145)	(5,445,876,475)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	5,096,109,918	2,808,536,191
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5,096,109,918	2,808,536,191
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	23,191,900,000	23,191,900,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,200,000,000	1,200,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21,991,900,000	21,991,900,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,153,292,143	1,861,298,672
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	2,153,292,143	1,861,298,672
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		293,994,142,075	284,811,022,815
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		113,780,125,973	107,318,934,785
I. Nợ ngắn hạn	310		113,780,125,973	107,318,934,785
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	39,814,190,127	38,286,950,417
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		223,747,775	316,348,810
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.13	370,243,725	604,620,831
4. Phải trả người lao động	314		2,004,014,844	3,310,925,376
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14		31,023,987
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	19,389,936,188	19,959,902,788
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	49,215,770,799	41,177,292,461
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2,762,222,515	3,631,870,115
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-

BẢN SAO

CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG
Km28+100m, QL18, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2022

6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	180,214,016,102	177,492,088,030
I. Vốn chủ sở hữu	410		180,214,016,102	177,492,088,030
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		138,899,730,000	138,899,730,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		138,899,730,000	138,899,730,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4,804,928,341	4,804,928,341
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11,809,905,760	11,809,905,760
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24,699,452,001	21,977,523,929
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,590,514,774	1,590,514,774
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23,108,937,227	20,387,009,155
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		293,994,142,075	284,811,022,815

Người lập

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Nhân

Trần Văn Hoan

Tổng giám đốc



Vũ Văn Chiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.17	71,357,517,784	115,048,939,983	71,357,517,784	115,048,939,983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.18				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		71,357,517,784	115,048,939,983	71,357,517,784	115,048,939,983
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	39,247,299,849	49,691,923,235	39,247,299,849	49,691,923,235
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		32,110,217,935	65,357,016,748	32,110,217,935	65,357,016,748
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	78,358,457	61,661,376	78,358,457	61,661,376
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	773,503,471	507,318,770	773,503,471	507,318,770
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		720,814,096	507,318,770	720,814,096	507,318,770
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.24	25,974,020,895	59,971,621,092	25,974,020,895	59,971,621,092
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.24	2,454,177,417	2,482,684,520	2,454,177,417	2,482,684,520
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		2,986,874,609	2,457,053,742	2,986,874,609	2,457,053,742
12. Thu nhập khác	31	VI.22	100,659,040	13,884,574,175	100,659,040	13,884,574,175
13. Chi phí khác	32	VI.23		1,184,829,562		1,184,829,562
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		100,659,040	12,699,744,613	100,659,040	12,699,744,613
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3,087,533,649	15,156,798,355	3,087,533,649	15,156,798,355
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.26	365,605,577	1,652,886,180	365,605,577	1,652,886,180
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2,721,928,072	13,503,912,175	2,721,928,072	13,503,912,175
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		195.96	972.21	195.96	972.21
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 92 H... Quý I năm 2022... SCT/BS
Ngày: 18-05-2022
UBND - P. PHẢ LAI - TP. CHÍ LINH - T. HẢI DƯƠNG

Người lập

[Signature]

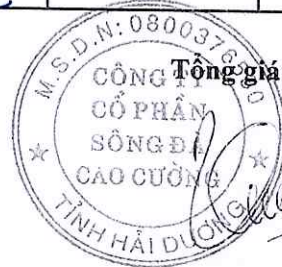
Đỗ Thị Ngọc Hôi

Kế toán trưởng

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Nhân

Trần Văn Hoan

Tổng giám đốc



Vũ Văn Chiến

BẢN SAO

CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG
Km28+100m, QL18, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		71,241,635,473	124,204,780,594
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(68,242,452,285)	(95,155,339,404)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(6,650,205,004)	(1,182,656,991)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(720,814,096)	(507,318,770)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(560,400,159)	(1,652,886,180)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		791,232,667	11,250,580
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(2,091,536,981)	(13,517,990,271)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6,232,540,385)	12,199,839,558
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,850,000,000)	(3,300,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			13,343,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			61,661,376
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,850,000,000)	71,704,376
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		59,416,784,329	78,488,907,926
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(51,378,305,991)	(92,246,433,832)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8,038,478,338	(13,757,525,906)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(44,062,047)	(1,485,981,972)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14,657,994,999	6,676,219,466
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		21,987,724	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		14,635,920,676	5,190,237,494

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 918.....Quản số: 21.....SCT/BS
Ngày: 18-05-2022
UBND - P. PHẢ LAI - TP. CHÍ LINH T. HẢI DƯƠNG

Người lập

[Signature]

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng

PHÓ CHỦ TỊCH
[Signature]
Nguyễn Văn Nhân

Trần Văn Hoan

Tổng giám đốc



[Signature]
Vũ Văn Chiến

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01. Tiền

	Cuối quý		Đầu năm	
- Tiền mặt		4,347,092,963		2,083,600,000
- Tiền gửi ngân hàng		10,288,827,713		12,574,394,999
Cộng:		14,635,920,676		14,657,994,999

02. Các khoản đầu tư tài chính

	Cuối quý		Đầu năm	
	SL	Giá trị	SL	Giá trị
- Đầu tư góp vốn vào Quỹ tín dụng NDPL		800,300,000		800,300,000
- Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Thạch Cao Đình Vũ	2,119,160	21,191,600,000	2,119,160	21,191,600,000
Đầu tư vào Công ty liên kết		1,200,000,000		1,200,000,000
Cộng:		23,191,900,000		23,191,900,000

03. Phải thu của khách hàng

03.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

Khách hàng	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Công ty CP thương mại & dịch vụ Tiên Linh	22,034,234	74,769,150
2. Công ty CP Vạn Thiên An	1,387,327,810	378,169,000
3. SINOHYDRO CORPORATION LIMITED LAOS NAM THEUN 1 HYDROPO	5,703,417,109	11,084,109,725
4. Công ty TNHH XD và TM xuất nhập khẩu Trường Tăng	85,589,118	185,888,318
5. Công ty cổ phần xây dựng và vận tải Sông Thao	508,966,155	741,936,660
6. Công ty TNHH Lâm Hùng Hà Đông	133,535,295	159,524,685
7. Công ty TNHH Trọng Phóng	5,864,749,975	4,594,913,515
8. Công ty TNHH phát triển XD vật liệu Xanh	1,501,094,500	1,139,011,581
9. Công ty CP đầu tư và xây lắp Thủ Đô	92,535,100	161,495,000
10. Công ty cổ phần SCI E&C	14,016,073,200	17,597,778,560
11. Công ty TNHH TM và XD Thiên Sơn	117,733,500	104,711,750
12. Công ty TNHH TM và DV Nam Na	84,116,900	115,211,300
13. Công ty cổ phần hạ tầng và XD INTECH	531,776,320	
14. Công ty TNHH KDXD và TMDV Hoàng Anh Phát	2,785,932,575	1,906,277,382
15. Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân - CN tổng Cty phát điện 3 - Công ty CP	2,532,943,364	1,689,549,400
16. Phlccement corporation	13,517,303,700	7,966,633,500
17. Phải thu khách hàng khác	2,929,452,775	1,888,388,032
Tổng cộng	51,814,581,630	49,788,367,558

03.2. Phải thu khách hàng dài hạn

Khách hàng	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Công ty TNHH XD Thăng Lợi Đông Triều	69,805,637	69,805,637
2. Nguyễn Văn Ninh	17,028,000	17,028,000
3. Lê Văn Hưng (Lê Văn Vương)	36,234,000	36,234,000
4. Trần Văn Nhất	10,494,000	10,494,000
5. Công ty TNHH MTV Hùng Lộc (DNTN Hùng Lộc)	110,682,000	110,682,000
6. Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng số 18	23,175,000	23,175,000
7. Công ty CP XD và TM Kim Nguyên	816,237,777	816,237,777
8. Công ty CP Sông Đà 12	4,650,000,000	4,650,000,000
9. Công ty CP Thương mại Cánh Buồm Đỏ	214,283,960	214,283,960
10. Công ty cổ phần Âu Lạc	19,436,750	19,436,750
11. Công ty TNHH đầu tư xây dựng và TM Quang Phương	12,598,400	12,598,400
12. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và dịch vụ Nhà Việt Nam	136,062,710	136,062,710
13. Công ty TNHH BTONG Việt Nam	113,850,000	113,850,000
14. Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phúc Gia	12,950,000	12,950,000
15. Nguyễn Sơn	3,507,200	3,507,200
16. Công ty TNHH NEPO	2,963,464	2,963,464
17. Vũ Văn Cường	6,600,000	6,600,000
18. Công ty TNHH BRICON Việt Nam	1,135,200	1,135,200
19. Nguyễn Chu Dương	4,435,200	4,435,200
21. Công ty cổ phần xây dựng Piecons	24,250,000	24,250,000
22. Anh Thao	9,779,000	9,779,000
23. Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu World	15,067,780	15,067,780
24. Công ty cổ phần thạch cao GYPRO Việt Nam	929,500,000	929,500,000
25. Công ty cổ phần Hoàng Hải Anh	18,156,600	18,156,600
26. CMC/ITD/SONGDA JOINT VENTURE LAOS NAM THEUN 1 HYDROPOWER	377,622,000	377,622,000
27. SK ENGINEERING & CONSTRUCTION (XEPIAN-XENAMNOY HYDROPOWER PROJECT)	47,976,352	47,976,352
Tổng cộng	7,683,831,030	7,683,831,030

04. Phải thu khác

- Phải thu khác

Cuối quý

89,993,243

Đầu năm

89,993,243

- Chi phí nghiên cứu đề tài khoa học

18,407,319,340

18,407,319,340

Cộng:

18,497,312,583

18,497,312,583

05. Hàng tồn kho

- Nguyên liệu, vật liệu

Cuối quý

10,812,739,491

Đầu năm

12,926,236,050

- Công cụ, dụng cụ

145,654,582

114,444,298

- Chi phí SX, KD dở dang

4,091,095,820

3,956,449,764

- Thành phẩm	8,292,276,251	3,162,045,874
Cộng giá gốc hàng tồn kho:	23,341,766,144	20,159,175,986

06. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Cuối quý</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tổng số chi phí XDCB dở dang		
Xây dựng cơ bản bán mái kho chứa thành phẩm	1,234,606,979	150,689,354
Xây dựng cơ bản si lô trung gian và vít lò 5+6...	2,556,096,154	1,829,066,751
Xây dựng cơ bản HT vớt bột xỉ ẩm tại NMNĐ Mông Dương	333,076,238	333,076,238
Xây dựng cơ bản Nền móng cầu cảng	526,462,619	426,292,619
Xây dựng cơ bản nhà mẫu Panel SP mới	445,867,928	69,411,229
Cộng:	5,096,109,918	2,808,536,191

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DC cụ quản lý	Tổng
I. Nguyên giá TSCĐHH	68,783,932,251	171,047,395,201	9,049,169,109	31,000,000	248,911,496,561
Số dư đầu năm	68,783,932,251	169,197,395,201	9,049,169,109	31,000,000	247,061,496,561
Mua trong năm		1,850,000,000			1,850,000,000
Đầu tư XDCB hoàn thành					-
Tăng khác					-
Thanh lý nhượng bán					-
Giảm khác					-
Số dư cuối năm	68,783,932,251	171,047,395,201	9,049,169,109	31,000,000	248,911,496,561
II. Giá trị hao mòn lũy kế	30,192,295,313	93,985,369,539	7,847,717,497	22,466,681	132,047,849,030
Số dư đầu năm	29,400,022,397	91,518,051,736	7,847,717,497	22,466,681	128,788,258,311
Khấu hao trong năm	792,272,916	2,467,317,803			3,259,590,719
Tăng khác					-
Thanh lý nhượng bán					-
Giảm khác					-
Số dư cuối năm	30,192,295,313	93,985,369,539	7,847,717,497	22,466,681	132,047,849,030
III. Giá trị còn lại của TSCĐHH	38,591,636,938	77,062,025,662	1,201,451,612	8,533,319	116,863,647,531
Tại ngày Đầu năm	39,383,909,854	77,679,343,465	1,201,451,612	8,533,319	118,273,238,250
Tại ngày Cuối năm	38,591,636,938	77,062,025,662	1,201,451,612	8,533,319	116,863,647,531

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngân hàng BIDV Bắc Hải Dương là: 116.863.647.531đ

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình	6,734,031,852	-	-	8,916,018,547	15,650,050,399
Số dư đầu năm	6,734,031,852			8,916,018,547	15,650,050,399
Mua trong năm				-	-
Tăng khác	-			-	-
Thanh lý nhượng bán	-			-	-
Giảm khác	-			-	-
Số dư cuối năm	6,734,031,852	-	-	8,916,018,547	15,650,050,399
II/ Giá trị hao mòn lũy kế	1,858,009,760	-	-	3,673,978,385	5,531,988,145
Số dư đầu năm	1,816,839,602	-	-	3,629,036,873	5,445,876,475
Khấu hao trong năm	41,170,158			44,941,512	86,111,670
Tăng khác	-			-	-
Thanh lý nhượng bán	-			-	-
Giảm khác	-			-	-
Số dư cuối năm	1,858,009,760	-	-	3,673,978,385	5,531,988,145
III. Giá trị còn lại của TSCĐVH	4,876,022,092	-	-	5,242,040,162	10,118,062,254
Tại ngày Đầu năm	4,917,192,250	-	-	5,286,981,674	10,204,173,924
Tại ngày Cuối năm	4,876,022,092	-	-	5,242,040,162	10,118,062,254

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngân hàng BIDV Bắc Hải Dương: 10.118.062.254 đồng

09. Chi phí trả trước

- Tiền thuê đất

Cuối quý

1,069,389,778

Đầu năm

1,108,550,000

- Chi phí phải trả khác

2,442,456,521

1,705,525,470

Cộng

3,511,846,299

2,814,075,470

10. Tài sản khác

- Tạm ứng

Cuối quý

482,266,683

Đầu năm

217,858,933

Cộng:

482,266,683

217,858,933

11. Vay và nợ thuê tài chính

Vay ngắn hạn:

- BIDV Bắc Hải Dương

Cuối quý

49,215,770,799

Đầu năm

41,177,292,461

49,215,770,799

41,177,292,461

Cộng

49,215,770,799

41,177,292,461

12. Phải trả người bán

Khách hàng	Cuối Quý	Đầu năm
1. Công ty TNHH thương mại Hoàng Tiếp	14,663,481,657	17,707,393,825
2. Công ty cổ phần Bắc Sơn	635,300,570	635,300,570
3. Công ty TNHH Đức Thành Long	1,151,239,284	293,476,040
4. Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại	488,427,183	174,219,678
5. Công ty TNHH vận tải giao nhận và TM ISTAR	1,059,206,663	290,700,000
6. Công ty TNHH Trịnh Xuân	1,209,575,052	2,852,228,380
7. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Lợi Lộc	5,758,314,027	4,394,682,024
8. Công ty CP thiết kế công nghiệp và hệ thống kỹ thuật LiLaMa 69-3	438,593,190	438,593,190
9. Công ty cổ phần vật liệu xây dựng SBG	328,754,088	328,754,088
10. Công ty CP công nghiệp dịch vụ Cao Cường	1,686,548,222	1,200,934,850
11. BM TRANGDING IMPORT EXPORT AND CONST.	55,060,860	165,334,960
12. Công ty TNHH TM và DVVT Trường Sơn	1,560,727,116	141,125,305
13. Công ty TNHH KDXD và TMDV Hoàng Anh Phát	2,655,381,797	1,526,699,661
14. Công ty cổ phần Trung Kiên Holodings	2,123,042,400	1,007,914,380
15. Công ty TNHH Thương mại Nhật Linh	566,072,909	685,138,650
16. Công ty TNHH 26868	594,565,920	425,370,000
17. Phải trả người bán khác	4,839,899,189	6,019,084,816
Tổng cộng	39,814,190,127	38,286,950,417

13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Cuối quý	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18,504,861,321	16,183,966,829
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	365,605,577	560,400,159
- Thuế thu nhập cá nhân	4,638,148	44,220,672
Cộng	18,875,105,046	16,788,587,660

14. Chi phí phải trả

	Cuối quý	Đầu năm
- Lãi vay phải trả		31,023,987
	-	31,023,987

15. Phải trả khác

	Cuối quý	Đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	77,273,520	76,923,360
- Bảo hiểm xã hội	217,242,000	
- Bảo hiểm y tế	39,103,560	
- Bảo hiểm thất nghiệp	8,689,680	
- Phải trả phải nộp khác	18,252,375,500	18,252,375,500
- Phải trả cổ tức	795,251,928	1,630,603,928
Cộng	19,389,936,188	19,959,902,788

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Tại ngày 01/01/2021	138,899,730,000	4,804,928,341	10,777,873,760	20,640,647,774	175,123,179,875
Tăng vốn trong năm trước	-	-	1,032,032,000	20,387,009,155	20,387,009,155
Phân phối lợi nhuận					-
Lãi trong năm trước				20,387,009,155	20,387,009,155
Phân phối quỹ			1,032,032,000		
Tăng khác					
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	19,050,133,000	19,050,133,000
Lỗ trong năm trước					-
Phân phối lợi nhuận				19,050,133,000	19,050,133,000
Truy thu thuế TNDN					-
Tại ngày 31/12/2021	138,899,730,000	4,804,928,341	11,809,905,760	21,977,523,929	177,492,088,030
Tại ngày 01/01/2022	138,899,730,000	4,804,928,341	11,809,905,760	21,977,523,929	177,492,088,030
Tăng trong năm nay	-	-	-	2,721,928,072	2,721,928,072
Lãi trong năm nay				2,721,928,072	2,721,928,072
Phân phối lợi nhuận					-
Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay					-
Phân phối lợi nhuận					-
Số dư cuối năm nay	138,899,730,000	4,804,928,341	11,809,905,760	24,699,452,001	180,214,016,102

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Quý này năm nay</u>	<u>Quý này năm trước</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Công ty Cổ phần Sông Đà 12	3,630,000,000	3,630,000,000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường	18,320,060,000	18,320,060,000
- Vốn góp các cổ đông khác	116,949,670,000	116,949,670,000
-		
Cộng	138,899,730,000	138,899,730,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Quý này năm nay</u>	<u>Quý này năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	138,899,730,000	138,899,730,000
+ Phân phối cổ tức		
+ Vốn góp cuối năm	138,899,730,000	138,899,730,000

đ. Cổ phiếu

	<u>Quý này năm nay</u>	<u>Quý này năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13,889,973	13,889,973
+ Cổ phiếu phổ thông	13,889,973	13,889,973

+ Cổ phiếu ưu đãi

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

10.000Đ/CP

10.000Đ/CP

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động

	<u>Quý này năm nay</u>	<u>Quý này năm trước</u>
17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)		
- Doanh thu bán hàng	71,357,517,784	115,048,939,983
Cộng	71,357,517,784	115,048,939,983
18. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)		
Trong đó		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế xuất khẩu		
Cộng	-	-
19. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)		
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	39,247,299,849	49,691,923,235
Cộng	39,247,299,849	49,691,923,235
20. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,681,358	2,185,376
- Lãi chênh lệch tỷ giá	74,677,099	59,476,000
Cộng	78,358,457	61,661,376
21. Chi phí tài chính (Mã số 22)		
- Lãi tiền vay	720,814,096	507,318,770
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	52,689,375	
Cộng	773,503,471	507,318,770
22. Thu nhập khác		
- Thanh lý TSCĐ		12,130,000
- Thu nhập khác	100,659,040	13,872,444,175
Cộng	100,659,040	13,884,574,175
23. Chi phí khác		
- Khấu hao TSCĐ		1,084,475,563
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý		100,353,999
Cộng	-	1,184,829,562

	<u>Quý này năm nay</u>	<u>Quý này năm trước</u>
24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,454,177,417	2,488,784,520
Chi phí bán hàng	25,974,020,895	59,971,621,092
Cộng	28,428,198,312	62,460,405,612
25. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	33,087,128,191	39,701,931,945
Chi phí nhân công	4,374,882,327	2,742,942,575
Chi phí khấu hao	3,290,433,272	5,281,886,538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,319,347,693	1,984,018,313
Chi phí bằng tiền khác	775,971,098	5,032,037,950
Cộng	43,847,762,581	54,742,817,321
26. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận trước thuế TNDN	3,087,533,649	15,156,798,355
Thuế TNDN hiện hành	365,605,577	1,652,886,180
Thuế TNDN phát sinh trong kỳ		
Chi phí thuế TNDN truy thu		
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2,721,928,072	13,503,912,175

27. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cùng kỳ của năm trước.

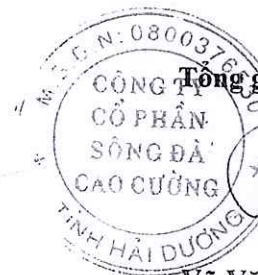
Người lập

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng

Trần Văn Hoan

Tổng giám đốc



Vũ Văn Chiến



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nhân